

Thích Như Điển

LÒNG TỪ ĐỨC PHẬT

MỤC LỤC

Trang

LỜI GIỚI THIỆU.....	5
LỜI ĐẦU SÁCH.....	9
VẤN ĐỀ THỦ TỤC.....	12
NGÀY ĐẦU NƠI ĐẤT PHẬT	16
Ngày thứ hai – 9 tháng 12 năm 1988	24
Ngày thứ ba – 10 tháng 12 năm 1988	36
Ngày thứ tư – 11 tháng 12 năm 1988.....	42
Ngày thứ năm – 12 tháng 12 năm 1988	63
Ngày thứ sáu – 13 tháng 12 năm 1988.....	72
Ngày thứ bảy – 14 tháng 12 năm 1988	94
Ngày thứ tám – 15 tháng 12 năm 1988	101
Ngày thứ chín – 16 tháng 12 năm 1988.....	111
Ngày thứ mười – 17 tháng 12 năm 1988	124
Ngày thứ mười một – 18 tháng 12 năm 1988.....	134
Ngày thứ mười hai – 19 tháng 12 năm 1988.....	141
Ngày thứ mười ba – 20 tháng 12 năm 1988.....	152
Ngày thứ mười bốn - 21 tháng 12 năm 1988	161
Cuối một đoạn đường.....	164

LỜI GIỚI THIỆU

Trong Hán Tạng, kinh Đại Bát Niết Bàn do Ngài Đàm Vô Sấm dịch với thời Bắc Lương (thế kỷ thứ 5) có ghi lại lời dạy cuối cùng của Đức Phật với các đệ tử:

„... Sau khi ta nhập Niết Bàn, đại chúng phải tinh tấn tu hành sớm ra khỏi ba cõi, chớ có giải đãi, phóng dật tán tâm...”
(Kinh Đại Bát Niết Bàn, phẩm 26)

Kinh Đại Bát Niết Bàn, bản dịch của Ngài Pháp Hiền thời Đông Tấn (thế kỷ thứ 5), Đức Phật đã dạy các đệ tử như sau:

„... Các thầy nên biết: hết thảy mọi hình tướng đều vô thường: Thân ta là thể kim cương nhưng cũng không nằm ngoài lẽ vô thường. Trong nẻo sinh tử rất đáng sợ hãi. Các thầy nên siêng năng tinh tấn tu tập để thoát khỏi hố lửa sinh tử...”
(Kinh Đại Bát Niết Bàn - phẩm 16)

Kinh Đại Niết Bàn (Maha – Parinibbānasuttanta) trong tạng Pali, ghi lại lời dạy cuối cùng của Đức Thế Tôn như vậy:

“... Nay các thầy tỳ kheo, nay ta khuyên các người: “Các phép hữu vi là vô thường hãy tin tấn, chớ có phóng dật...”
(Trường Bộ Kinh, tập 13)

Kinh Di Giáo do Ngài Cưu Ma La Thập dịch vào đời Diêu Tần (384-417), Đức Phật đã dẫn dò các đệ tử vào phút chót:

“... Các thầy tỳ kheo, hãy thường nhất tâm nỗ lực cần cầu tuệ giác giải thoát. Toàn thể vũ trụ đều pháp biến động hay bất động đều là trạng thái bất an và tan rã. Thôi các thầy hãy yên lặng. Không nên nói nữa, giờ niết bàn đã đến rồi...”.
(Địa Tạng, quyển 12, Phật Thùy Niết Bàn, lược thuyết giáo giới Kinh).

Từ ngày còn nhỏ, khi xuất gia ít lâu, vào Phật Học Viện, kinh điển đầu tiên mà tôi được quý Thầy giảng dạy, đó là kinh Di Giáo.

Lớn lên, đi làm Phật sự đó đây, lại có dịp đọc tụng và nghiên cứu nhiều kinh rộng lớn hơn trong Đại Tạng cả Bắc lẫn Nam Tông. Kinh Di Giáo được gói nhỏ lại và cất vào một nơi nào đó trong ký ức. Như một chai dầu nhỏ, khi lên xe ra tỉnh học, cha mẹ gói kỹ, cho đem theo phòng khi cảm mạo nhức đầu. Nhưng khi ra tỉnh, tới thủ đô, có biết bao nhiêu thuốc hay, thuốc lạ, thuốc ngoại quốc, làm cho chai dầu nhỏ trong túi áo trở thành món đồ cổ bỏ vào một góc nào đó của va-li. Chỉ để lâu lâu nhìn chơi chớ không dùng tới.

Ấy vậy mà, khi đến chiêm bái tại Câu Thi Na năm vừa qua, sau khi tụng kinh đánh lễ Phật xong, nói một chút về lịch sử Niết Bàn của Đức Phật và đọc lại đoạn chót trong kinh Di Giáo, thì tôi không đọc được hết câu. Sự xúc động tràn ngập.

Trước mặt tôi, tượng Phật nhập Niết Bàn nằm dài gần 10 thước, một tay để xuôi bên hông, một tay lót dưới đầu nghiêng về phía hữu như trong kinh sách diễn tả. Nét mặt tươi tỉnh tự nhiên như người nằm ngủ.

Không khí lắng đọng. Bên ngoài ngôi tháp Niết Bàn, vẫn còn mấy cây Sa La đứng thẳng, yên tĩnh lạ thường. Có phải chăng vì thế mà tôi nhớ lại khung cảnh vào lúc nửa đêm 2532 năm về trước, như trong kinh Di Giáo đã nói, Đức Phật nằm dưới gốc cây Sa La để dẫn dò các đệ tử những lời dạy sau cùng trong khi A Nan đi tìm một nơi khuất để khóc than thảm thiết.

Tôi không đọc được nữa. Tôi không dám nhìn lên. 25 thế kỷ qua, cảnh ấy vẫn còn đây...

Thực ra, bây giờ, bên cạnh tượng Phật nằm dài trong tư thế tịch tĩnh Niết Bàn không có A Nan và A Nâu Lô Đà bên cạnh để săn sóc mà là hai anh em đồ đệ của Ấn Độ Giáo chỉ biết đon đả tiếp du khách để bán ảnh kiếm tiền. Và trên đường đi đến Câu Thi Na, không còn thấy gia đình ông thợ rèn Thuần Đà cung kính thỉnh Phật cúng dường bữa cơm cuối cùng. Không còn ông Tu Bạt Đà La, hơn 100 tuổi, vẫn mong đợi gặp Phật để nghe lời pháp sau rốt.

Mà tất cả là dân ngoại đạo, Ấn Độ Giáo, chỉ biết lợi dụng, khai thác những gì của Phật Giáo để lại, để kiếm sống trong cái xã hội nghèo đói đầy giai cấp bất công như 2500 năm trước.

Nhưng trong công viên Câu Thi Na này, mấy cây Sa La vẫn còn đó, đứng thẳng, yên lặng như những chứng nhân lịch sử. Không khí Niết Bàn tịch tĩnh như vẫn còn phảng phất đâu đây, nhất là trên pho tượng, trên nét mặt của Ngài. Lời dạy cuối cùng như còn văng vẳng bên tai, những đệ tử quỳ chung quanh: “Này các tỳ kheo, nay ta khuyên các người....”.

Tôi không đọc nữa. Lời nói không đủ khả năng diễn tả và trấn áp. Chỉ còn lại sự yên lặng và yên lặng mới có thể nhìn xuyên qua bao nhiêu cuộc đổi thay, thăng trầm, phế hưng của lịch sử...

Hôm nay, nhân đọc bản thảo tập hồi ký chuyến hành hương ngắn ngủi hai tuần trên đất Ấn của Thượng Tọa Thích Như Điển, tôi xin ghi lại cảm xúc trên đây như một lưu niệm của chuyến đi và đồng thời cũng để gián tiếp giới thiệu tập hồi ký đến với tất cả bà con độc giả xa gần.

Paris, tháng Giêng 1989
Tọa chủ Chùa Khánh Anh
Thích Minh Tâm

LỜI ĐẦU SÁCH

Sau 2 tuần chiêm bái Phật tích tại Ấn Độ, phái đoàn chúng tôi đã về lại Âu Châu và Canada vào ngày 21 tháng 12 năm 1988. Có nhiều vị Phật Tử trong đoàn hành hương mong mỗi chúng tôi tiếp tục viết về “*Đường Không Biên Giới*” để tường thuật về chuyến đi này cho Phật Tử khắp năm châu có thể đọc được trên Viên Giác phát hành trong những năm tới. Tôi có trả lời rằng: “Nếu viết về chuyến đi này mà đăng trên Viên Giác 2 tháng một lần, có lẽ đến hai năm mới hết chuyện. Tôi sẽ viết thành một quyển sách cho quý vị đọc, mà chưa biết lấy tên tựa là gì. Vì “Đường về xứ Phật” Thượng Tọa Minh Châu và Hòa Thượng Huyền Vi đã viết rồi. Còn “Đường không biên giới” có lẽ không tiếp tục nữa”. Có một Phật Tử vừa pha trò vừa đề nghị với tôi rằng: “Thôi kỳ này Thầy viết về ‘Đường đi không dép’ đi”. Cả đoàn người hành hương phá lên cười nức nở. Vì có lần đoàn hành hương phải đi bộ qua sông Ni Liên Thiên, nơi Đức Phật tắm gội trước khi lên ngôi tỉnh tọa dưới gốc cây Bồ Đề suốt 49 ngày đêm để đạt được quả vị giác ngộ, chúng tôi tất cả phải bỏ giày, dép mới lội qua sông được. Vì thế có người lại đề nghị tựa đề như trên. Nghe cũng hữu lý nhưng có lẽ chưa được hay lắm. Do đó tôi chọn một vài tựa đề khác như sau: “2 tuần chiêm bái Phật tích tại Ấn Độ”; nhưng tựa đề này có vẻ hơi dài. Hay là nên chọn đề tài “Tiếng vọng sông Hằng”, nghe cũng tạm ổn. Nhưng sông Hằng không tượng trưng đầy đủ về những đặc thù của Phật Giáo. Cuối cùng tôi đã chọn được đề tài tạm ưng ý nhất. Đó là “Lòng từ Đức Phật”.

“Lòng từ Đức Phật” là một câu chuyện kể lại từng chặng đường của phái đoàn hành hương của chúng tôi đã trải qua suốt hơn 2 tuần lễ nơi các Thánh Tích quan trọng của Phật Giáo tại Ấn Độ. Sách này viết theo loại ký sự, vì thế sẽ được viết theo diễn tiến từng ngày, từng nơi và từng việc xảy ra trong chuyến hành hương này. Có thể nhiều đoạn lặp lại nhiều lần, vì có nhiều sự việc xảy ra trong nhiều lúc khác nhau trong cùng một sự kiện. Mong rằng quý độc giả sẽ thông cảm bỏ qua những điểm này.

Năm nay tôi không định viết thêm tác phẩm nào nữa. Nhưng sau chuyến hành hương này, qua sự đề nghị cũng như khuyến khích của các vị Phật Tử chung đoàn và chính tự bản thân cũng cảm thấy cần phải viết để giới thiệu đến quý độc giả xa gần. Vì thế tác phẩm này đã được ra đời.

Sách này bắt đầu viết ngày 23 tháng 12 năm 1988 và chấm dứt sau đúng 1 tuần lễ miệt mài với giấy mực và cây viết.

Nếu chẳng may trong tác phẩm này có những điểm không được chính xác. Kính mong các bậc cao minh chỉ giáo cho. Cũng như kính xin quý độc giả bỏ tấc cho những thiếu sót nếu có.

Nguyện đem những lợi ích này, hồi hướng đến nhân thiên và cầu nguyện cho thế giới được hòa bình, nhân sinh an lạc.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Tác giả căn chí
Thích Như Điển

Kính lạy Phật, Pháp, Tăng
Ba Ngôi Báu trong đời
Kính dâng tác phẩm này
Lên chư Phật chứng minh
tâm lòng chân thật của chúng con

VẤN ĐỀ THỦ TỤC

Tuy việc giao thương của thế giới ngày nay đã đơn giản hóa rất nhiều. Nhưng còn một vài nước có quá nhiều thủ tục để được nhập nội. Trong đó có Ấn Độ.

Trước khi lên đường đi hành hương chiêm bái các Phật tích chừng 3 tháng chúng tôi đã đăng tải tin này lên báo Viên Giác. Đã có 30 người ghi tên tham gia; nhưng sau đợt đầu có 20 người bỏ cuộc. Lý do vì không đủ phương tiện tài chánh để theo suốt cuộc hành trình. Còn lại 10 người, rồi còn 7 và cuối cùng trước khi lên đường sang Ấn Độ, phái đoàn Tây Đức chỉ còn có 5 vị. Trong đó có chúng tôi và 4 vị Phật Tử đến từ Bá Linh.

Phái đoàn chúng tôi đã nhập chung với phái đoàn chùa Khánh Anh, Pháp, gồm 7 vị, Bỉ 1 vị, Thụy Sĩ 1 vị và Canada 5 vị. Tất cả gồm 19 vị.

Thông thường, người Âu Mỹ khi đi du lịch các nước Á Châu, không cần phải có chiếu khán, nếu ở tại đó không quá 3 tháng. Nhưng những người tỵ nạn như chúng ta chưa có quốc tịch Âu Mỹ do đó vẫn đề Visa quả là thiên nan, vạn nan.

Ở đây không có những thủ tục “đầu tiên” hoặc thủ tục sau cùng; nhưng quả thực đây là một thử thách cho những người con Phật, muốn sang thăm Thánh địa của Ngài.

Giấy tờ đã đầy đủ, phương tiện đã sẵn có nhưng các Lãnh sự quán của Ấn Độ tại Tây Đức đã không dễ dàng cấp phát Visa cho những người trong đoàn vì những lý do thật đơn giản mà khó giải thích vô cùng. Ví dụ như đơn xin phải viết bằng tiếng Anh chứ không bằng tiếng Đức; giấy tờ hình ảnh đã nộp rồi; nhưng nhân viên Sứ quán của Ấn Độ đã sơ ý làm mất, do đó phải nộp làm thủ tục lại.

Trước khi khởi hành 5 ngày mà các vị Phật Tử tại Bá Linh vẫn chưa có Visa, mặc dầu vé máy bay đã có sẵn. Nếu Visa xin không được, không biết vé máy bay phải tính ra sao bây giờ. Khiến cho Đạo Hữu Trúc Ngộ, người lo thủ tục giùm cho chuyến hành hương đi từ Bá Linh phải chạy đôn chạy đáo mọi bề; nhưng kết quả vẫn chưa có.

Có nhiều vị trong đoàn đã nản chí gọi điện thoại về chùa bảo rằng sẽ không tham gia chuyến hành hương này. Vì giấy tờ khó quá, tôi cố gắng an ủi rằng: “Ngày xưa Ngài Tam Tạng đi thỉnh kinh, đã chịu biết bao gian khổ, thôi hãy cố gắng đi lên Sứ quán xin tiếp tục nữa đi”. Qua lời khuyên ấy có nhiều vị an tâm; nhưng chưa nắm được phần chắc trong tay nên cũng lo lắng. Trong những ngày đầu tháng 12 năm 1988 điện thoại Bá Linh – Hannover liên tục thường xuyên hơn mọi khi để báo tin kịp thời từng chi tiết một đã và sẽ xảy ra về việc đơn xin chiếu khán.

Vào ngày 2 tháng 12 năm 1988, sau khi nói chuyện với các Sinh viên Đại Học Aarhus Đan Mạch về, đến Flensburg; địa phương nằm phía bắc, tuyến đầu của nước

Đức, tôi đã tức tốc điện thoại sang Bá Linh và được biết tất cả đã có chiếu khán; nhưng chỉ vào Ấn Độ được một lần, trong vòng thời gian một tháng. Nỗi mừng vui không sao tả xiết. Đúng như lời Giáo sư Lâm Trung Quốc đã nói: “trước sau rồi cũng được”. Trước sau chẳng biết là bao nhiêu ngày, nhưng sự trông đợi cho có chiếu khán, cổ ai cũng dài thêm 5 phân nữa. Quả thật trong cuộc đời, bất cứ việc gì, phải quyết tâm trì chí rồi cuối cùng cũng sẽ thành công. Nhiều lúc như thế, tôi lại đem kinh Dịch ra để tự an ủi với chính mình “cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu”. Nghĩa là phạm cái gì đến đường cùng phải biến đổi. Sau khi biến đổi rồi, tự nhiên thông suốt, sau khi thông suốt tự nhiên trường cửu. Bình thường ai nghe cũng có lý; nhưng khi hữu sự, quả thật chẳng đơn giản chút nào.

Chuyện gì đến rồi cũng phải đến. Đôi lúc đến dồn dập không kịp thở, đôi lúc công việc đến một cách bình thường. Nhưng dầu bình thường hay khó khăn đó chẳng qua là chặng đường thử thách trong cuộc đời, nhất là cho những người học Phật.

Vào 9 giờ sáng ngày 7 tháng 12 năm 1988 chiếc VW Bus của chùa Viên Giác chở phái đoàn hành hương đến phi trường Shipol – Amsterdam. Sau 5 tiếng đồng hồ chúng tôi đã đến sớm hơn giờ cất cánh 3 tiếng. Thời gian này cũng đủ để kiểm lại giấy thông hành, vé máy bay và tìm gặp một vị Phật Tử từ Bỉ đến đi chung cùng phái đoàn.

Sau những thủ tục giấy tờ, chúng tôi đã vào bên trong phòng chờ đợi để chuẩn bị lên máy bay.

Chuyến bay AI 144 đã chở nhiều hành khách từ Paris đến đây và lấy thêm hành khách tại Amsterdam để sau đó bay thẳng đến New-Delhi, thủ đô của Ấn Độ.

Khi vào trong lòng máy bay, chúng tôi đã gặp phái đoàn của chùa Khánh Anh do Thượng Tọa Thích Minh Tâm hướng dẫn và Phật Tử chùa Quan Âm – Canada.

Chiếc máy bay 747 của hãng hàng không Ấn Độ từ từ ra khỏi phi đạo, mang chúng tôi trở lại với thiên nhiên, đất, trời trong khoảng không vô tận ở độ cao hơn 1000 mét. Trời vẫn trong, gió vẫn lặng, âm thanh của máy bay vẫn đều đều làm cho khách lữ hành có một cảm giác nhẹ nhàng khi ở xa mặt đất.

Lâu nay ai cũng bảo cơm carry của Ấn Độ cay; nhưng có lẽ nhiều người chưa biết đến, và chính hôm nay đây, trên máy bay này, nhiều người đã hưởng được hương vị cay xé cổ đó. Đặc biệt người ăn chay nhiều hơn ăn mặn.

Sau khi ăn cơm, mọi người được xem phim Ấn Độ và sau hơn 8 tiếng đồng hồ bay, phái đoàn chúng tôi đã đến phi trường quốc tế Indra Gandhi.

NGÀY ĐẦU NƠI ĐẤT PHẬT

Đúng 6 giờ sáng giờ địa phương chúng tôi đã rời khỏi hàng rào quan thuế rườm rà của xứ Ấn. Chắc trên thế giới này cái gì có là Ấn Độ có hết. Từ bom nguyên tử đến nghèo đói tận cùng của xã hội. Quả thật, một xã hội không thể nào hiểu nổi. Chưa có quốc gia nào khi làm đơn xin chiếu khán và giấy nhập nội mà phải khai đến tên chồng, tên cha, như cả ba đời lý lịch. Có lẽ chỉ có xứ Ấn Độ mà thôi.

Giáo sư Lâm Quốc Trung – 20 năm trước đây đã du học tại Ấn Độ và hiện tại đang dạy học tại Đại Học Nantes ở Pháp và là Hội Trưởng Hội Phật Giáo Việt Nam Bồ Đề Đạo Tràng đã có mặt tại sân bay từ sớm tinh sương với Đại Đức Thích Quảng Lượng, Trụ trì chùa Hoa Nghiêm tại Toronto, Canada, đến trước chúng tôi vài giờ cùng với Sư Nanda, người Ấn Độ, hiện ở chùa Việt Nam Phật Quốc Tự, đã trao từng vòng hoa vạn thọ cho từng người trong phái đoàn để mừng chúng tôi đã đến đất Phật. Ai nấy cũng đều cảm động với sự tiếp đón nồng hậu này.

Chúng tôi bước lên xe Bus và Giáo sư Lâm Trung Quốc bắt đầu chào mừng phái đoàn từ Âu Châu cũng như Canada đến. Giáo sư đã chỉ dẫn những thủ tục cần thiết ở khách sạn, giải thích tổng quát những điều cần phải làm khi ở tại xứ Ấn cũng như cố gắng quan sát những việc xảy ra chung quanh mình và khoan kết luận. Vì Giáo sư có nói rằng “Sau gần 20 năm quen biết và ở xứ Ấn Độ, tôi vẫn

chưa hiểu người Ấn Độ là gì". Chỉ câu nói ngắn gọn ấy cũng đủ làm cho chúng tôi suy nghĩ.

Đại lộ thênh thang kéo dài từ phi trường về khách sạn Yacca của Thiên Chúa, tôi cảm thấy lòng mình như ấm lại, mặc dầu sương mai vẫn còn che phủ cảnh vật chung quanh. Giáo Sư cũng có lưu ý là phái đoàn không nên nghĩ rằng con đường đi hành hương sắp đến đây của chúng ta, tất cả trên mọi nẻo đường đều giống con đường này. Đây chỉ là một con đường có tính cách quốc tế và mọi con đường khác đều có những khó khăn của nó. Phái đoàn vẫn im lặng chăm chú nghe những lời giải thích mà không ai hỏi lại, cũng chẳng phát biểu ý kiến trong lúc này. Vì tất cả đều mới lạ.

Một điều cũng lạ là phái đoàn Phật Tử và Tăng Sĩ chúng tôi đi chiêm bái các Phật tích tại Ấn Độ mà ở khách sạn của Thiên Chúa Giáo. Giáo Sư Lâm Trung Quốc giải thích thắc mắc này: "Sở dĩ chúng tôi để phái đoàn ở khách sạn của Thiên Chúa Giáo là vì chúng tôi muốn quý vị biết về cách tổ chức của họ tại xứ này". Mọi người yên lặng làm thủ tục ở lại khách sạn và vào phòng điểm tâm dùng sáng để sau đó về phòng nghỉ cho khỏe để chiều còn đi thăm các thắng cảnh tại New Delhi.

Điều lưu ý đầu tiên của Giáo Sư Lâm Trung Quốc đến phái đoàn là không nên dùng nước lạnh của nhà hàng mang ra, mà phải xin nước thật sôi để uống hoặc nếu muốn uống nước "mineral water" phải xem thật kỹ có thật hay giả.

Giáo Sư đã giải thích việc ăn uống, cách đổi tiền, cách ở khách sạn v.v..., mọi người nghe cũng yên tâm; nhưng

đồng thời cũng lo lắng. Yên tâm vì đã có người lo lắng, giúp đỡ; nhưng âu lo vì xứ gì mà quá phức tạp đủ mọi chuyện giấy tờ.

Khi bước vào phòng khách sạn, tự nhiên tôi thấy trống trải không như những khách sạn ở Âu Châu. Ở đây sang trọng vào nhì ba; nhưng so với Âu Châu chẳng có chỗ nào như thế cả. Nhìn chung quanh tường, nơi nào cũng loang lổ. Nhìn tấm kiếng trên đầu giường, bụi đã bám đầy với năm tháng, chẳng có người nào lưu ý lau chùi. Bước vào cầu tiêu, chẳng thấy giấy đi cầu. Nhìn nhà tắm có vẻ sơ sài nơi xứng nóng, tôi đâm ra lo. Cho đến bây giờ thì tôi mới hiểu được tại sao trước khi đi Ấn Độ, Giáo Sư Lâm Trung Quốc có dặn những điều như sau: "nên đem theo giấy đi cầu". Ai đời đi du lịch, ở khách sạn mà bảo đem theo giấy đi cầu, cả đoàn hành hương đều cười ngất; nhưng bây giờ là sự thật. Nên đem theo cây đèn pin để hờ bị cúp điện. Nên đem theo mì gói để dùng thêm. Có người nghĩ, đã đóng tiền khách sạn và tiền cơm tại sao phải mang theo những thứ linh tinh, lãng phí. Nhưng ai đó không thể chịu được cái cay của cơm Ấn Độ, bất cứ cái gì cũng cay, cũng như bất cứ đồ ăn gì cũng ngọt như của Nhật, thì quả thật mì gói kia sẽ có một giá trị rất nhiệm mầu. Ai không tin rồi sẽ biết.

Đúng 16 giờ chiều ngày 08 tháng 12 năm 1988 chiếc xe Bus đã đưa chúng tôi đến nơi hỏa thiêu Thánh Gandhi. Giáo Sư Lâm Trung Quốc đã nói qua cuộc đời và sự nghiệp của Người. Đây chỉ là nơi tưởng niệm, sau khi thiêu xong, tro của Thánh Gandhi cũng như tro của mọi người khác đều được chở ra giữa sông Hằng để rải xuống sông, hòa mình với đất trời và sông nước. Những gì của cát bụi trả về cho cát bụi.

Ngày xưa khi Gandhi tranh đấu với thực dân Anh để đòi lại độc lập cho xứ Ấn, người ta đã khuyến khích dân chúng Ấn nên mặc đồ nội hóa mà không nên mặc bất cứ một thứ hàng nào của người Anh dệt. Ông cũng đã khuyên dân chúng không nên công nhận bằng cấp của dân Anh và chính ông chủ trương phong trào bất bạo động để đòi hỏi hòa bình. Ông quan niệm rằng: Hòa bình không thể có được, nếu chúng ta luôn luôn bạo động và cuối cùng ông đã chiến thắng vẻ vang. Nếu so Nguyễn Đình Chiểu của Việt Nam chống thực dân Pháp vào cuối thế kỷ thứ 19 với Gandhi, chúng ta cũng có thể tự hào với thế giới là chúng ta vẫn còn có được những con người yêu nước xứng đáng đó.

Nơi hỏa thiêu có để một ngọn lửa và khách hành hương khi vào thăm nơi này tất cả đều phải bỏ giày dép bên ngoài để tỏ lòng tôn kính một vị Thánh lâu đời đã hết lòng phục vụ cho tha nhân và cho hòa bình của nhân loại.

Rời nơi hỏa thiêu thánh Gandhi, chúng tôi đi đến thành trì đá đỏ Rang Mahal, nơi cung điện cũ của vua chúa thời xưa để thăm những công trình kiến trúc vĩ đại ấy. Từ cổng chính của hoàng cung đi vào nơi điện chính, 2 bên đều là 2 bãi cỏ rộng với muôn màu hoa lá đua chen. Vào bên hậu cung thấy cách kiến trúc xưa thật tinh vi, không thể nào tưởng tượng nổi, ngày xưa khi kỹ thuật cơ giới chưa tiến bộ, con người làm sao có thể mang những tảng đá lớn ấy chồng chất lên nhau mà không cần lấy một miếng hồ hay xi-măng để nối kết hòn này với hòn kia, chất chồng với nhau như trong vô tận.

Ngày xưa vua cũng đã biết dùng kỹ thuật cho chạm những mảnh đá sáng như gương để cho các cung nữ múa

hát dưới những tảng đá ấy, rồi thân hình của những cung tần mỹ nữ kia hiện lên trên đá, để vua thưởng thức nghệ thuật. Nhà vua cũng cho đào hồ bán nguyệt bằng đá và cho dầu thơm chảy vào đó, nhà vua ngồi bên trên để khi vui, nhìn vào bên trong cung điện xem thể nữ múa hát đờn ca, khi buồn nhìn ra ngoài để xem quân sĩ reo hò khi giao chiến các xa ngựa với nhau trong khi tập trận.

Đang mãi chăm chú nghe Giáo sư Lâm Trung Quốc giải thích thì phía dưới hoàng thành có tiếng nói vọng lên bảo rằng hãy xem trò ảo thuật. Khung cảnh là một bãi đất trống, trên ấy có để một tấm ra lớn, ở giữa chừa trống một lỗ vừa với đầu người, một người rút vào bên trong, người khác bên ngoài đứng làm việc thôi miên. Từ bên dưới tấm ra, một thân hình ngay ngắn bay bổng lên trời cao và được dừng lại ở độ cao cách mặt đất chừng 2m. Quả thật có cái gì lạ, không phải chỉ một chuyện này, mà xứ Ấn Độ có một cái gì lạ hơn tất cả mọi nơi khác. Vừa là đất nơi các bậc Thánh nhân xuất hiện, mà cũng là quê hương của đói rách, lầm than.

Tương truyền rằng ông vua này có một bà hoàng hậu, ông thương mến bà ta nhiều nhất trong các cung tần mỹ nữ khác; nhưng chẳng may bà ta vẫn sống. Để nhớ người xưa, ông có thuê 500 người thợ khéo đến xây một đền thờ và sau khi xây xong, ông cho móc mắt và chặt tay 500 người thợ kia. Lý do ông không muốn những người thợ kia làm tiếp tục một công trình thứ hai đẹp như hoặc hơn tác phẩm của ông đã ưu ái dành cho Hoàng Hậu. Quả thật cái ích kỷ của con người chẳng từ là Quốc vương giàu có, quyền lực trong thiên hạ mà cho đến mọi người, mọi loài cũng đều có cái ích kỷ nhỏ nhen như thế ấy.

Sau khi nghe Giáo sư Lâm Trung Quốc thuật chuyện trên, lòng tôi đau như chưa bao giờ đau như thế cả. Danh mà chi, lợi mà chi, cuối cùng rồi cũng để tiếng đời lại cho hậu thế.

Trước khi lên xe Bus để đi về lại khách sạn, chúng tôi lại được những người chơi trò khi kéo xe và thổi kèn cho rầm rồ đầu ra rổ, cổ võ khách hành hương phải bỏ tiền cho mình. Đã cho rồi còn kèo nài, bớt một thêm hai.

Ngày đầu tiên nơi đất lạ, thấy cái gì cũng có vẻ khác thường, không như ở Âu Châu hay Mỹ Châu mà là xứ Ấn Độ. Nơi có nhiều văn minh và hủ tục.



Phái đoàn hành hương thăm mộ Thánh Gandhi.



Thăm một cung điện xưa.

Ngày thứ hai – 9 tháng 12 năm 1988

Buổi sáng tinh sương, xe cộ còn thừa thớt ngoài đường, chúng tôi đã được đánh thức dậy để điểm tâm và chuẩn bị cuộc hành trình ngày thứ 2 thăm viếng các danh lam thắng cảnh tại thành phố New Dehli.

Đầu tiên xe chạy đến trước cổng khai hoàn môn, trông hết như cửa Pháp nhưng có vẻ tân thời hơn. Tiếp đến là con đường của vua chúa và quốc khách đi, rộng thênh thang, trải dài bằng những tấm thảm đỏ của gạch màu, tận vào dinh Tổng Thống. Hai bên đường là những hàng ghế được dựng lên để cho dân chúng xem duyệt binh nhân ngày Lễ Quốc Khánh của Ấn Độ sắp đến.

Từ nơi quốc vương đến Tòa Thị Chánh, đến nơi hạ tiện bình dân, nơi nào cũng có bò. Bò đi linh nghênh làng ngàng ngoài đường phố; bò ở trong nhà chung với người, bò ở trong gare xe lửa. Ôi! Bò là bò, vì thế nhơ nhớp, bệnh tật và bẩn thỉu, chẳng có nơi nào trên thế giới này bằng. Người đi xin thì đông nghẹt cả đường phố và đặc biệt ở những nơi du khách thường hay lui tới. Trước khi đi Ấn Độ tôi có xem một cuộn phim của Đức chiếu trên đài truyền hình nói về những tôn giáo và đời sống của dân chúng tại Ấn Độ. Họ có bình luận một câu mà lúc mới nghe tôi hơi xót dạ; nhưng khi đến Ấn Độ, chứng kiến sự thật rồi, thấy đó là sự thật. Họ bình luận rằng: Người đi xin tại Ấn Độ họ cũng không thấy ngượng ngùng khi phải xin ăn, không mặc cảm tội lỗi. Vì họ nghĩ rằng đó là luật thiên nhiên đã định cho họ. Quả thật khó tin. Nhưng ai đến Ấn Độ rồi phải tin

điều đó là sự thực. Đây cũng có thể là niềm tin của Bà La Môn giáo đã dạy họ và đã thấm vào trong xương tủy của họ trong bao đời bao kiếp vậy. Họ chấp nhận tất cả và làm như một định luật bất di bất dịch. Phật Giáo thì khác. Vì thế mới có cuộc cách mạng của Đức Bổn Sư.

Sau đó chúng tôi đến Thánh địa của Hồi Giáo để thăm và nhớ lại những chiến thắng bằng bạo lực của Tôn Giáo này vào những thế kỷ trước. Đường vào Thánh Địa có hoa, có sóc, có chim kêu, trông đẹp đẽ vô ngần. Một ngọn tháp cao chót vót 73m tận đến trời xanh; gồm có 5 tầng; 3 tầng dưới bằng đá đỏ và 2 tầng trên bằng cẩm thạch. Chúng tôi đến đây gặp lúc các thợ điêu khắc đang sửa chữa lại những bảng kinh Koran trên đá quý để trang điểm cho ngôi tháp này. Toàn thân của tháp được làm bằng những tảng đá chồng chất lên nhau nhưng không có một mẻ hồ trộn lộn, trông thật tài tình và phải thán phục cho cách kiến trúc của người xưa.

Có một cột sắt được dựng lên sừng sững giữa nền nhà, đã trở gan cùng tuế nguyệt. Bóng thời gian đã làm mờ ảo chữ Koran trên cột sắt; nhưng cũng có tương truyền rằng, ai mà đứng ngược lại cây trụ vòng tay mình cho sát mí của cột trụ thì là nhân tài. Nếu ai vòng tay ôm trọn ngược chiều hoàn toàn cột sắt còn dư ra chút đỉnh là người đó thiên tài. Vì vậy cho nên các du khách Âu Mỹ to lớn là ôm được đâu. Mười người chỉ được có một. Hoặc đôi khi cũng chẳng có người nào. Trong đoàn chúng tôi 19 người và một hướng dẫn viên, tổng cộng 20 người mà chỉ có 2 người ôm được trọn vẹn trụ sắt, còn bao nhiêu người khác thì ôm gần đến hoặc còn thiếu quá nhiều. Quả thật người xưa có khác, đây cũng có lẽ là cách tuyển chọn nhân tài. Lê Long Đình ngày xưa cũng bắt người leo trụ sắt nóng đỏ để

tự thiêu thân và làm trò vui ngu xuẩn cho vua. Vì thế một triều đại hoang tàn đã bị sụp đổ.

Nhưng nếu nói về người Hồi Giáo và Phật Giáo tại xứ Ấn Độ, quả thật chúng ta không thể cầm được nước mắt. Khi các vua Hồi từ Trung Đông qua chiếm xứ Ấn Độ vào thế kỷ thứ 13 cho đến 16, họ đã tiêu diệt các tôn giáo khác. Trong đó có Phật Giáo. Tất cả các Thánh địa của Phật Giáo đều bị thiêu hủy, các tượng Phật bị đập phá, kinh sách bị đốt cháy v.v... Vì thế ngày nay Phật Giáo tại xứ Ấn Độ chẳng còn gì ngoài những Phật tích lâu đời. Đó là sự đau buồn.

Hồi Giáo hay những đạo khác, khi thịnh hành, luôn luôn đàn áp và tiêu diệt các tôn giáo khác, ngược lại Phật Giáo đầu Nhật Bản, Đại Hàn, Trung Hoa hay Việt Nam, khi Phật Giáo thịnh, lúc nào cũng muốn cho các tôn giáo khác phát triển. Bằng chứng trong triều Lý và Trần, ngoài Phật Giáo, đã có các tôn giáo khác như Lão, Khổng cũng đã được phát triển mạnh mẽ. Cho nên mới gọi thời kỳ này là Tam Giáo đồng nguyên.

Giữa đường đi chúng tôi gặp một tượng bằng đá được tạc bằng cẩm thạch trong tư thế ngồi thiền. Giáo sư Lâm Trung Quốc có hỏi chúng tôi là quý vị trong đoàn có biết đó là ai không? vì có nhiều người lầm là Phật. Tượng ngồi trong tư thế kiết già giống như Đức Phật; nhưng trông kỹ, tượng lỏa thể, không mặc đồ. Đây là tượng của Kỳ Na Giáo. Một tôn giáo lâu đời tại Ấn Độ chủ trương ăn chay; nhưng sống theo thiên nhiên hơn là gò bó với những tiện nghi hằng ngày.

Theo như trong giới luật của Phật Giáo không có giới nào bảo người tu phải ăn chay; nhưng có lẽ sau thời Phật tại thế, nhất là phải đối đầu với các thế lực ngoại đạo; nên chư Tổ sư trong thời kỳ phục hưng tinh thần Phật Giáo Đại Thừa vào thế kỷ thứ 2, 3 sau Tây lịch, muốn chứng tỏ giáo lý của Đức Phật cao siêu hơn các tôn giáo khác và khuyến khích những môn phái Đại Thừa nên ăn chay để đối đầu lại với Kỳ Na Giáo. Đây là một lối giải thích hợp lý nhất, khi chúng ta nói về việc chay tịnh trong tinh thần Phật Giáo Đại Thừa.

Có đi đây đi đó mới thấy được cái cao thượng của Phật Giáo và lòng từ của Đức Phật đối với chúng sanh trong bể khổ trầm luân.

Sau đó chúng tôi đi thăm đền thờ của Đạo Bahai nằm ở ngoại ô New Dehli. Đền thờ nằm trên một thửa đất rộng hằng trăm mẫu tây. Kiến trúc theo lối tân kỳ, hình cánh sen đang nở. Tất cả đều bằng cẩm thạch. Đền thờ này xây tương tự như Opera House tại Sydney, Úc Đại Lợi. Vào bên trong không có bày trí gì cả ngoại trừ một bàn thờ đơn giản và các ghế ngồi bằng cẩm thạch đặt tiền. Du khách có thể tĩnh tọa tại ghế đá một thời gian để lòng trần lắng dịu bao nỗi phiền muộn của cuộc đời.

Đây là một đạo xuất phát từ Trung Đông thuộc nước Persien. Đạo đã có chi nhánh khắp các quốc gia trên thế giới. Tại Đức cũng có một đền thờ và tại Chicago ở Hoa Kỳ cũng đã có một nhà thờ rất lớn. Nếu nói một con số tượng trưng cho kiến trúc này, ta có thể kể đến hằng trăm triệu đô-la mới xây nổi một công trình như thế. Theo thống kê trong tài liệu bằng tiếng Đức, hiện Bahai có khoảng 4 triệu tín đồ tại xứ Ấn. Trong khi đó nước Ấn gần 2/3 theo Ấn

Giáo, phần khác theo Hồi Giáo và các Tôn Giáo khác trong 800 triệu dân; thế mà họ đã làm được những kỳ công trong lịch sử. Trong khi đó Phật Giáo Việt Nam chúng ta đã có lâu đời; nhưng không biết bao giờ mới xây được một thánh tích như thế này.

Sau khi thăm đền thờ Đạo Bahai, chúng tôi đã vào một nhà hàng Ấn Độ để ăn trưa. Ở đây nấu theo kiểu Tàu, chúng tôi phải đổi món ăn, chứ gần 2 ngày nay ăn toàn là cà-ri Ấn Độ. Vì thế ruột gan của phái đoàn đã nóng bừng rồi, chỉ chờ châm lửa là có thể phục cháy được.

Vào tiệm đã 12 giờ trưa mà chủ tiệm hỏi là các ông muốn ăn sáng hay ăn trưa? Tôi đưa mắt nhìn và Giáo sư Lâm Trung Quốc giải thích: "Ấn Độ họ nghèo đói số đông; nhưng đời sống vương giả thì Thầy xem đó. Cho đến giờ này mà còn hỏi ăn sáng chưa. Quả thật người giàu có khác". Nhìn sang những bàn chung quanh, chúng tôi thấy có người còn dùng thực đơn buổi sáng; nhưng dầu sang cho đến đâu họ cũng ăn bốc như thường. Khi bốc thức ăn, họ dùng tay mặt và tuyệt nhiên không dùng tay trái. Vì tay trái họ xử dụng chùi nước khi đi Đại Tiện. Vì thế khi ăn, họ giấu tay trái ở phía dưới bàn.

Có lần ở Nhật tôi đã tranh luận với một vị Sư người Tích Lan về việc ăn đũa và ăn bốc như sau:

Theo tục lệ của những dân tộc Nhật, Tàu, Đại Hàn, Việt Nam, chẳng ai ăn bốc bao giờ, mà khi ăn cần đến đũa, hợp vệ sinh mà trông lại thanh nhã vô cùng. Tôi nói thế.

Vị Sư Tích Lan lại bảo rằng: "Tại sao cơm là hột ngọc của trời cho, đâu có gì ghê tởm mà quý vị phải gắp. Thông

thường một vật gì bị gấp là vật đó đáng ghê tởm lắm đó. Đằng này, cơm chẳng tội tình gì cho nên ta sờ, mó, nắm, bốc để ăn, có vẻ hay hơn không”.

Tôi không tranh luận nữa, tôi suy nghĩ tiếp tục; và chẳng con người sinh ra bị phong tục và tập quán từng xứ đó bảo vệ, che chở, thấm nhuần, nên khiến cho con người phải quan niệm như thế, chưa hẳn ai người đúng, ai kẻ sai.

Lúc 14 giờ chiều ngày 9.12.1988 chúng tôi lên xe Bus sang nhà gare xe lửa New Delhi để đón chuyến tàu suốt đêm đến Gaya vào sáng hôm sau.

Trước khi đi ra nhà gare Giáo sư Lâm Trung Quốc đã lưu ý chúng tôi đủ mọi điều, nào đừng hoảng hốt khi có tiếng reo hò lúc lên xe, nào đừng để ý những người chung quanh; nhưng hãy xem thật kỹ giấy tờ tiền bạc của mình và hãy cẩn thận v.v... và v.v...

Khi xe Bus đậu trước gare xe lửa, một đám phu khuân vác mặc áo đỏ chạy lại đòi khiên đồ. Giáo sư Quốc ôn tồn bảo từng người một lo sắp hành lý lên xe và cẩn thận ghi tên họ của người khuân vào sổ và sau đó còn ghi cả tên cha của anh đó nữa. Có người tò mò hỏi để làm gì? Được trả lời rằng “nếu anh gian lận, tôi sẽ truy tố đến cha anh nữa”. Có lẽ vì vậy cho nên chúng tôi trên suốt đường đi chẳng mất một gói hành lý nào và mỗi lần có chuyện gì không xong xảy ra là chúng tôi bảo nhau “phải kêu Bác sĩ trị Ấn Độ lại giải quyết”. Nơi đây ám chỉ Giáo sư Lâm Trung Quốc vậy.

Đến sân gare, chen chúc cả người, đông không như Tokyo hay Hồng Kông; nhưng vì không trật tự nên ngổn

ngang chổng chất. Người ngồi, người nằm, kẻ đi qua, người đi lại, kẻ rao hàng, người đội Valise. Kẻ khạc, người nhổ, kẻ hút thuốc, người nhổ nước trầu v.v... trông như một phiên chợ cuối năm.

Xe đến trễ hơn một tiếng đồng hồ, chúng tôi phải chờ đợi. Khi xe đến, thế là một đoàn người tranh nhau lên xe như giựt giàn chần tể, trông hỗn độn vô cùng. Ai yếu tim, chắc sẽ bị té xỉu. Cực một cái là lúc lên xe và chuyển vận hành lý thôi. Nhưng khi đã vào đúng toa và đúng giường nằm rồi thì yên chí. Vì là người ngoại quốc nên chúng tôi được đi hạng nhất có máy lạnh; đỡ phải xô lấn như hạng hai phía dưới kia. Giường ngủ hạng nhất của xe lửa Ấn Độ tương đương với hạng 2 bên Âu Châu. Nhưng phải thành thật mà nói lòng xe lửa Ấn Độ rộng hơn và thoải mái hơn xe lửa bên Âu Châu rất nhiều. Mỗi xe kéo từ 20 đến 30 Wagoons. Dài vô tận, trông ngợp cả mắt.

Đặt mình xuống giường là ai nấy thi nhau ngủ. Vì suốt mấy ngày nay và mấy giờ chờ đợi đã mệt mỏi quá rồi. Nhưng khi liên tưởng đến cảnh lên tàu ai ai cũng chưa hoàn hồn. Vì Âu Châu chưa bao giờ có cảnh đó.

Buổi sáng hôm sau chúng tôi được điểm tâm bằng trà sữa và bánh mì, khoai tây theo kiểu Tây phương. Trà thì ngon thật; nhưng khi liên tưởng đến cái dơ nhớp của người bồi bàn, ai cũng rùng mình.

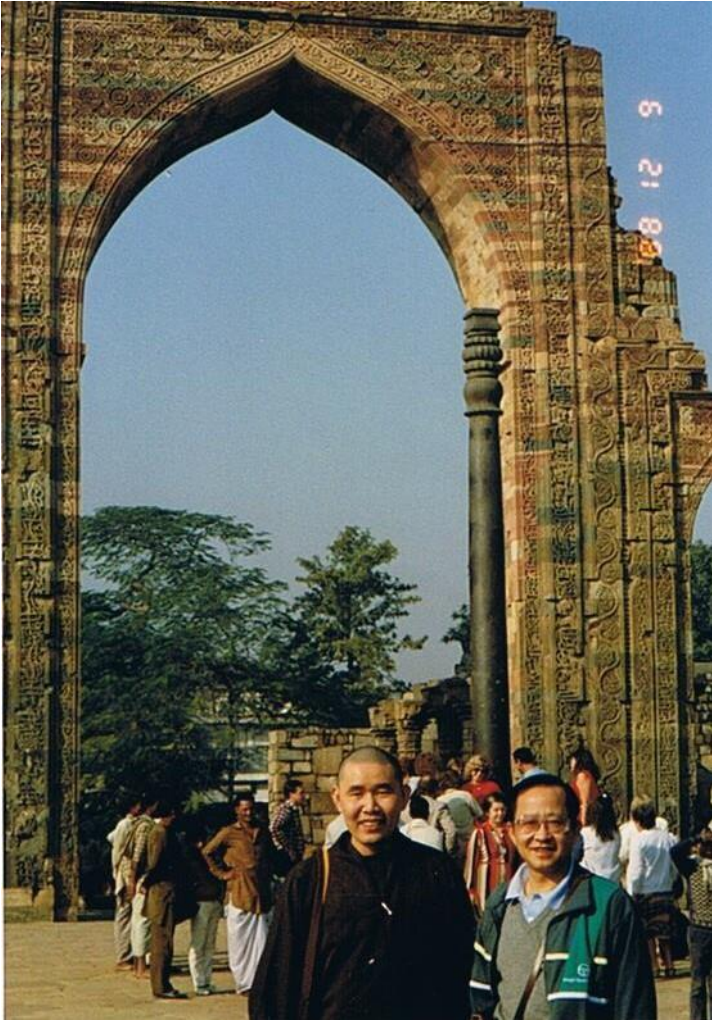
Đi xe lửa thấy giai cấp của Ấn Độ càng rõ rệt hơn. Vào tiệm ăn cũng thế. Giai cấp Bà La Môn, giáo sĩ luôn luôn nói tiếng Anh với nhau, rất ít dùng tiếng Ấn Độ. Giai cấp Chiên Đà La thì suốt đời chỉ đi làm tôi mọt cho kẻ khác.

Hạng hai ngồi chen húc với nhau như nhộng, trong khi đó người đi hạng nhất thì quý phái thượng lưu. Tôi quay sang hỏi Giáo sư Lâm Trung Quốc. Vậy thì mình thuộc giai cấp nào? Giáo sư trả lời rằng, mình thuộc con cháu Hoàng tộc, dòng dõi Thích Ca. Cứ trả lời như thế thì mấy anh Ấn Độ sẽ chỉ nhả răng ra cười, trắng toát cả một phần của cái miệng. Người Ấn Độ đa số được hàm răng rất trắng. Có lẽ họ cũng siêng lau chùi.

Sau 17 tiếng của đoàn tàu tốc hành, phái đoàn của chúng tôi đã đến gare Gaya, gần Bồ Đề Đạo Tràng – cách 12 cây số. Đây là một thành phố cổ nhất khi Đức Phật còn tại thế đã có rồi.



Thăm một đền thờ Hồi Giáo.



Bên trụ đá tuyển nhân tài.



Trước đền thờ Đạo Bahai ở New Delhi.



Phái đoàn tại gare xe lửa New Delhi

Ngày thứ ba – 10 tháng 12 năm 1988

Đúng 10 giờ sáng ngày 10 tháng 12 năm 1988 chiếc xe lửa nặng nề đã mang phái đoàn chúng tôi đến thị trấn Gaya. Một ban nhạc cổ truyền đã được chờ đón sẵn để đón tiếp phái đoàn. Lại những vòng hoa xinh xắn được choàng lên cổ. Một số hoa hồng được trao tặng cho các bà các cô. Có nhiều người trong đoàn hỏi: “không biết Ban nhạc từ đâu đến? Họ cho hoa mình có dám nhận không? v.v...”. Chúng ta đang bối ngỡ trước những gì xa lạ ấy đồng thời những người chung quanh cũng rất tò mò nhìn xem những người Á Châu từ những miền khác đến qua cách phục sức và màu da.

Sau khi xuống xe lửa chúng tôi được lên xe Bus để chở về Bồ Đề Đạo Tràng, nơi có Chùa Phật Giáo Việt Nam tại đó. Ban nhạc vẫn tấu những khúc cao vút, vui nhộn để đón rước phái đoàn. Khi phái đoàn hành hương về đến chùa thì Ban nhạc cũng có mặt trước tại đó để đón rước chung với tâng với lọng mà Giáo sư Lâm Trung Quốc đã ưu ái để dành đón rước quý Thầy và phái đoàn.

Chùa Phật Giáo Việt Nam hay Việt Nam Phật Quốc Tự là một ngôi chùa được thành lập tại đất Phật từ năm 1987. Nếu kể từ khi bắt đầu, có thể tính bằng nhiều năm tháng về trước nữa. Chùa nằm trên một khoảng đất rộng chừng 5 mẫu tây. Đã xây cất xong phần pháp xá, cao 3 tầng. Khoảng gần 30 phòng đôi cho khách hành hương có thể ở lại đây trong khi thăm viếng Bồ Đề Đạo Tràng. Ở đây có

đầy đủ tiện nghi như Âu Mỹ, so với các khách sạn cỡ trung tại New Delhi, pháp xá có thể gần sánh vai với các khách sạn trên.

Có nhiều người hỏi tại sao không xây chánh điện trước, mà xây pháp xá trước. Được Giáo sư trả lời rằng: “Nếu xây chùa trước thì không có chỗ ở cho Phật Tử từ phương xa đến chiêm bái. Do đó phải xây pháp xá trước và trong pháp xá có phòng thờ Phật cũng như chỗ ngồi Thiền, để giải quyết tạm trong thời gian đầu”.

Pháp xá đã được xây xong, chiều dài khoảng 50 thước, được sơn vàng và nổi bật hẳn với những nơi cư dân chung quanh vùng. Chùa nằm cách Bồ Đề Đạo Tràng chừng 15 phút đi bộ hoặc 3 phút đi xe từ hướng Đông. Nếu tính tổng cộng công trình xây cất này, phí tổn độ 300.000 đô-la Mỹ. Khi được hỏi về những sự đóng góp cho công trình này được Giáo sư Lâm Trung Quốc trả lời rằng:

“Hơn 90 phần trăm số tiền xây cất là do các Thầy giáo và Sinh viên Âu Mỹ đóng góp, cho mượn hoặc hiến tặng. Còn số đóng góp của Phật Tử Việt Nam rất khiêm nhường”. Vì vậy Giáo sư cũng có kêu gọi đến sự tiếp tay của các Phật Tử khắp nơi để tiếp tục phần còn lại. Việc phải làm trong thời gian tới là phải xây chánh điện, dựng tượng lộ thiên Quan Thế Âm Bồ Tát, Thư viện v.v... Để nhớ ơn những vị Tổ Sư đã dày công đóng góp vào sự chấn hưng của Phật Giáo nước nhà, nên Giáo sư đã đặt tên các vị Tổ từng căn phòng trong pháp xá. Giáo sư tâm sự:

“Vì thương và kính Phật nên tôi mới làm việc này. Nếu không làm thì chẳng ai lưu tâm đến”.

Mà thật thế, nếu không có Giáo sư, không một ai có thể làm chuyện ấy được. Nếu không có một lòng tin vững chắc và lòng kiên nhẫn tột bậc. Đã có rất nhiều vị ở Ấn Độ nhiều năm, nhưng chưa có một Thầy Việt Nam nào dám hy sinh to lớn như thế cả. Nếu không nói là vô vọng. Vì nhiều lẽ. Ở đây không có một tín đồ Việt Nam làm sao chùa có thể sống nổi. Làm sao trao truyền được giáo pháp của Đức Như Lai cho người dân bản xứ mà niềm tin của họ vào Phật Giáo đã phai mờ v.v. và v.v... Biết bao nhiêu câu hỏi đã hiện ra và cũng không thiếu những câu trả lời khuyến khích hoặc buông lỏng. Cho hay tất cả đều do ý chí mà thôi. Nếu quyết tâm, bất cứ cái gì ta đều có thể đạt được.

Chiều hôm đó chúng tôi nghỉ ngơi thoải mái để chuẩn bị cho chuyến đi vào ngày mai. Tối đến tất cả chư Tăng và Phật Tử lên chánh điện lễ Phật, sau đó nói về chương trình chiêm bái Phật Tích tại những nơi sẽ đi. Giáo sư Lâm Trung Quốc cũng đã trình bày cho phái đoàn về sự hình thành ngôi chùa này. Phần cuối chúng tôi đã kêu gọi sự đóng góp của quý Thầy và quý Phật Tử trong đoàn hành hương về hai việc. Thứ nhất là việc cúng dường xây chùa. Sơ khởi đã có gần 3.000 đô la về việc này. Thứ hai là hùn tiền lại để cúng các chùa trên đường chiêm bái các Phật Tích và chia ra một số để làm những bữa cơm xã hội để giúp dân nghèo chung quanh làng, phần còn lại là thù lao cho những người giúp việc. Số tiền tổng cộng khoảng 18.000 Rubis. Tương đương với 1.200 đô la Mỹ. Ngoài ra phái đoàn cũng mang ra một số tiền của các địa phương gửi về cúng chùa. Riêng Tây Đức có khoảng 3.000 DM. Xin ghi nhận công đức này của các Phật Tử xa gần.

Cuộc hành trình chiêm bái Phật Tích này không chỉ thuần là việc hành hương mà còn thể hiện tinh thần của

người Phật Tử đối với đồng loại chung quanh mình và cho lý tưởng của chính mình nữa. Trong đoàn ai nấy cũng vui vẻ, hoan hỷ cho chuyến đi này. Mặc dầu đây mới là chặng đầu của chuyến hành trình; nhưng nhìn vào vẻ mặt mọi người, ai ai cũng tin tưởng rằng: rồi chuyến đi này sẽ thành công như ý nguyện.



Phái đoàn được đón rước về chùa Việt Nam
Phật Quốc Tự ở Bodhi Gaya.



Trước ngôi pháp xá Việt Nam Phật Quốc Tử.

Ngày thứ tư – 11 tháng 12 năm 1988

Hôm nay phái đoàn hành hương chúng tôi dự định đi thăm Thánh Địa Bồ Đề Đạo Tràng thật sớm để được tụng kinh và chiêm bái trong yên tĩnh. Nếu trễ, sẽ có nhiều đoàn hành hương đến, làm cho mình phải bị phân tâm. Đúng 6 giờ sáng đã có 10 chiếc xe kéo chờ sẵn trước cổng chùa Việt Nam Phật Quốc Tự để chở chúng tôi. Xe kéo ở đây hình thù giống như xe xích-lô đạp ở Việt Nam. Thay vì người đạp ngồi phía sau, ở đây ngồi phía trước; phía sau dành cho khách hàng.

Con đường từ chùa dẫn ra con lộ chính hơi gồ ghề khúc khuỷu; nên các anh phu xe phải xuống xe để kéo xe và người đi. Nếu chẳng may gặp những người to lớn, anh phu xe mệt cũng không ít. Người theo Ấn Độ Giáo hầu như ăn chay; nên trông người nào cũng ốm o gầy mòn. Nguyên nhân chính có lẽ vì thiếu dinh dưỡng. Nếu ăn chay đúng cách cũng khỏe mạnh bằng hoặc hơn ăn mặn nữa là đường khác.

Có nhiều vị chưa quen đi xe kéo; nên lơ đễnh trong lúc xe thẳng gấp, vì thế đã có nhiều người té nhào từ trên xe xuống đất. Nhưng nhờ Phật độ, nên mọi sự đều an lành.

Xe đến Bồ Đề Đạo Tràng rồi dừng đó, chúng tôi lấy vé vào cửa và giữ tâm ý thật thanh tịnh. Đây là 1 trong 4 Thánh địa quan trọng bậc nhất của Phật Giáo. Thánh địa gồm một ngôi đại tháp chính, cao khoảng 50m rộng độ

100m, xây theo hình tháp từ đời vua A Dục (trước dương lịch hơn 200 năm). Nghĩa là tính đến nay đã hơn 2000 năm qua nhiều triều đại đã được sửa chữa lại. Phía sau đại tháp là cây Bồ Đề, nơi Đức Phật ngồi tĩnh tọa trên Kim Cương Tòa 49 ngày đêm chiến thắng ma quân và thành bậc vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chính từ nơi Kim Cương tòa này mà ánh sáng chân lý của Phật Giáo đã truyền đi khắp năm châu bốn bể. Cây Bồ Đề này đã bị chặt nhiều lần. Nhưng lành thay, từ bên dưới cứ đâm chồi trở lại và mọc lên xanh tốt cho đến ngày nay. Cây này đã bị chặt 3 lần. Lần thứ nhất, khi vua A Dục chưa phát tâm theo Phật Giáo. Lần thứ hai, khi vua đã phát tâm theo đạo Phật rồi, ngày đêm cứ cận kề bên cây Bồ Đề để tưởng nhớ đến Đức Phật nên Hoàng hậu phẫn nộ và chặt phá cây Bồ Đề. Lần thứ ba là do quân đội của Hồi Giáo gây nên.

Nhưng nhiệm màu thay, cây Bồ Đề ngày nay vẫn còn đó. Thân cây không lớn lắm, to khoảng 3 người ôm, cành lá sum suê, phần lớn tỏa ra phía đối diện với ngôi Đại Tháp, che rợp cả lối đi.

Về phía đông của Đại Tháp có xây một tháp nhỏ, nơi kỷ niệm Đức Phật sau khi thành đạo rồi, Ngài đi về đó và tại nơi đây Ngài đã thốt ra những lời hết sức nhân hậu để cảm ơn cây Bồ Đề đã che nắng mưa cho Ngài trong thời gian thiền định.

Bên phải ngôi Đại Tháp có một tượng Phật ngồi lộ thiên giữa hồ sen, có cửu long che chở. Tương truyền rằng chính nơi đây, Thần long đã che mưa đỡ nắng cho Ngài, lúc Ngài tu thiền định.

Cả phái đoàn chúng tôi ai nấy đều thành tâm, từ từ bỏ giày dép và tiến vào chánh điện. Nội điện Đại Tháp rất nhỏ, chỉ đủ chỗ cho 20 người lễ bái một lần. Bên trên ngự trị một tôn tượng Bốn Sư đã lâu đời có nét chạm trổ theo lối Tây Tạng. Chúng tôi lễ Phật, sau đó đi vòng về phía sau để vào tận gốc cây Bồ Đề và Kim Cang tòa để đánh lễ.

Tất cả đoàn hành hương đều chí thành tụng Bát Nhã và lạy Thánh hiệu từ Đản Sanh đến Nhập Niết Bàn. Thượng Tọa Thích Minh Tâm đã nghẹn ngào khi phục nguyện. Riêng tôi, hai hàng nước mắt cứ chảy dài, không tài nào ngăn nổi. Vì nhớ đến thâm ân hóa độ của Đức Bốn Sư. Cả phái đoàn đều cảm động và ai nấy đều lấy khăn chấm nước mắt của mình. Chúng tôi khóc vì vui mừng, chứ không phải khóc vì một lý do nào khác. Vui, vì đây một đại sự nhân duyên, chúng tôi mới được chiêm bái nơi này. Vui, vì từ đây chúng tôi đã được thỏa lòng mong đợi từ bấy lâu nay là trong đời mình quyết làm sao phải đến đất Phật cho được một lần.

Sau khi lễ Phật, Giáo sư Lâm Trung Quốc đã nói về tiểu sử của cây Bồ Đề. Phần tôi nói về lịch sử của Đức Phật từ khi tu thiền cho đến khi thành đạo. Tất cả mọi người đều chăm chú nghe. Tiếp theo là chụp hình lưu niệm và mỗi người mang một gáo nước tưới lên gốc cây Bồ Đề để cầu nguyện cho cành và lá cây Bồ Đề càng ngày càng tỏa ánh sáng chân lý rộng ra nhiều hơn nữa. Sau khi lễ xong, chúng tôi thấy phái đoàn hành hương Đại Hàn, dưới sự hướng dẫn của quý Thầy cũng đã vào lễ.

Ngồi dưới gốc cây Bồ Đề có nhiều người chờ một chiếc lá rụng để mang về làm kỷ niệm hoặc thờ. Có nhiều người đã được hữu duyên.

Sau đó chúng tôi đi về hướng nam để thăm tháp kỷ niệm, nơi Đức Phật đã chứng được tứ thiên và trên đường trở lại đại tháp phái đoàn đã chứng kiến sự lễ lạy chí thành của người Âu Mỹ tu theo Phật Giáo Tây Tạng. Nghĩa là toàn thân nằm vóc (trán, 2 cùi tay, 2 đầu gối) đều gieo mình sát đất để lễ Phật. Họ lễ hằng giờ như thế. Sau khi chúng tôi từ giả Bồ Đề Đạo Tràng vẫn thấy họ còn lễ.

Trở về phía đông của ngôi Đại Tháp thấy có nhiều người Tây Tạng, cả tăng lẫn tục đều nhắm mắt, chấp tay chí thành đi về hướng tượng Đức Quan Thế Âm được tạc sát vào thành của ngôi Đại Tháp. Mọi người đang thắc mắc thì Giáo sư Lâm Trung Quốc giải thích: “Tượng Quan Âm nguyên thủy không còn nữa, sau này người Tây Tạng tạc tượng này để lễ bái và họ tin rằng nếu nguyện một điều gì đó sẽ thành tựu thì nhắm mắt đi vẫn đến như thường. Nếu không, tự nhiên có một dẫn lực nào đó dắt ta ra khỏi tôn tượng”. Nghe lời giải thích ai nấy đều nhìn nhau và không ai bảo ai đều làm theo như lời giải thích. Trong đoàn chúng tôi gồm 20 người, mà đi đúng hướng chỉ có 2 người, còn bao nhiêu đi vào hoặc đi ra. Ai không tin, cũng phải tin. Vì đây là nơi Thánh Địa, linh thiêng vô cùng. Độ xa từ khi nhắm mắt khỏi đầu đi đến gần tượng chừng 10 thước. Khi đi đến tự nhiên thấy mình như bị xô tới. Tất cả ai nấy cũng đều cảm nhận như vậy. Mà quả thật pháp Phật thật nhiệm mầu. Nếu không có những linh thiêng mầu nhiệm này thì ma vương và ngoại đạo đã phá hư nơi này rồi. Ấn Độ Giáo họ cố tình len lỏi vào đây làm mờ mắt Phật Tử hành hương nhằm thọ lãnh sự cúng dường. Nhưng họ đã lầm. Vì Phật Tử chỉ nghĩ đến Phật, chứ không nghĩ đến thần của họ.

Sau khi lễ bái xong xuôi, cả phái đoàn chúng tôi đi trở lại hướng vào khi trước, thấy cả đoàn người ăn xin ngồi la

liệt dưới đất, chờ cho đoàn người hành hương đi qua để xin. Ai có tiền đây đủ để cho đây. Nếu cho một người, cả đoàn sẽ bu lại níu túi mình, lúc ấy la trời cũng không kịp nữa. Giáo sư Lâm Trung Quốc mới đề nghị: "Nếu quý vị muốn bố thí, chúng ta sẽ hùn tiền lại, lấy tiền ấy mua thực phẩm và nấu cho họ một bữa cơm chay để phát chẩn". Ai nấy đều đồng ý và ra vẻ biểu đồng tình.

Trên đường về tôi tự nghĩ: có nhiều người mặc dầu ở gần bên chân Phật; nhưng không có tín tâm họ vẫn nghèo đói và tội nghiệp như thường. Những kẻ dẫu ở xa; nhưng khi nào cũng vọng về Phật, giữa ta và Phật không có một sự cách biệt nào. Quả thật cả đoàn chúng tôi là những người đầy đủ phúc duyên ấy. Có phương tiện để đến đây, có cơm ăn áo mặc, đỡ tủi thân như những người bản xứ, mặc dầu gần Phật nhưng không biết tu, nên mới ra nông nổi ấy.

Trước khi rời nơi đây chúng tôi đã đi nhiều tháp và niệm Phật. Gặp cành cây vô ưu trồng chung quanh ngôi Đại Tháp, chúng tôi nhớ đến Đức Thế Tôn khi Đản Sanh tại vườn Lâm Tỳ Ni cách đây hơn 2500 năm về trước. Trước mặt và sau lưng chúng tôi là những người Tây Tạng. Họ rất thành kính lễ Phật, niệm Phật và đi nhiều Phật. Phải thành thật mà nói, nếu không có người Phật Tử Tây Tạng bảo trì những nơi Thánh Địa linh thiêng này, có lẽ Đạo Phật tại xứ Ấn Độ và các Thánh Tích này không còn như xưa nữa. Công đức này xin hồi hướng đến chư Tăng và Phật Tử Tây Tạng vậy.

Cả đoàn xe kéo chúng tôi tiến về chùa Miến Điện để thăm vị Sư Cả và cúng dường, lễ Phật. Chùa nằm trên một vị trí khá thuận lợi cho việc giao thông để đến Bồ Đề Đạo

Tràng. Chùa được xây cách đây chừng 50 năm về trước. Trong chùa có nhiều Sư Tăng và Phật Tử ngoại quốc ở. Chánh điện trông có vẻ sơ sài. Có lẽ mọi chùa Miến Điện đều như thế cả. Khách hành hương nếu ở lại chùa, mỗi người sẽ ở trong một căn phòng nhỏ hẹp, có giường ngủ, không nệm, không mùng. Đây có lẽ là lối tu khổ hạnh của Phật Giáo Miến Điện. Sau khi lễ xả giao, chúng tôi đã được dùng trà bánh theo kiểu Miến Điện và sau đó chúng tôi đến thăm một chùa Tây Tạng nằm kế cận Bồ Đề Đạo Tràng.

Chùa Tây Tạng kiến trúc thuần văn hóa Tây Tạng. Chánh điện thờ Phật với nhiều màu sắc sặc sỡ. Trên tường có chạm nổi cuộc đời Đức Phật cũng như chúng sanh trong lục đạo. Chúng tôi lễ Phật và cúng dường xong, chuẩn bị đi thăm chùa Trung Hoa.

Chùa Trung Hoa nằm đối diện Bồ Đề Đạo Tràng về hướng đông. Nơi đây có vị Sư già đang tiếp khách. Trong phái đoàn chúng tôi có nhiều người biết tiếng Quan Thoại; nên câu chuyện giữa đạo và đời lại sôi nổi hơn. Sau khi lễ Phật và cúng dường, chúng tôi đến thăm chùa Nhật Bản.

Tại Thánh Địa Bồ Đề Đạo Tràng có 2 chùa Nhật Bản. Một thuộc về Thiền, chùa khác không thuộc về tông phái nào cả. Cả 2 đều kiến trúc theo lối chùa Nhật Bản tân thời. Có đủ cả chánh điện, Thiền đường, Tăng phòng, nhà trọ, trai đường v.v... trông to lớn đồ sộ lắm. Một trong những khu vực của chùa Nhật Bản hiện tại trước đây thuộc về Phật Giáo Việt Nam, nhưng vì không có người lo lắng cho nên bây giờ Nhật Bản đã làm chủ nơi đó. Nghe đâu chính phủ Ấn Độ có cho miếng đất ấy cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và mỗi năm chỉ trả một đồng danh dự thôi. Nhưng có lẽ nhân duyên chưa đến, nên mãi cho đến

bây giờ phải đổi bao nhiêu gian khổ mới có được một ngôi chùa Việt Nam tại Thánh Địa này.

Sau cùng chúng tôi thăm một chùa Tây Tạng nữa và chùa Bhutan. Bhutan là một quốc gia nhỏ nằm trên Hy Mã Lạp Sơn. Nước này Phật Giáo là quốc giáo. Mặc dù nước nhỏ; nhưng chùa của họ rất lớn, so với Việt Nam của chúng ta.

Trên đường về chúng tôi có thăm nền chùa Ấn Độ, đã bao nhiêu năm tháng rồi mà vẫn chưa xây lên được một bức tường, vẫn còn nằm chờ đó, dãi dầu với gió sương và thời tiết.

Trưa hôm đó cả phái đoàn đều dùng cơm Việt Nam hoàn toàn tại chùa Việt Nam, không có cà ri Ấn Độ; nên ai nấy cũng vui vẻ. Buổi chiều tất cả được nghỉ ngơi, ngoại trừ tôi, Thượng Tọa Thích Minh Tâm và Đại Đức Quảng Lượng nhờ người tài xế xe chùa Miến Điện đưa sang Đại Học Magad (Ma Kiệt Đà) để thăm một Ni Sư Việt Nam đang làm luận án Thạc Sĩ tại đây.

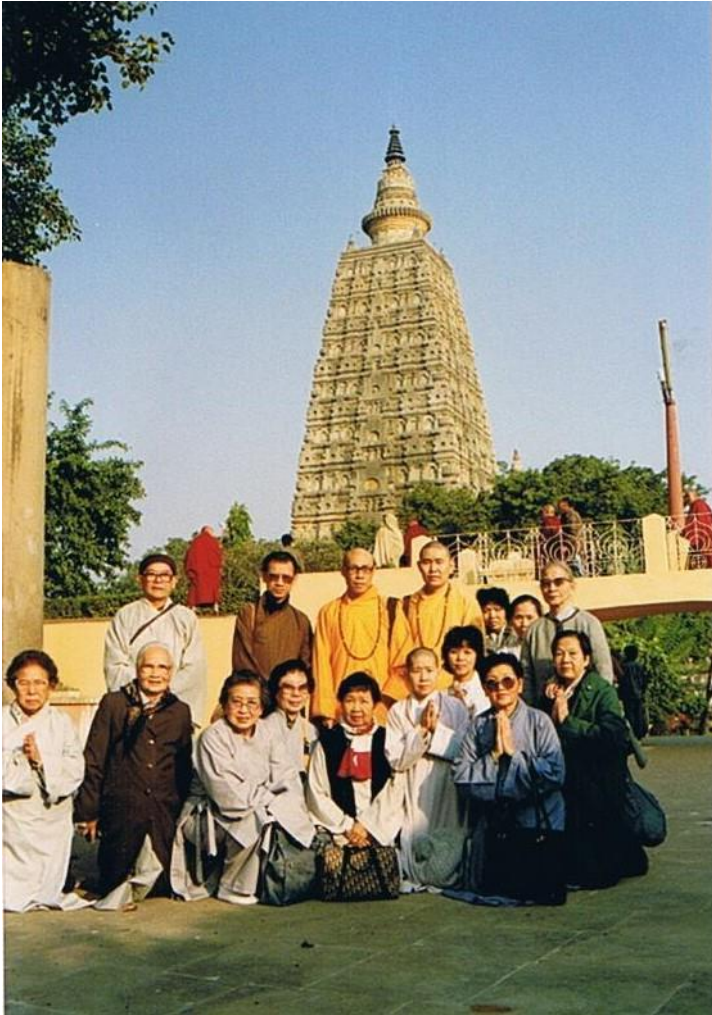
Đây là Đại Học lớn bậc nhất của tiểu bang Bihar; nhưng trông có vẻ tiều tụy, xác xơ, nằm trơ trọi trên một khoảng đất trống, với nhiều phân khoa khác nhau. Có ngân hàng, bưu điện, ký túc xá cho sinh viên; nhưng nhìn cảnh vật chung quanh, thấy buồn vui khôn tả. Nghe nói Đại Học Nalanda của Phật Giáo cũng thuộc về Đại Học này. Vì thế khi quý Thầy làm luận án Tiến Sĩ đều phải về đây trình. Trong thời gian qua quý Thầy Việt Nam tốt nghiệp tại 2 Đại Học này gồm có: Thượng Tọa Thích Minh Châu, Hòa Thượng Thích Huyền Vi, Thượng Tọa Thích Thiện Thanh,

Thượng Tọa Thích Trí Chơn, Thượng Tọa Thích Pháp Nhẫn v.v... và còn nhiều vị khác nữa.

Chung quanh Đại Học không có một thành phố lớn, cũng chẳng có quán cóc dọc đường. Có lẽ vì thế mà sinh viên học dễ ra trường và không bị chi phối bởi khung cảnh chung quanh chẳng?



Trên một chuyến xe.



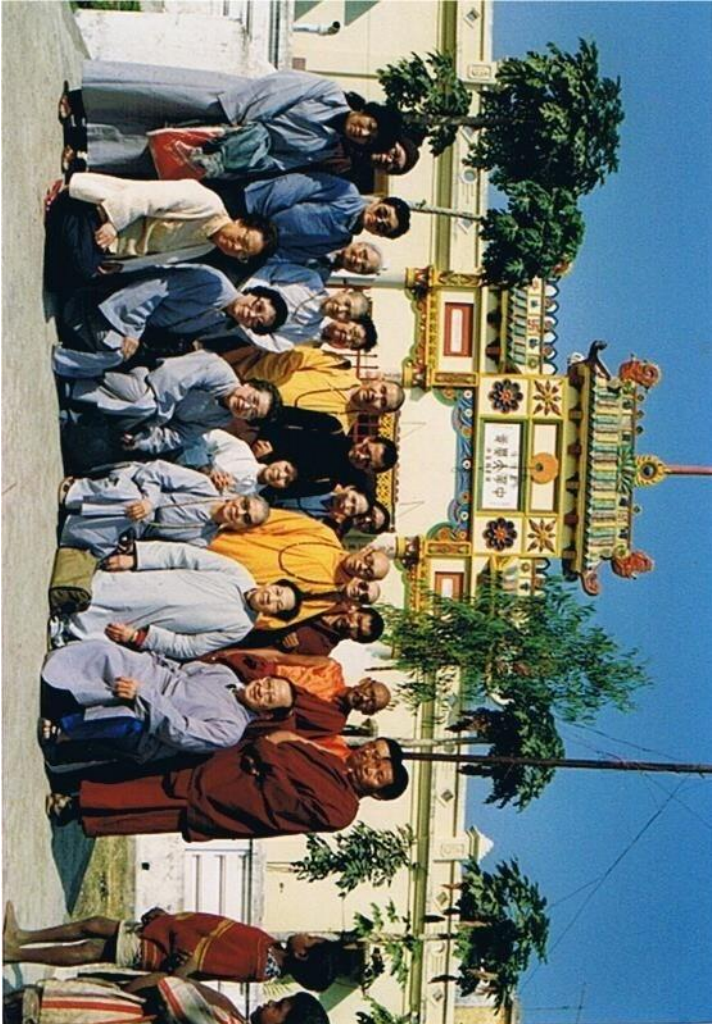
Trước Đại Tháp Bồ Đề.



Dưới cội Bồ Đề, nơi Đức Phật thành đạo.



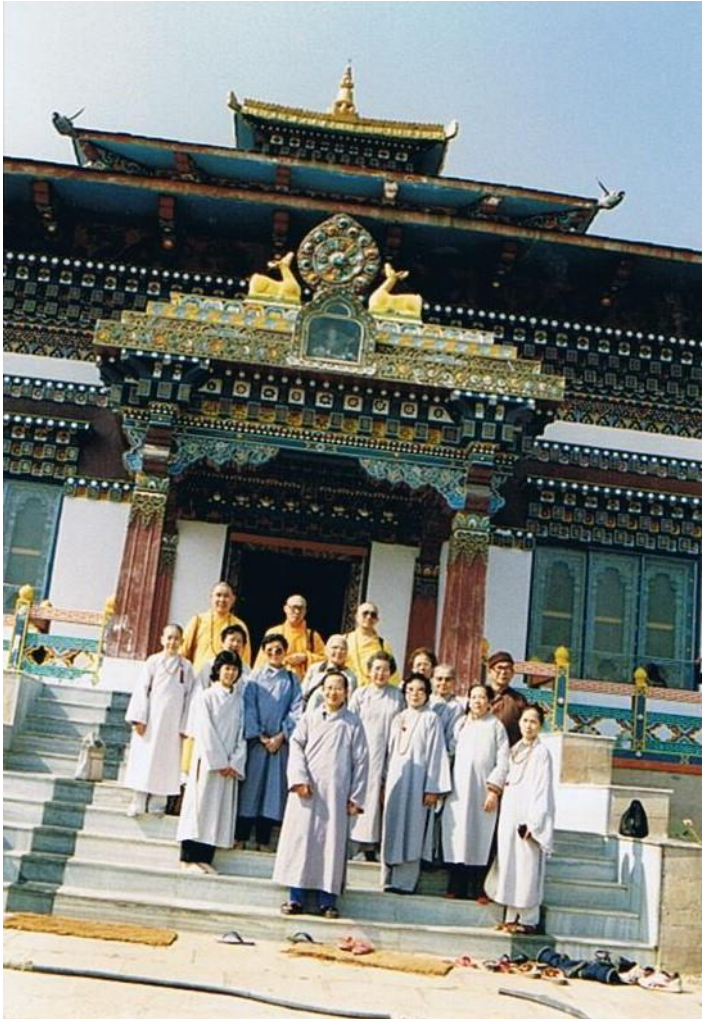
Phái đoàn cầu nguyện tại Kim Cương Tòa
- nơi Đức Phật thành đạo.



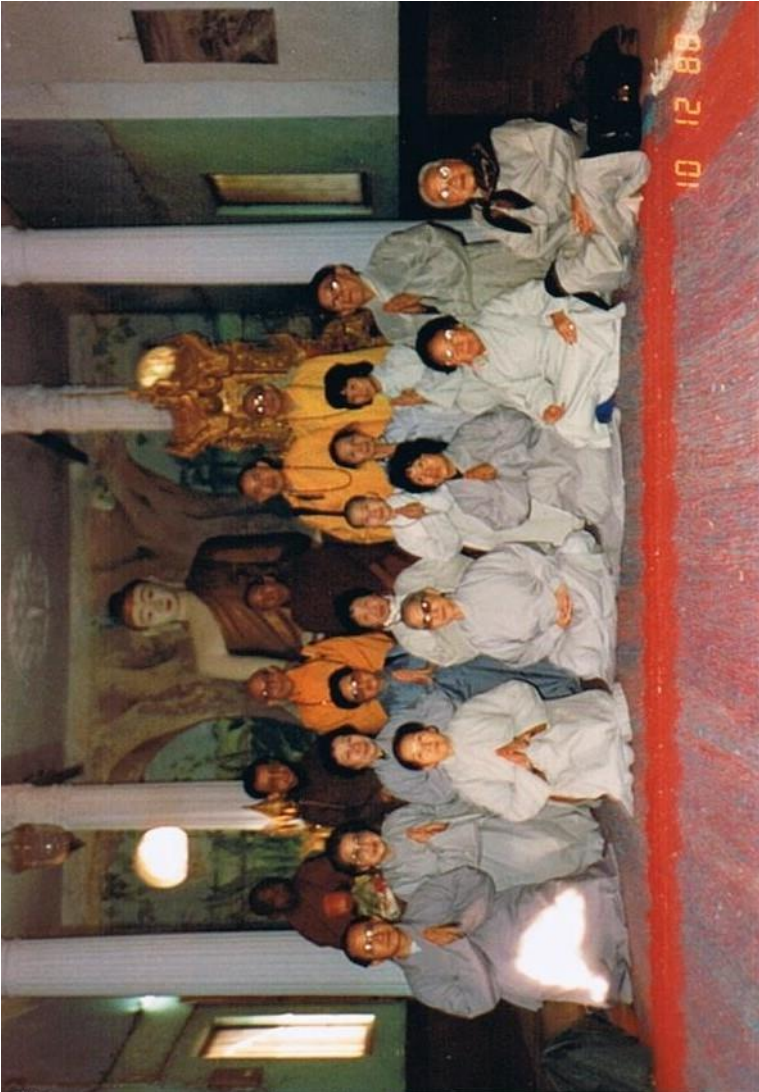
Thăm chùa Trung Hoa tại Bồ Đề Đạo Tràng.



Thăm chùa Thích Ca Đường (Nhật Bản) tại Bồ Đề Đạo Tràng.



Chùa Tây Tạng tại Bồ Đề Đạo Tràng.



Chùa Miến Điện tại Bồ Đề Đạo Tràng.



Chùa Népal tại Bồ Đề Đạo Tràng.



Chùa Bhutan tại Bồ Đề Đạo Tràng.



Chùa Nhật Bản tại Bồ Đề Đạo Tràng.



Chùa Thái Lan tại Bồ Đề Đạo Tràng.



Chùa Sikkim tại Bồ Đề Đạo Tràng.

Ngày thứ năm – 12 tháng 12 năm 1988

Bốn giờ sáng hôm nay cả đoàn người chúng tôi đã thức dậy, 4 giờ 30 phút điểm tâm bằng mì gói. Đúng 5 giờ phải đoàn được lên một chiếc xe Bus lâu đời, thật cũ kỹ trông như mới trong viện bảo tàng đem ra. Bụi bặm và dơ nhớp, toàn xe đầu đầu cũng cũ kỹ. Cửa sổ hở hang, gió lùa. Vì vậy cả đoàn hành hương lần này ai cũng bị cảm cả. Có người cảm sương mai, có người cảm nắng và có người cảm gió. Mùa này tương đối rất tốt cho khách du lịch; nhưng đêm xuống lạnh 0 độ C. Ban ngày 26 đến 27 độ. Khí hậu thay đổi đột ngột. Vì thế đã có nhiều người bệnh. Hôm nay tôi cảm thấy đầu hơi nặng và cổ bị gắt, báo hiệu triệu chứng ho đã đến với tôi.

Từ Bồ Đề Đạo Tràng nếu đi bằng xe hơi để đến Khổ Hạnh Lâm phải tốn chừng 3 tiếng đồng hồ. Vì phải đi vòng qua thị trấn Gaya sau đó mới đi bọc sau núi và tiến về Khổ Hạnh Lâm. Nếu đi bộ, chỉ chừng 2 tiếng đồng hồ, phải vượt qua sông Ni Liên Thiên và một làng quê hẻo lánh, sau đó sẽ thấy Khổ Hạnh Lâm.

Lúc đi, tất cả dùng xe Bus; nhưng khi về Thượng Tọa Minh Tâm, Thầy Quảng Lượng, tôi và Đạo Hữu Thị Pháp Huỳnh Phước Bàng đã đi đường bộ để nghiệm lại cuộc hành trình của Đức Phật ngày xưa.

Đường đi vào núi, nơi Đức Phật tu khổ hạnh quá sức cam go, xe phải lên đồi xuống hố nhiều lần, nếu không để ý sẽ bị u đầu sưng trán.

Trước khi đến Khổ Hạnh Lâm chúng tôi gặp một rừng lá Sesam. Lá cây này giống như là khuynh diệp nhưng tròn hơn. Chính nơi đây Đức Phật đã hái lá này và cầm trong tay hỏi chúng đệ tử rằng: "Các người thấy lá trong tay ta nhiều hay lá trong rừng nhiều?". Ngài A Nan, người đệ tử Đa Văn đệ nhất trả lời rằng: "Kính bạch hóa Đức Thế Tôn: Lá trong rừng nhiều hơn lá trong tay Ngài". "Cũng như thế ấy. Những gì ta đạt được, giống như lá Sesam trong rừng này và những gì ta đem dạy cho các người chỉ bằng nắm lá trong tay của ta". Đức Thế Tôn tiếp lời như thế.

Ngày nay phái đoàn hành hương đến đây không còn thấy hình bóng của Đức Thế Tôn; nhưng cây lá vẫn còn đây. Lòng người ai ai cũng bồi hồi xúc động.

Muốn lên được Khổ Hạnh Lâm đoàn hành hương phải leo trên từng mồm đá lồi lõm, đường đi khúc khuỷu ở độ cao cách mặt đất chừng 800m, phải qua một đoạn đường dốc thoải chừng 1 cây số. Có nhiều người đi tiếp tục và có nhiều người nghỉ giữa đường. Có nhiều người ăn xin quây quần chung quanh đoàn hành hương để xin tiền. Trong đám ăn xin ấy có nhiều người què, nhiều người mù và nhiều người phung. Ôi! cảnh tượng thật đáng thương tâm; nhưng biết làm sao giúp cho hết được đây!

Vất vả lắm sau gần một tiếng đồng hồ chúng tôi mới đến được chùa Tây Tạng trên đỉnh núi. Nghỉ chân và chuẩn bị tinh thần để vào hang động, nơi Đức Phật tu khổ hạnh ròng rã 6 năm trường.

Không biết ngày xưa nơi đây có lẽ cây cối nhiều lắm nên mới gọi là rừng. Bây giờ trên núi này thấy hoang sơ tiêu điều lắm, chỉ còn trơ trọi với đá, cây con. Hang núi che mưa che nắng cho Đức Phật trong khi tu khổ hạnh rất ẩm cúng và nằm sâu vào trong một mồm đá. Trong hang, chính giữa thờ tôn tượng Phật Thích Ca theo kiểu điêu khắc Nhật Bản. Kế bên đó thờ thần Ấn Độ Giáo.

Đoàn người chiêm bái thành kính tụng Bát Nhã và cầu nguyện, sau đó đi thăm nơi Đức Đạt Lai Lạt Ma về đây an nghỉ, khi viếng Khổ Hạnh Lâm. Cuối cùng chúng tôi đã dùng trà nước do chùa Tây Tạng khoản đãi để tiếp tục cuộc hành trình còn lại.

Khi xuống chân núi có hơn 600 người ăn xin đã chờ sẵn chúng tôi tại đó để nhận quà. Quà biếu hôm nay là một gói bánh cho hai người. Hơn 300 gói đã hết sạch và đoàn lũ hành tiếp tục con đường của mình. Những người ăn xin ở lại đợi chờ những tấm lòng vị tha kế tiếp.

Có nhiều người trong đoàn hành hương chúng tôi bảo rằng hãy báo tin trước cho họ để đến nhận quà. Giáo sư Lâm Trung Quốc không chịu và bảo rằng cứ phát đột xuất rồi rút lui. Nếu báo trước sẽ không có đủ quà mà phát. Quà thật như vậy, chúng tôi không báo trước mà đã có 600 người ăn xin đến vây bủa chúng tôi. Nếu báo trước có lẽ chúng tôi phải lo chạy trước, trước khi thiếu quà. Ở đây hình như cả làng đều ăn xin, ăn xin từ già cho đến bé. Có những cô gái trạc chừng 15, trên tay đã bông ẵm con thơ để xin ăn. Quả thật là bế khổ.

Ở Ấn Độ có tục tảo hôn từ 9, 10 tuổi do đó họ có con rất sớm và sinh sản rất nhiều. Nghe đâu Thánh Gandhi

ngày xưa mới 7 tuổi cũng đã có vợ thì phải. Khi người con gái có chồng rồi thường trảy trên giữa 2 mí tóc trên đầu 1 gạch đỏ. Vì thế dễ nhận diện ai là người đã lập gia đình, ai là người chưa.

Trên đường về, tôi, Thượng Tọa Minh Tâm, Đại Đức Quảng Lượng và Đạo Hữu Thị Pháp Huỳnh Phước Bằng đi bộ, còn bao nhiêu đi xe. Chúng tôi hẹn nhau bên kia bờ sông Ni Liên Thiền.

Trên đường đi bộ chúng tôi quan sát cách sinh hoạt của dân chúng. Nhà cửa chung quanh đều làm bằng đất sét, mái lợp rạ. Có nhiều nhà lót rơm để ngủ, gần với nơi bò ở. Những con vật ở đây trông sao mà hiền quá. Có lẽ ở chung đụng với người lâu ngày nên sanh ra dạn dĩ cũng nên. Phân bò được nhồi với rơm và phơi khô bằng cách ép từng miếng lên trên tường để làm bối thổi cơm. Ở đây họ không nuôi heo đồng như ở nước ta, mà toàn là heo rừng. Người theo Ấn Độ Giáo không ăn thịt bò. Vì bò là thần của họ. Ngược lại Hồi Giáo không ăn thịt heo. Ngày xưa vì vấn đề khác nhau giữa hai tôn giáo này; nên Hồi Giáo đã rút về Đông Hồi, tức Bangladesh ngày nay và Ấn Độ Giáo ngự trị một nước lớn trong hiện tại. Tuy nhiên ngày nay ở một số thành phố lớn vẫn còn nhiều người theo đạo Hồi.

Sông Ni Liên Thiền ngày nay còn đó nhưng nước cạn. Nghe đâu mùa mưa nước cũng sâu lắm. Chính nơi đây Đức Phật sau khi tu khổ hạnh không thấy đạt đến thành công nên Ngài mới xuống sông này tắm rửa sạch sẽ và dùng bình bát thả xuống dòng sông này và thề nguyện rằng: Nếu quả thật lời nguyện của ta đạt thành thì bình bát kia sẽ trôi ngược trở lại. Và quả nhiên trôi trở lại Ngài. Cuối cùng Ngài

đã dùng bát sữa của nàng Soujata dâng cúng và đi bộ về phía cây Bồ Đề để ngồi tĩnh tọa tại đó.

Qua dòng sông chúng tôi phải cõ giày dép. Có nhiều đoạn cát lớn, bước đi không đành. Vì chân lâu ngày mang giày, nên bị cắn đau không thể tả. Cũng vì đi sang sông không có giày dép; nên nhiều người đã đề nghị với tôi là kỳ này nên viết về “Đường đi không dép” có lẽ sẽ có nhiều người đọc.

Sau khi vượt qua Ni Liên Thiên chúng tôi vào ngồi đợi xe Bus trong một quán cóc dọc đường để uống trà. Khoảng 30 phút sau thì đoàn hành hương đã đến. Chúng tôi nhập chung vào và tiến về Việt Nam Phật Quốc Tự.

Ngày nay trong những hình vẽ về Đức Phật chúng ta thấy có cây Bồ Đề, gần đó là dòng sông Ni Liên Thiên; nhưng trong thực tế từ Khổ Hạnh Lâm muốn đi đến dòng sông Ni Liên Thiên tốn chừng 40 phút. Và từ dòng sông này muốn đi đến cây Bồ Đề cũng phải tốn thêm chừng ấy thì giờ mới có thể đến được.

Cả đoàn đi bộ chúng tôi rất mệt; nhưng ai nấy cũng vui vẻ cả. Vì đây là đoạn đường thử sức của hành giả để biết rằng ngày xưa Đức Tôn Sư đã khổ nhọc như thế nào.

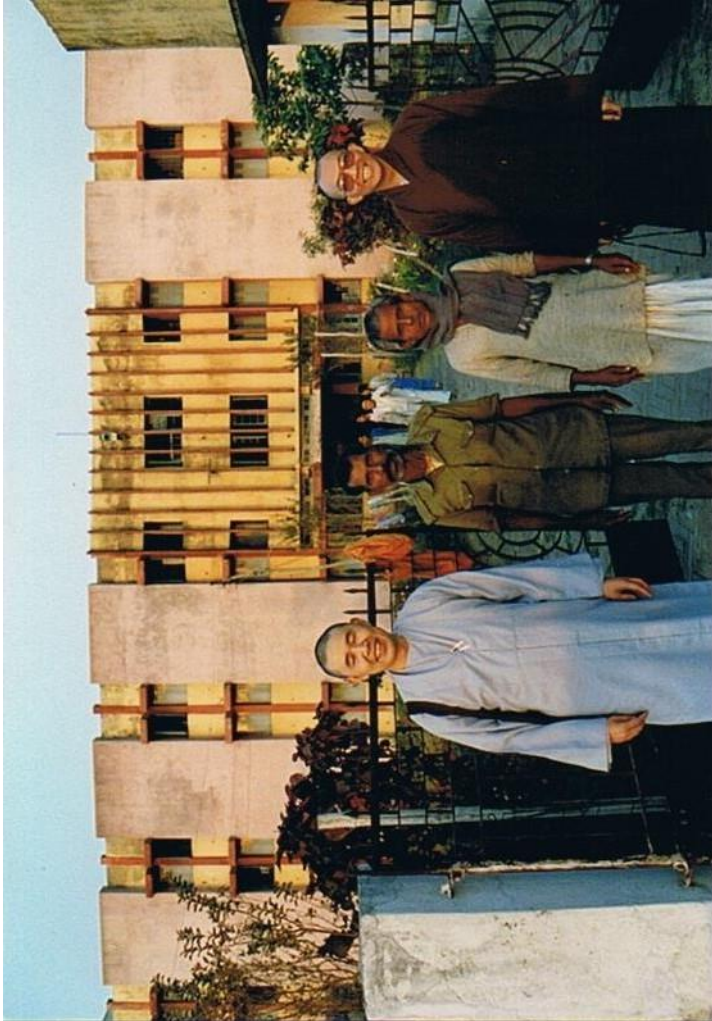
Sau khi về lại chùa Việt Nam, chúng tôi dùng cơm trưa và nghỉ cả buổi chiều để chuẩn bị cho cuộc hành trình vào ngày mai.

Tối hôm đó có 4 Phật Tử xin thọ Bồ Tát giới. Giới đàn rất đơn sơ nhưng rất trang nghiêm thành kính. Giới tử gồm 4 vị đến từ Canada, Đức, Bỉ và Thụy Sĩ. Giới Sư truyền giới

gồm Thượng Tọa Thích Minh Tâm, chúng tôi và Đại Đức Thích Quảng Lượng làm Diễn Lễ Sư.

Vì không chuẩn bị trước nên chúng tôi chỉ truyền giới theo trong ký ức chứ không theo như trong giới đàn Tăng của Hòa Thượng Thiện Hòa.

Buổi lễ kết quả tốt đẹp. Những người đã phát tâm nay đã tăng trưởng thêm đạo hạnh. Những người sẽ phát tâm có một cái nhìn rộng rãi bao dung.



Trước lưu học xá của Đại học Ma Kiệt Đà.



Khuôn viên Đại Học Ma Kiệt Đà.



Trước cổng Đại Học Ma Kiệt Đà.

Ngày thứ sáu – 13 tháng 12 năm 1988

Hôm nay phái đoàn chúng tôi cùng dậy sớm để chuẩn bị đi thăm núi Linh Thứu, Trúc Lâm Tịnh Xá và Đại Học Nalanda.

Đường đi từ Bồ Đề Đạo Tràng đến Linh Thứu sơn độ chừng 100 cây số; nhưng xe hơi đã chạy chừng 4 tiếng đồng hồ. Người tài xế hôm nay lái có vẻ cẩn thận hơn những người tài xế của những xe trước. Xe Bus hôm nay có vẻ cũng sang trọng hơn xe ngày hôm qua rất nhiều. Giữa đường 2 xe tránh nhau rất khéo. Hai xe cứ chạy giữa đường. Vì đường quốc lộ rất nhỏ chỉ vừa cho một xe chạy. Khi gần đến hai xe nhích nhau về bên trái một chút là có thể qua mặt nhau được rồi. Ở Ấn Độ đi bên trái như bên Anh. Do đó, nếu ai ở lâu tại những nước di chuyển bên mặt, có thể ngợp mắt được khi thấy 2 xe tránh nhau. Có người nói tài xế Việt Nam giỏi; nhưng không đâu, sau khi đi Ấn Độ về, ai cũng bảo tài xế xe Ấn Độ giỏi hơn tài xế Việt Nam chúng ta rất nhiều.

Chúng tôi đã đến ngoại thành của Vương Xá Thành. Kinh đô cũ của vua Tần Bà Xa La khi còn tại thế. Sau đó chúng tôi đi thăm vườn xoài và nền nhà của Bác Sĩ Kỳ Dực Vương. Ông này là Bác Sĩ của vua Tần Bà Xa La. Sau khi nhà vua quy y với Đức Phật, Kỳ Dực Vương trở thành Bác sĩ riêng cho Đức Phật. Xoài ngày nay không còn một cây, chỉ tro tro cái nền nhà đã dãi dầu với gió mưa năm tháng.

Đoàn người đã tiến lên Linh Thứu sơn, có 2 nơi ghi dấu tích của vua Tần Bà Xa La lúc vua và đoàn tùy tùng xuống ngựa và lần thứ 2 lúc nhà vua bảo tùy tùng ở lại để đích thân nhà vua một mình lên đỉnh núi để dành lễ Đức Thế Tôn. Giữa đường đi chúng tôi đã vào chiêm bái hai hang đá nơi Ngài Xá Lợi Phất và Ngài A Nan tu thiền. Trên cùng là đỉnh núi Linh Thứu sơn hay còn gọi là Kỳ Xà Quật. Nơi đây còn lại căn phòng cũ nơi Đức Phật ở - một tu viện nhỏ của Tăng chúng do Ngài Huyền Trang khám phá ra hồi thế kỷ thứ 7 sau Tây lịch. Cũng chính từ căn phòng này và dãy hành lang kia, Đức Phật đã đi qua đi lại nhiều lần để hướng dẫn về nhà tù của Vương Xá Thành, nơi mà A Xà Thế đã nghe lời dụ dỗ của Đề Bà Đạt Đa, nhốt cha mình vào ngục tối để đoạt ngôi.

Tại đây chúng tôi đã tụng một thời kinh Bát Nhã và lễ lạy Đức Tôn Sư. Cứ nhìn gian phòng nơi Đức Phật cư ngụ, có lẽ thân thể của Ngài cũng không to lớn hơn chúng ta là mấy. Sau này người Tàu chép sử, nhân cách hóa lên rất nhiều, nên thân Ngài có thể cao đến mấy thước hơn người thường.

Từ căn phòng này có thể nhìn thấy hết mọi nơi chung quanh. Quả thật Đức Phật là một bậc Đại Đạo Sư có cái thấy xa nhìn rộng. Thanh cao, quảng đại và từ mẫn vô cùng. Phía sau căn phòng này, nhìn lên chỏm đá có hình con chim kên kên, có lẽ vì thế mà gọi là Linh Thứu sơn chăng?

Khi chưa đến Ấn Độ, tôi hình dung Khổ Hạnh Lâm và Linh Thứu sơn đều nằm trên hoặc kề trong dãy Hy Mã Lạp Sơn. Nhưng khi đến nơi rồi, không phải vậy, chúng nằm rất

xa nhau và cách biệt nhau hằng mấy trăm cây số. Vì thế đọc sách là một việc và sự thật là hai việc khác nhau.

Sau khi tụng kinh, Thượng Tọa Thích Minh Tâm nói sơ qua về ý nghĩa của Thánh Tích này và chúng tôi xuống núi để tiếp tục đi thăm nơi Đền Bà Đạt Đa lặn đá hại Phật. Khi đọc lịch sử Đức Phật tôi thấy như mình đang đọc dã sử hoặc những chuyện như truyện truyền kỳ; nhưng khi đến tận nơi rồi, thấy như chuyện ấy đã xảy ra trước mắt và chỉ mới ngày hôm qua đây thôi. Ôi! quả thật, pháp Phật nhiệm mầu.

Cũng trên con đường xuống núi Linh Thứu này có hai người ngoại đạo tìm cách hãm hại Phật; nhưng vì thấy đáng điều uy nghi của Ngài mà 2 người kia không hại Phật được. Đức Phật khuyên họ, vì lầm lỗi cho nên các người đã đi con đường sai để đến đây. Vậy hai người hãy đi về bằng con đường khác phía sau núi này, các người sẽ không gặp khổ nữa. Quả thật đúng như thế, nếu hai người kia trở về con đường cũ không mang được thể xác của Phật về, chắc chắn hai người kia sẽ bị chủ nó hành hạ. Ôi! Lòng từ của Đức Phật thật vô lượng vô biên!

Sau đó đoàn người hành hương chúng tôi xuống núi đi về phía trước để lên xe Bus, đi thăm nhà tù nơi A Xà Thế đã nhốt cha mình để đoạt ngôi. Nơi đây chỉ còn trơ trọi 4 bức tường thành; nhưng trông vẫn còn kiên cố lắm. Quả thật ngày xưa khi A Xà Thế cũng đã có gan to, mới xây được những bức tường thành nhốt tù kiên cố như thế, và cũng chính nơi đây Hoàng Hậu Vi Đề Hy, mẹ của A Xà Thế cũng bị nhốt, vì A Xà Thế hay tin mẹ mình đã mang thức ăn cho cha mình trong khi bị tù, do đó ông ta không theo hạn định như A Xà Thế đã mong muốn. Cuối cùng Vi Đề Hy

Hoàng Hậu cũng bị hạ ngục vào đây. Bà đau khổ quá nên mới cầu khẩn đến Đức Phật và Phật đã chuyển pháp luân cho bà xem tất cả các cảnh của trời, người, chư thiên v.v... sau cùng bà đã nguyện thác sanh về thế giới cực lạc của Đức Phật A Di Đà nơi không còn sanh già bệnh chết nữa.

Đoàn người chúng tôi từ từ tiến về suối nước nóng trên đường đến Trúc Lâm Tịnh Xá, nơi đây là nơi Đức Phật ngày xưa đã có lần tắm tại đó và ngày nay Bà La Môn Giáo đã chiếm cứ để tắm bên trên, còn dòng Chiên Đà La thì tắm bên dưới, lặn hụp trong bọt xà-phòng dơ nhớp từ bên trên chảy xuống; nhưng họ vẫn cam phận để vui vẻ tắm. Không có gì là xấu hổ hoặc khó chịu khi khách hành hương đứng từ bên trên, ném xuống những cái nhìn kinh ngạc. Ở đây, xã hội này sao mà giai cấp nhiều quá. Phải chăng tôn giáo, nhất là Bà La Môn Giáo đã có lâu đời tại xứ này và chính giáo lý ấy định ra giai cấp trên? Thật là bất công. Vì thế Đức Phật đã nói: „Không có sự phân biệt giai cấp và Tôn Giáo khi trong máu người cùng đỏ và nước mắt người cùng mặn“.

Giáo sư Lâm Trung Quốc hỏi trong đoàn có ai muốn xuống tắm bên trên dòng suối không? Cả đoàn đều cười. Ngay cả nơi này người Bà La Môn cho là sạch sẽ; nhưng với Tây phương vẫn còn kém vệ sinh nhiều lắm; nên chẳng ai dám tắm, dầu đây là nước thiêng. Có nhiều người thắc mắc, làm sao biết được là thuộc giai cấp nào? – Giáo sư trả lời: „Họ tự biết họ là giai cấp nào để an phận vào tắm“. Còn mình thì sao? Có người hỏi tiếp. Nếu ai muốn tắm, cứ vào tắm chung với Bà La Môn và bảo rằng mình là dòng dõi Sakya thì ai cũng nể cả. Cả đoàn phá lên cười và trở về bến xe Bus. Chúng tôi cũng định đi thăm hang Thất Diệp, nơi kết tập kinh điển lần thứ nhất do Ngài Ma Ha Ca Diếp chủ

tọa sau khi Phật nhập Niết Bàn; nhưng vì không có thì giờ nên phải đi mau đến Trúc Lâm Tịnh Xá.

Tại đây rừng trúc vẫn còn xanh tươi với nắng mưa năm tháng. Bên trong là một hồ nước thiêng. Tương truyền rằng nước ở đây chẳng bao giờ cạn và chính nơi đây Đức Phật cũng đã tắm gội mình Ngài. Phía bên kia hồ có một tôn tượng Thích Ca tọa theo lối Nhật Bản, được an trí tại đó.

Phái đoàn chúng tôi đã rời Trúc Lâm Tịnh Xá để đi thăm Đại Học Nalanda, giữa đường gặp làng của Thầy Giới Hiền, một bậc Đại Sư, Thầy của Ngài Huyền Trang. Trong hồi ký Ngài Huyền Trang có ghi rõ từng chi tiết một về cách sinh hoạt của từng địa phương và chính tại làng này đã có một loại bánh quai vạc tẩm đường rất nổi tiếng. Bánh ấy giờ đây vẫn còn và người ta thường hay dùng trong các lễ lộc lớn. Có người dừng xe xuống để mua một thúng bánh, mang lên phát cho từng người trong phái đoàn, ăn bánh để nhớ đến Ngài Huyền Trang và Ngài Giới Hiền.

Chúng tôi đến Đại Học Nalanda cũ. Bây giờ chỉ còn tro bụi nền gạch đen trải qua với thời gian năm tháng. Đây là một Đại Học cũ nhất của Phật Giáo và cả thế giới. Đại Học có từ thế kỷ thứ 2 sau Tây lịch. Các bậc Đại Sư của Phật Giáo như Ngài Mã Minh, Long Thọ đều xuất thân từ đây. Sau đó Ngài Huyền Trang từ Trung Hoa sang học đạo, Ngài cũng đã xuất thân ở Đại Học này. Trong hồi ký của Ngài Huyền Trang viết, trong thời gian Ngài lưu học tại đó thuở bấy giờ (vào thế kỷ thứ 7), có khoảng 6.000 sinh viên và hơn 100 phân khoa được giảng dạy tại đây. Chứng tỏ một thời đại cực thịnh của Phật Giáo. Chúng tôi thăm những giảng đường, nơi ngủ nghỉ của sinh viên, nơi nấu nướng

cũng như nhà chứa thóc gạo. Cứ trong mỗi phòng ngủ có 2 giường đá, một giường lớn dành cho vị sinh viên học năm trước, giường nhỏ dành cho vị đi sau. Nếu có gì cần hỏi thì vị đi sau đã có vị đi trước hướng dẫn rồi.

Người xưa nấu cơm cũng có nhiều kỹ thuật hay lắm. Muốn nấu cho được nhiều, người nấu cơm đun 2 thanh củi thật dài xuyên qua mỗi bên 6 nồi nấu và lửa có thể cháy cùng một lúc để nấu chín 12 nồi cùng loạt. Gần chỗ nấu cơm là một giếng nước và nhà chứa thực phẩm.

Bên kia giảng đường là nền tháp của Ngài Xá Lợi Phất. Sử có chép rằng chính tại nơi đây là làng của Ngài Xá Lợi Phất xuất thân. Sau khi thị tịch, pháp thân của Ngài được mang về đây để dựng tháp thờ. Tháp bây giờ đã xiêu vẹo và đổ nát, tuy nhiên nền móng vẫn còn kiên cố rất nhiều. Nghe nói khi quân Hồi xâm chiếm Ấn Độ, họ đã đốt sách của Đại Học này đến 6 tháng ngọn lửa mới tàn.

Thăm Đại Học cũ Nalanda xong, chúng tôi ghé thăm Viện Bảo Tàng ở bên cạnh đối diện. Trong Viện trưng bày những hình ảnh đã tìm được trong thế kỷ thứ 5, thứ 6 rất nhiều. Cách điêu khắc chạm trổ của người xưa thật tinh vi; phần nhiều bị đập phá bởi quân đội Hồi Giáo nên chẳng còn tượng nào đầy đủ cả. Trong Viện Bảo Tàng cũng có trưng bày một cái chum đựng thóc rất to. Chứng tỏ thời ấy loài người đã biết cách để dành thức ăn trong những dụng cụ này.

Sau đó chúng tôi về Đại Học mới Nalanda. Nơi đây là chỗ xuất thân của Thượng Tọa Thích Minh Châu, Hòa Thượng Thích Huyền Vi, Thượng Tọa Thích Thiện Thanh, Sư Pháp Nhẫn, Sư Kiêm Triều v.v... Đại Học không lớn lắm,

bằng chừng 1/2 Phật Học Viện Huệ Nghiêm tại An Dưỡng Địa, Phú Lâm Việt Nam ta thuở trước. Đại Học có một Thư viện, không có giảng đường nào lớn đáng kể, có nhiều phòng nhỏ cho sinh viên ở lại. Ngày xưa Thượng Tọa Thích Minh Châu học rất chăm và là sinh viên ưu tú của viện, nên ngày nay tiếng tăm của Thượng Tọa ở đây vẫn còn nhiều người biết đến.

Có nhiều người bảo ở đây buồn quá, không biết ngày xưa các Ngài có nhớ quê hương không? Vì chung quanh chỉ là ruộng đồng và ao thả sen. Xa xa có mấy quán cóc dọc đường. Có lẽ nhờ thanh tịnh như vậy mà nhiều Thầy đã cố gắng học ra trường để về nước còn phục vụ cho quê hương xứ sở nữa. Giáo sư Lâm Trung Quốc đã chỉ cho chúng tôi, đây là phòng Hòa Thượng Huyền Vi, đây là phòng Thượng Tọa Thích Thiện Thanh v.v...

Bây giờ cả đoàn đã mệt và chúng tôi về lại chùa Tàu để ăn cơm và sau đó còn về lại chùa Việt Nam nữa.

Đây là một ngôi chùa do vị Sư người Trung Hoa xây, lấy tên là Trung Hoa Phật Tự. Sư ở đã lâu đời tại đây và sau khi thị tịch không có người coi sóc; nên bây giờ đã giao lại cho một vị Sư Nam Tông người Miến Điện ở trụ trì. Mặc dù Sư theo truyền thống Nam Tông nhưng để nhớ ơn người xưa đã thành lập chùa này thuộc phái Bắc Tông; nên chuông mõ vẫn còn đó và mọi cách thờ tự đều được tôn trọng để nguyên như cũ. Có lẽ giác linh Người quá cố cũng rất mãn nguyện với kẻ hậu học này.

Ngồi ngoài vườn chùa dùng cơm trưa, chúng tôi thấy cây chùm ruột đã cao lớn, cây xoài, cây ổi, cây đu đủ, cây cam, cây chuối v.v... trông giống như đang ngồi trong một

làng Việt Nam và không muốn rời khỏi nơi đây, chỉ muốn ngồi lại lâu hơn để tưởng nhớ về quê hương và đất nước. Trong khi dùng cơm, Giáo sư Lâm Trung Quốc đã chỉ cho chúng tôi xem, đây là ngôi pháp xá do Thượng Tọa Thích Thiện Thanh xây cất. Bây giờ Thượng Tọa ở Long Beach Hoa Kỳ, mỗi lần Thượng Tọa nghĩ về xứ Phật chắc Thượng Tọa còn nhớ những kỷ niệm nơi ngôi chùa cũ ấy.

Trên đường về dài thăm thẳm, gần 200 cây số xe phải chạy gần 6 tiếng đồng hồ. Đến một đoạn cầu hẹp nọ, 2 xe 2 chiều chẳng nhường nhau, 2 bên lại gặp nhau ở hai phần cầu, khiến cho bên nào cũng không di chuyển được, xe kẹt lại cả đoàn. Hai anh tài xế, anh nào cũng tranh phần thắng về mình, chẳng ai nhường bộ, chỉ có khách hàng là trể nải mà thôi. Cuối cùng „Bác Sĩ trị Ấn Độ” đã giải quyết rằng: „Các anh có một chút mà không nhường nhau làm sao tiến bộ được”. Cho đến bây giờ thì họ đã hiểu về giá trị của lời nói; nên xe bên kia cầu bắt đầu lui lại để nhường bước cho bên này tiến lên. Làm như thế chẳng ai hơn cả mà chỉ để cho thiên hạ chê cười mà thôi. Xe về đến chùa đã gần 9 giờ tối, chúng tôi dùng tối sơ sài, đi nghỉ để chuẩn bị cho chương trình của ngày mai.



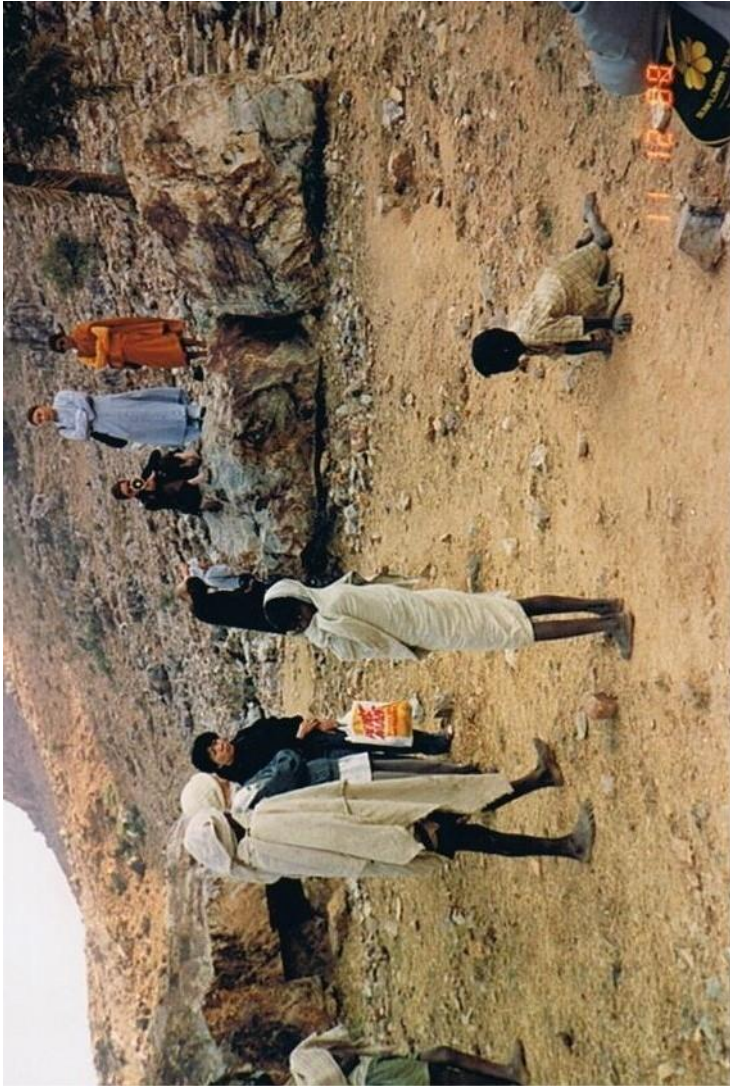
Xe Bus hành hương dưới cội Sésam.



Trước hang đá nơi Khổ Hạnh Lâm.



Trong hang đá Khổ Hạnh Lâm.



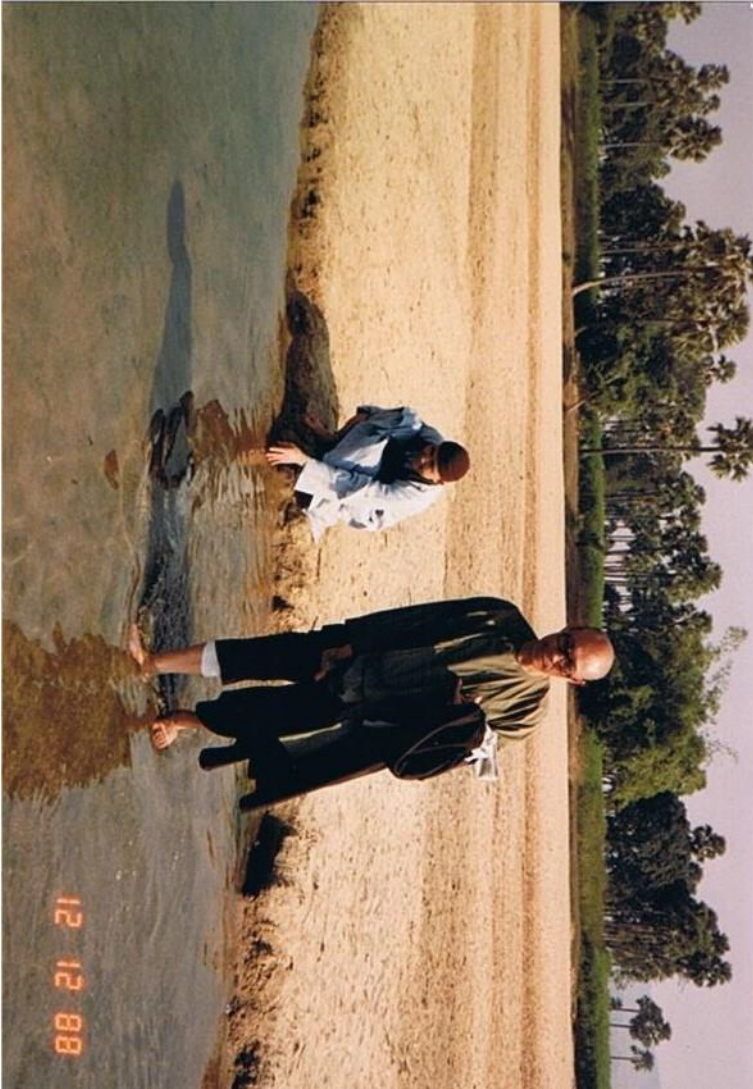
Các trẻ em ăn xin dưới chân núi Khổ Hạnh Lâm.



Phát chẩn cho những người ăn xin.



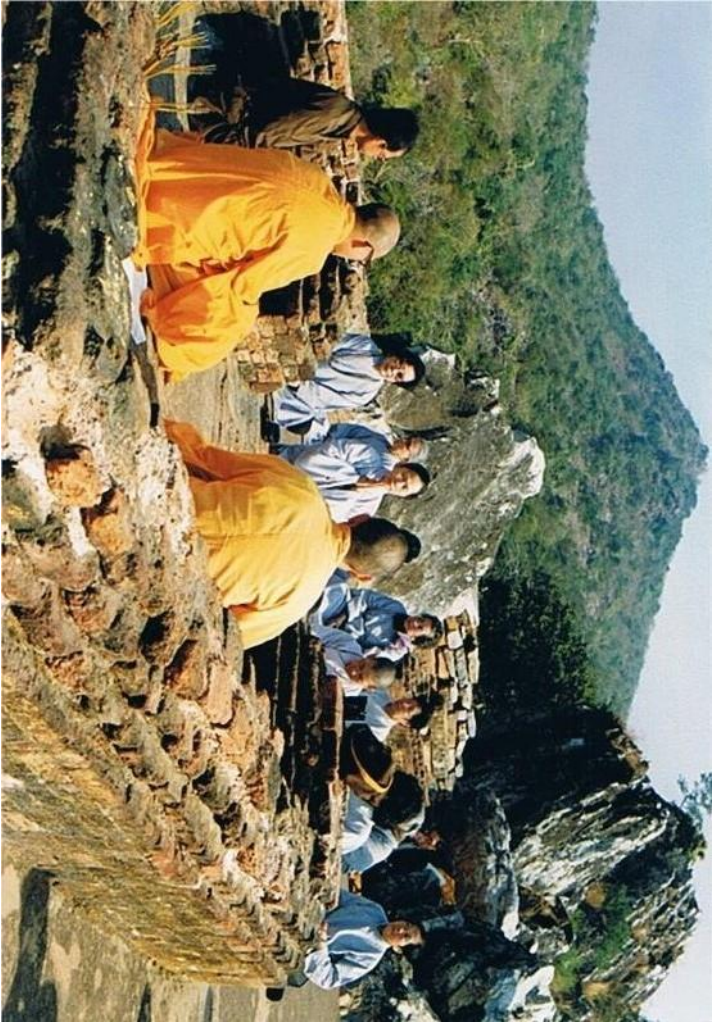
Phát chẩn cho những người ăn xin.



Sông Ni Liên ngày nay.



Từ Khố Hạnh Lâm đến Ni Liên Thiên.



Linh Thửu Sơn - nơi đó Phật giảng kinh Pháp Hoa.



Cầu nguyện nơi phòng nghỉ ngơi của Đức Phật.



Trúc Lâm Tịnh Xá.



Trước cửa vào Đại Học Nalanda cũ.



Một phần nền cũ của Đại Học Nalanda.



Chùa Trung Hoa gần Đại Học Nalanda.

Ngày thứ bảy – 14 tháng 12 năm 1988

Hôm nay đúng ra theo chương trình là ngày nghỉ dưỡng sức và để cho phái đoàn đi mua sắm đồ đạc, ngày mốt lên đường đi luôn và không trở lại chùa Việt Nam nữa. Nhưng cũng có một vài công việc chung cần có sự hiện diện của mọi người.

Đúng 7 giờ sáng đã có các sư Miến Điện, Tây Tạng, Ấn Độ, Tích Lan sang chùa Việt Nam để dự lễ khánh thành cái giếng nước của chùa. Nguyên tại chùa Việt Nam không dùng hệ thống nước của chính phủ mà tự đào giếng để lấy nước dùng. Giếng sâu độ 45 thước, nước rất trong và ngọt. Thượng Toạ Thích Minh Tâm và Sư Cả chùa Miến Điện đã cắt băng khánh thành. Sau đó Phật Tử Việt Nam tụng Đại Bi thần chú bằng tiếng Việt, tiếp theo là tiếng Pali và cuối cùng nghi lễ Tây Tạng.

Sau phần nghi lễ, tất cả chư Tăng đã nhận sự cúng dường của phái đoàn hành hương sau đó dùng buổi điểm tâm sáng đặc biệt do các Phật Tử Việt Nam khoản đãi.

Phía trước chùa Việt Nam có mấy thửa ruộng đang được cày lên để gieo lúa mì, sau khi mùa gặt đã xong. Ruộng ở đây rất tốt, có thể trồng rau cải, cấy lúa, gieo lúa mì, trồng cây đậu v.v... Khi cày có nhiều lúc họ cày chung một con trâu với một con bò. Chuyện lạ này trên thế giới

chẳng có nơi nào có. Ngày xưa ở Việt Nam, ông Đạo Dừa có nuôi một con mèo và con chuột sống chung nhau và chẳng bao giờ làm phiền nhau. Chứng tỏ sự hòa bình có được nơi hai giống ấy. Ở đây cũng vậy, người Ấn Độ có lẽ sống trong tinh thần bất bạo động quen rồi; nên trâu bò cũng sống chung nhau hòa bình như thế!

Thượng Tọa Minh Tâm và tôi rủ nhau đi xe kéo đến Bồ Đề Đạo Tràng một lần nữa để đánh lễ cây Bồ Đề lần cuối, để ngày mai phải lên đường, biết có cơ hội nào mới trở lại được nơi đây! Chúng tôi yên lặng đi lại như lần trước và thông thả khắc ghi từng hình ảnh một nơi Đại Tháp vào tự thâm tâm mình. Sau đó đi nhiễu chung quanh ngôi Đại Tháp một vòng. Nhìn những cây vô ưu sừng sững với gió sương và lặng hồn mình vào cái yên lặng của buổi mai trời đẹp ấy. Sau đó chúng tôi về chùa dùng trưa để chiều còn trở lại nơi đây để phát chẩn ho những người ăn xin lần cuối.

Sư Nanda đã cho nấu sẵn 2 nồi cơm theo kiểu Ấn Độ, cay xé môi, xé miệng, toàn là cà-ri; nhưng người Ấn lại rất thích. Quả thật ở đời chẳng biết sao mà nói được. Dân tộc này cho cái này là ngon, dân tộc kia cho cái kia là dở, chẳng qua phong tục và tập quán đã làm cho họ quen đi. Vì thế chúng ta cũng không nên phê phán một dân tộc dưới con mắt chủ quan của mình. Các người ăn xin phải xếp thành một hàng dài và từ trong người ăn xin họ cử ra một người trưởng để lo trị họ, nếu họ không có trật tự. Một số người giúp việc khiêng 2 nồi cơm; tôi, Thượng Tọa Minh Tâm và một số Phật Tử khác đi phát chẩn. Người nào có thau thì chúng tôi đổ cơm vào đó. Người nào không có, phải đổ vào trên một mảnh lá lớn đã để sẵn trước mặt. Nhìn nét mặt của họ tôi đã hình dung đến những thế giới

thấp hơn của loài người, cảm thương cho số phận của họ và tự an ủi cho mình rằng, có đầy đủ phúc duyên nên được đầy đủ tất cả và còn ngụp lặn trong bể Phật pháp nhiệm mầu nữa. Còn họ, và chẳng họ là những người sinh bất phùng thời, chẳng có tính tâm và suốt cả cuộc đời chỉ an phận trong việc xin ăn! Ôi! Nhân sinh là thế đó!

Sau khi phát chán về lại chùa lòng tôi còn xuyên xao với bao nỗi khổ tâm ấy. Ở đây tôi thấy xao xuyên cõi lòng, thương cho người đồng loại mà xấu số. Đôi khi muốn mở cửa lòng từ để giúp đỡ họ; nhưng biết giúp ai bây giờ! Ai là người được và ai là kẻ không? Người muốn giúp cũng không dám tự nhiên giúp và kẻ đi xin thì ai cũng muốn mình được phần. Vì thế có nhiều lòng từ đã khép kín lại, nhường chỗ cho sự giày vò của tâm tưởng.

Đến được nơi này, tôi lại càng nhớ đến công ơn hóa độ của Đức Bổn Sư nhiều hơn như thế nữa. Ngài là một vị Đông cung Thái tử, sống trong cảnh giàu sang nhung lụa, sau khi dạo 4 cửa thành đã động mỗi từ tâm mà xuất gia tầm đạo để tìm đường cứu khổ cho nhân sinh. Nhưng ngày nay khổ vẫn còn đó, chỉ vì con người không biết tu mà ra nông nổi ấy.

Tối lại chúng tôi ngồi thiền trong thiền đường của chùa Phật Giáo Việt Nam. Sau giờ tọa thiền chúng tôi có hỏi cảm tưởng của một số người hiện diện. Đại khái ai cũng hài lòng trong chuyến hành hương này; nhưng nhìn cảnh khổ của người dân bản xứ chung quanh cái đầy đủ tiện nghi vật chất của mình ở Âu Châu, thấy lòng xót xa vô hạn. Đây là nỗi ưu tư chung của mọi người.

Quả thật, không biết con người cho đến bao giờ mới hết khổ, nếu chúng ta không biết cố gắng học hành, làm việc, tu niệm để đáp đền công ơn hóa độ của Đức Bổn Sư?



Lễ khánh thành giếng nước tại Việt Nam Phật Quốc tự.



Trâu bò cày chung.



Phát chẩn cho dân nghèo.

Ngày thứ tám – 15 tháng 12 năm 1988

Sáng nay chúng tôi phải dậy sớm để chuẩn bị một cuộc hành trình dài hơn 300 cây số từ Bồ Đề Đạo Tràng đến thành Ba La Nại. Đoạn đường này nếu không có gì trục trặc phải mất 9 tiếng đồng hồ. Ngày xưa, sau khi Đức Phật thành đạo dưới cội Bồ Đề, Ngài đã trở lại vườn Lộc Uyển để độ cho 5 anh em Kiều Trần Như tại thành Ba La Nại này. Lúc ấy Ngài đi bộ; không thấy sách sử nào nói thời gian Ngài phải dùng đoạn đường này là bao lâu; nhưng theo sự ước đoán của tôi, ít nhất là từ 2 đến 3 tháng mới đến được. Ngay cả ngày nay, khi phương tiện giao thông đã tiện lợi, mà còn tốn nhiều thì giờ như thế, huống nữa là ngày xưa, khi loài người chưa tiến bộ, đường sá cầu cống chưa được sửa sang.

Tất cả hành lý đều phải bỏ lên xe Bus để theo chúng tôi, vì phái đoàn sẽ không trở lại đây nữa, mà sau khi hành hương xong, sẽ đi thẳng New Delhi để lấy máy bay về Âu Châu.

Đúng 6 giờ sáng chiếc xe Bus chở chúng tôi bắt đầu nổ máy và di chuyển. Mọi người yên lặng nhìn đóa lui lại ngôi chùa Việt Nam Phật Quốc Tự và mong rằng có ngày nào đó sẽ trùng phùng tao ngộ. Phái đoàn cũng đã hướng về nơi cội Bồ Đề, cúi đầu đánh lễ, đoạn tài xế cho xe chạy nhanh hơn, để kịp đến Ba La Nại khi mặt trời chưa lặn, còn kịp xem một vài Thánh Tích nơi đây. Trên đường đi, hai

bên đường ruộng lúa phì nhiêu, dân cư sống rải rác. Thỉnh thoảng có nhiều quán cóc mọc lên dọc đường bán trà sữa và những vật dụng lặt vặt. Nhìn chung căn nhà hàng, tất cả hàng hóa ước chừng 500 DM là cùng. Tài sản của họ chỉ có thế. Nghèo khó, nhưng nhìn nét mặt ai cũng vui tươi. Có lẽ họ cam chịu số phận nghèo ấy như là một định luật thiên nhiên mà tôn giáo của họ đã rao truyền mấy ngàn năm nay.

Trên đường đi chúng tôi thấy nhiều cảnh tượng hơi lạ mắt. Đó là những xác chết được bó vào 2 cây tre và thân nhân chở ra sông Hằng để thiêu, sau đó quẳng tro vào lòng sông. Đó là lời nguyện của bất cứ một người Ấn Độ nào khi còn sống. Nếu nhà nghèo, họ cho thiêu ở làng và tro tàn ấy cũng được rải vào ruộng lúa. Quả thật đời là vô thường. Cát bụi xin trả về với cát bụi. Chúng tôi cũng đã thấy cảnh chó ăn thịt bò. Vì ở đây họ thờ bò nên không ăn thịt. Một con bò chết sẽ được mang ra ngoài đồng trống để cho chim kên kên, heo rừng và chó đói phanh thây.

Cái khó của đoàn lữ hành chúng tôi là không có nhà vệ sinh dọc đường đi. Nếu muốn đi, phải đi thiên nhiên, đồng không nhà trống, không có gì che chở cả. Mới đầu có nhiều người rụt rè mắc cỡ, nhưng chịu đựng không nổi nữa, nên riết rồi đi thiên nhiên cũng quen đi. Có những con bò ở trong thành phố được dân chúng tôn thờ, cho ăn mạp mạp để lấy sữa. Cũng có nhiều con bò ở thôn quê phải chịu làm thân trâu ngựa cho người sai khiến cày bừa. Cũng kiếp bò, mà bò nhà quê và bò thành thị có khác. Từ đó suy ra loài người cũng vậy. Có người suốt cả đời tay lấm chân bùn, chắt vật với miếng ăn, manh áo; nhưng cũng có nhiều kẻ dư của lăm tiền, giàu sang phú quý. Đó chẳng qua vì

nghiệp lực của mỗi người tự tạo ra trong đời trước và đời này, để bây giờ phải chịu trả quả đấy thôi.

Xe chạy được khoảng 100 cây số, bị nổ bánh. Đúng là có thiên thần hỗ trợ. Giữa đường trống này mà xe bị nổ bánh ngay chỗ tiệm vá ruột xe. Quả thật hy hữu lắm. Thế là đoàn lữ hành chúng tôi tất cả đều xuống xe, ngồi nghỉ mát trên những chiếc giường bên bằng đay, rất thô; nhưng rất chắc. Nghe đâu loại giường này đã có từ lúc Phật còn tại thế mà bây giờ họ vẫn còn dùng. Sau một tiếng đồng hồ chúng tôi lại lên xe và trực chỉ đến thành Ba La Nại. Đi khoảng 100 cây số nữa, bị đoàn biểu tình của sinh viên chặn tất cả các xe đò lại. Hỏi nguyên do, mới biết rằng các tài xế xe đò lái bất cẩn, nên đã gây ra rất nhiều tai nạn cho dân chúng và sinh viên. Vì thế sinh viên và giáo sư biểu tình và đòi nhân viên chính quyền phải đến giải quyết. Nghe đâu tất cả các xe phải đợi cho đến 8 giờ tối mới được đi. Người tài xế xe chúng tôi trườn tới thật gần đoàn biểu tình, phân bua đủ lẽ. Cuối cùng đoàn hành hương chúng tôi đã rẽ phen làn sóng người ấy để đi về hướng Đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên. Quả thật có Phật độ.

Bây giờ thì tài xế cứ tha hồ mà đi, không cần phải qua mặt xe nào cả suốt một đoạn đường dài. Vì tất cả đều ở lại sau lưng. Thỉnh thoảng tài xế phải dừng xe để đóng thuế mải lộ. Xe đang chạy ngon trớn, tự nhiên thấy một cây tre gác ngang qua đường, thế là phải dừng xe lại làm thủ tục và nộp tiền thuế, trông giống như khung cảnh của Việt Nam chúng ta trong thời xa xưa cũ.

Đặc biệt tại Ấn Độ rất ít xe nhập cảng. Hơn 90 phần trăm là họ tự chế. Hình thức tuy không đẹp như xe Đức, xe Nhật; nhưng trông có vẻ chắc chắn lắm. Các anh tài vừa lái

vừa nói chuyện, vừa nghe nhạc, hút thuốc, có khi cũng ăn trầu. Ở đây họ ít hút thuốc lá như Âu Mỹ. Thuốc giống như thuốc rê của ta, họ vo tròn thành từng cục nhỏ và nhét vào trong miệng để cho thuốc tan ra. Trầu cũng thế. Ở đây chỉ có đàn ông ăn trầu, đàn bà thì không. Trầu ở đây họ không ăn với cau như xứ ta, chỉ ăn chung với vôi đỏ thôi.

Xe ngừng trước cửa chùa Miến Điện tại Ba La Nại. Sư Nanda và một số người giúp việc mang thức ăn xuống để sửa soạn cho buổi ăn trưa nay. Còn chúng tôi sang thăm Viện Bảo Tàng và vườn Lộc Uyển.

Ánh nắng của buổi chiều vàng vọt chiếu thẳng vào đầu óc chúng tôi; nên nhiều người trong đoàn đã ho và nhảy mũi. Tuy thế ai cũng cố gắng và nguyện đi hết các Thánh Tích tại đây.

Bước vào Viện Bảo Tàng, thấy hình con sư tử 3 đầu bằng cẩm thạch được chạm trổ rất tinh vi, tượng này có từ thời vua A Dục còn tại thế. Trước khi vào cổng có bảng cấm là không được chụp hình và quay phim; nhưng Thầy Quảng Lượng muốn chụp một tấm lưu niệm. Người gác đàn tỏ ý bằng lòng. Cái bằng lòng của người Ấn Độ cũng khác với chúng ta. Chúng ta muốn bằng lòng một việc gì hay nói hoặc gục đầu thẳng xuống. Ở đây người Ấn Độ nếu bằng lòng, họ sẽ nghiêng cái đầu về bên trái một cái. Đó là dấu hiệu bằng lòng vậy.

Trong Viện Bảo Tàng này trưng bày những hình ảnh và tượng Phật đa số là những vật quý từ trước Tây lịch cả mấy trăm năm. Cho hay cái tinh xảo của người xưa còn vượt bậc hơn bây giờ.

Thành Ba La Nại là một cổ thành, ở đây dân chuyên nghề dệt vải và lụa rất nổi tiếng, đã có từ thời Đức Phật và trong các sách sử Phật Giáo cũng có chép, đã có nhiều vị Phật giáng sanh trong quá khứ tại thành này. Có lẽ gần con sông thiêng của xứ Ấn, nên Phật lại xuất hiện ở đây chăng?

Sau khi xem Viện Bảo Tàng xong, đoàn người chúng tôi tiến vào vườn Lộc Uyển. Đây là Thánh Địa quan trọng thứ 2 của Đạo Phật. Vì chính nơi đây Giáo Pháp và Giáo Hội lần đầu tiên được thành lập và chính nơi đây Đức Phật đã nói pháp Tứ Diệu Đế lần đầu tiên cho 5 anh em Kiều Trần Như nghe và khiến cho họ chứng được quả vị A La Hán. Chúng tôi thăm trụ đá A Dục – Chính nơi đó A Dục Vương đã khắc những hàng chữ “hãy đề phòng có sự tranh chấp trong tôn giáo” và “thẳng tay trừng trị những người phá hoại Phật Giáo”. Vì thế sau này các học giả căn cứ vào đó để khai quật từ từ các sử tích còn lại. Nếu không có A Dục Vương đại đế và Ngài Huyền Trang, chắc ngày nay chúng ta không có cơ duyên để chiêm bái được những Phật tích này.

Chúng tôi đến một ngôi đại tháp, cao chừng 40m, xây tròn và không có lối vào. Mãi cho đến bây giờ người ta cũng không biết trong đại tháp đó có chứa gì. Trong khi người Tây Tạng và Thái Lan đi nhiều chung quanh tháp thì chúng tôi hướng về tháp để tụng kinh cầu nguyện cho thế giới hòa bình và nhân sinh an lạc.

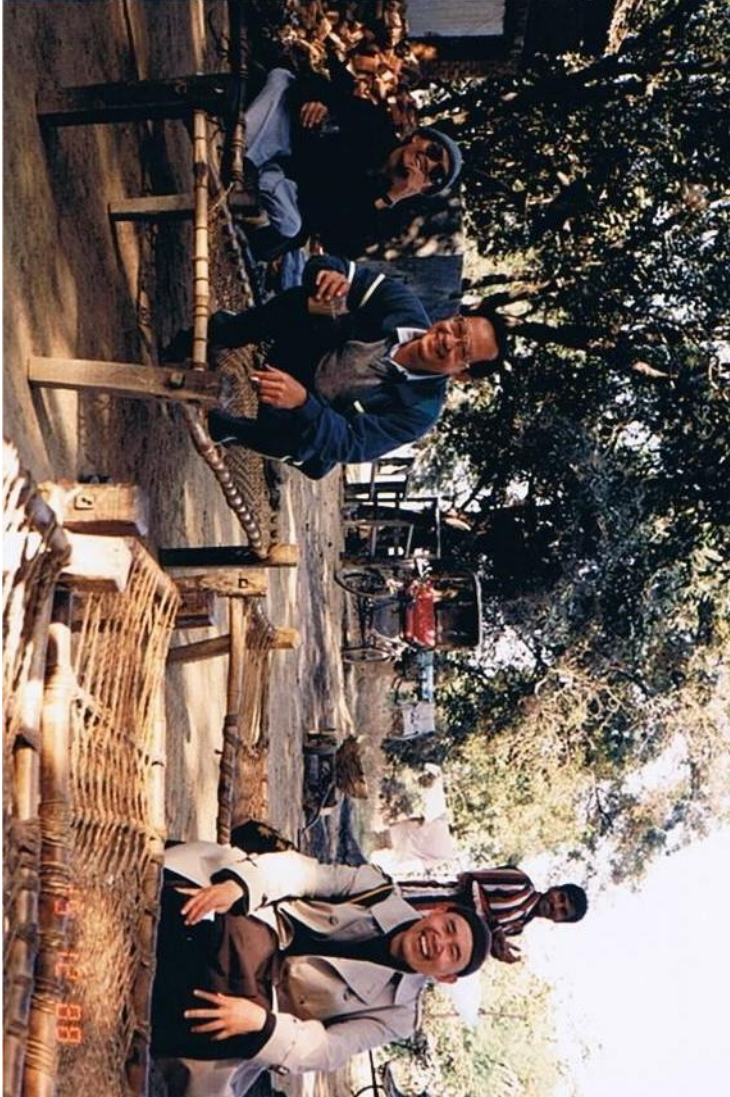
Để tưởng nhớ đến vị Tôn Sư khả kính của chúng ta, chúng tôi tìm đến vườn Nai để xem có con Nai nào còn lại đây chăng! Quả thật Nai ở đây có khác Nai thường, to lớn và hùng mạnh lắm. Trong khi đó Giáo sư Lâm Trung Quốc kể những chuyện cổ tích cho đoàn hành hương nghe.

Chúng tôi về lại chùa Miến Điện lễ Phật, cúng dường và chuẩn bị về khách sạn để nghỉ.

Pallavi là tên một khách sạn của một ông Hoàng ngày xưa, sang vào bậc nhất của đế đô này. Nhưng so với Âu Châu rất tệ. Cái tệ của sự bẩn thỉu dơ nhớp, cái tệ về việc làm thiếu trách nhiệm của kẻ bồi phòng. Ví dụ như chúng tôi đến vào lúc 18 giờ chiều mà tất cả các phòng chúng tôi thuê đều chưa làm ra (drap) giường, thế mà bồi đi báo cáo với chủ là xong xuôi hết. Thế giới chẳng có nơi nào như thế cả. Đường lên cầu thang khách sạn rác rưởi đầy ra như thế, không biết bao nhiêu là bồi đứng khoanh tay chơi, chẳng ai thèm đoái hoài đến công việc của mình. Có người bảo rằng bồi chỉ chờ xin tiền nước thôi, còn công chuyện thì không xong chi cả. Đi vào phòng tắm thì thiếu xà-phòng, thiếu nước nóng. Khăn tắm là loại khăn cũ lâu đời chắc một tuần mới giặt một lần. Khách đi rồi, khách trở lại cũng dùng khăn đó, chứ không chịu giặt rửa. Thế mà khi chúng tôi từ giã vùng này để đi đến nơi khác, bồi phòng chạy theo bảo chúng tôi trả thiếu khăn tắm. Có người trong đoàn giận quá trả lời rằng: khăn của ông không đáng cho chúng tôi lau chân, chứ lấy đem theo làm gì. Chưa hết, khi xuống phòng ăn, nhìn tấm khăn bàn cũ mềm có nhiều đường xếp đen đỏ hòa lẫn nhau. Có lẽ khăn cũ họ đem trải lên lại và để nguyên như thế không chịu giặt. Trong khi dùng cơm, chúng tôi nhìn xuống phía bếp, thấy bồi bàn lấy khăn bàn lau chén nĩa. Quả thật chẳng có đâu dơ bằng.

Đây là một khách sạn tương đối có tiếng mà còn như thế. Ngoài ra khách hành hương sẽ khó tìm ra một nơi nào sạch sẽ hơn để ở. Thật ra chúng tôi không cần sang trọng, vì chung quanh chúng tôi còn biết bao nhiêu người phải

ngủ vĩa hè. Cái cần của đoàn chúng tôi là phải sạch sẽ và đầu ra đó đàng hoàng. Có nhiều người bảo tôi khó tính. Nhưng có lẽ tôi sẽ không dễ dàng với những việc trên được.



Bên chiếc “thăng sàng” (giường ben bằng dây gai).



Viện Bảo Tàng nơi thành Ba La Nại
có thờ Sư Tử 3 đầu thời vua A Dục.



Đại Tháp tại vườn Lộc Uyển.

Ngày thứ chín – 16 tháng 12 năm 1988

Hôm nay là ngày đi thăm sông Hằng và quan sát những tục cổ của Ấn Độ từ thời xa xưa vẫn còn lưu truyền lại cho đến ngày nay. Mới tờ mờ sáng, các chiếc xe kéo đã chờ chúng tôi ở trước cửa để kéo ra bến sông. Đến nơi, Giáo sư Lâm Trung Quốc lo mặc cả giá thuê thuyền xong, tất cả đoàn lữ hành chúng tôi đã xuống thuyền và 2 người lái đò chèo ra giữa dòng sông Hằng, quay đầu lại đi theo dọc bờ sông để chúng tôi quan sát.

Trong lúc Giáo sư giải nghĩa từng việc một thì chung quanh thuyền có nhiều ghe nhỏ ghé vào và gạ gẫm, nào bán đồ, bán cá sống, bán đồ thả xuống sông v.v... ai nấy cũng bức mình, vì tâm hồn không yên tĩnh để theo dõi những diễn biến tại đây. Tất cả mọi người hành hương đều muốn mình có cơ hội để chiêm bái học hỏi trong yên lặng; nhưng những người chung quanh đã làm chúng ta bức mình không ít. Nhất là những kẻ đi xin và người bán hàng.

Từ dưới nhìn lên, dọc theo tả ngạn sông Hằng chúng tôi thấy nhiều lâu đài cất cao chót vót, đã nhiều đời nhiều kiếp. Có nơi ghi tiếng Anh, có chỗ quảng cáo bằng tiếng Nhật. Có lẽ nhiều người Nhật đã có mặt nơi đây và đặc biệt tất cả những người bán hàng mọi nơi trên xứ Ấn đều biết nói tiếng Nhật một cách thành thạo. Có nhiều khi họ trông đến chúng tôi là mời mua hàng bằng tiếng Nhật, không cần nói tiếng Anh. Có lúc Thượng Tọa Minh Tâm và tôi trả lời bằng tiếng Nhật thì họ bu lại đây chung quanh người. Có lẽ

người Nhật trả giá hậu, nên họ thích chẳng? Người Ấn, khi bán một món hàng đáng giá 1 đô la thì họ nói giá đắt gấp 5 hoặc 10 lần. Nếu bạn trả đến 5 đô la là bạn lầm rồi đó. Hãy trả giá từ một trở lên, khi nào họ chịu gật đầu thì mình mua. Nếu không vừa ý, cứ bỏ đi, thế nào họ cũng kêu lại nài nỉ để bán.

Thầy Quảng Lượng ra phố mua Film Kodak. Thấy Film được bỏ vào tủ kính lạnh để bảo trì, Thầy mừng quá mua về, sơ ý khi mua không kiểm soát lại. Lúc về nhà mở ra toàn là Film giả, không phải 36 tấm mà chỉ có 20 tấm. Ai tinh mắt cho mấy, chắc rồi cũng có người bị gạt gẫm tại xứ này. Vì thế hãy thận trọng khi đi đến xứ Ấn Độ. Hãy hỏi kinh nghiệm của những người đi trước, trước khi đến xứ này. Nhất là giấy tờ, Passport và tiền bạc nên mang một cái túi bỏ vào trong ngực, để khỏi bị đánh cắp. Nếu lỡ ra bị mất thì nguy to, vì thủ tục hành chánh ở đây rườm rà lắm.

Thuyền đưa chúng tôi đến nơi giặt đồ để xem cách giặt của họ. Tại đây, suốt đời này qua đời khác, giai cấp này chỉ có chuyên giặt đồ mà thôi. Chúng tôi không thấy họ giặt bằng xà-phòng mà họ chỉ túm đầu áo quần lại, đập cho trắng là được. Xong đầu đó đem phơi lên cát hoặc đất. Nước sông Hằng là nơi dơ bẩn không lường. Nơi đây nào là tro của người chết cũng được liệng xuống đó. Bao nhiêu chất bẩn thỉu đều trôi về đây. Nhưng đây là nước thiêng; theo người Ấn quan niệm. Họ lặn hụp trong dòng sông đó, giặt đồ đó, tiểu tiện đó. Quả thật, khó có gì diễn tả được sự dơ nhớp này.

Thuyền quay đầu lại để đi về phía thượng lưu của con sông để chúng tôi xem những đạo sĩ ngồi thiền bên bờ sông, họ chờ mặt trời lên, đoạn lễ mặt trời. Có nhiều đạo sĩ

đứng trong tư thế một chân, hướng vọng về mặt trời, miệng đọc ra những câu thần chú rất chí thành. Có nhiều người khép mình trong một hang động thật nhỏ để tu ép xác. Có nhiều người tóc tai dài quá lưng, có nhiều người cạo nhẵn và ở trần.

Từ phương đông, mặt trời lên thật đẹp. Đường như tất cả tinh hoa của vũ trụ đều dồn hết vào tụ điểm này. Vì vậy Giáo sư Lâm Trung Quốc cứ hỏi chúng tôi là phải ở trên sông Hằng trước khi mặt trời lên, mới thấy hết được cái linh cảm của đất trời. Quả thật không ngoa chút nào.

Chung quanh chúng tôi cũng có những người Âu Mỹ tò mò chụp hình, hoặc quan sát những cảnh tượng diễn ra nơi sông Hằng này.

Thuyền cứ tiếp tục trôi về mạn ngược, chúng tôi được xem nơi chôn hỏa thiêu người chết ngoài trời. Nhưng ở đây có lệnh cấm chụp hình. Vì thế chỉ đứng từ xa nhìn, chứ không được lại gần. Tôi có ý định là phải quan sát cho kỹ những phong tục này của người Ấn Độ và định bụng rằng chiều này sẽ đi xem riêng lẻ một mình cho được lâu hơn.

Thuyền trở lại bến cũ, chúng tôi lên bờ và xe kéo chở chúng tôi về khách sạn để dùng điểm tâm và thời giờ buổi sáng cũng như buổi chiều trong ngày là giờ tự do. Ai muốn làm gì thì làm.

Trưa hôm đó chỉ còn có một mình tôi trong phòng trọ. Mọi người đã đi mua sắm hết. Nhờ bồi phòng mang cho bình nước sôi, một mình ngồi trong phòng, lấy nước sôi đổ vào tô mì gói, tôi từ từ thưởng thức và chắc trong đời chẳng bao giờ có lần ăn ngon như lần này. Vì tôi đã dùng

hai gói mì cùng một lúc. Sở dĩ có chuyện lạ ấy vì đồ ăn Ấn Độ cay quá, dùng không được. Đúng là „ta về ta tắm ao ta” vẫn hơn phải không quý vị?

Sau khi nghỉ trưa dậy, tôi thấy Thầy Minh Tâm đã về, Thầy đi dùng trưa, tôi một mình đi Bưu điện để gửi thư về Âu Châu và các xứ khác. Đến Bưu điện nhân viên cũng không buồn chào hỏi. Sau khi hỏi giá cả xong, tự mình mua tem, dán lên thư và chờ cho họ đóng mộc lên tem, mới rời khỏi phòng bưu điện đi, lúc ấy mới yên tâm. Nếu nhỡ ra, không có mặt mình, họ bóc tem ra thì sao? Một xã hội gì mà lo lắng, dằn đo, suy nghĩ không tin tưởng chút nào. Nếu ai đã có lần ở lâu tại Âu Mỹ thì sẽ không chịu đựng được những cảnh này đâu.

Sau khi Thầy Minh Tâm dùng trưa xong, tôi và Thầy cùng Đạo Hữu Thị Pháp Huỳnh Phước Bằng thuê xe kéo ra bến thiêu xác người chết để xem một lần cho tận tường. Những người khác trong đoàn có vẻ sợ sệt nên chẳng ai mạo hiểm theo chúng tôi để xem cả.

Thông thường một người chết, thân nhân sẽ mang họ ra đây, đem cả thân xác người chết nhúng xuống nước sông Hằng. Sau đó mang xác lên để trên bờ, đoạn những người thân tộc xuống sông bụm từng bụm nước trong tay, mang lên đổ vào miệng người chết. Sau đó đem lại chỗ thiêu. Nếu người chết nhà giàu thì bên trên có phủ một tấm vải vàng; nếu nhà nghèo, chỉ quàng một miếng vải trắng. Thân ma được bó thẳng theo 2 cây tre và tuyệt nhiên không có hòm. Đồ đốt toàn là củ khô, xác chết được đặt ngay ngắn vào đó và họ châm ngòi bằng những búi lửa rơm cho dễ cháy. Trong khi xác cháy họ rắc thêm một thứ bột gì đó giống như mạt cưa, và mỗi lần rải vào như thế thì

ngọn lửa lại phục lên cao hơn nữa. Có một điều lạ là cả 5, 10 xác chết được thiêu cùng một lúc, chúng tôi đứng thật gần, chẳng nghe mùi khắc gì cả; không biết họ có bỏ thuốc gì không? Chẳng có ai giải thích cho chúng tôi điều đó. Đốt độ chừng 3 tiếng đồng hồ thì những xác kia chỉ còn toàn là tro, xương không còn một mảnh. Có lẽ xương của người Ấn Độ nhỏ, mềm, nên dễ cháy chẳng?

Những người thân đưa ma, chỉ toàn là đàn ông, trên đầu cạo nhẵn, chỉ chừa một cái chóp nhỏ. Họ cũng mặc đồ trắng như người Việt chúng ta vậy. Sau khi thiêu xong rồi, người thân xuống sông Hằng múc một hũ nước lên và đứng ngược chiều để dội xuống chỗ thiêu xác, hũ bể, nước chảy ra, khói bốc lên. Thế là xong một việc. Sau đó họ cạo tro và mang rải vào sông Hằng. Có những đứa trẻ ngồi bới đồng tro tàn đã thiêu để tìm của sót như tiền bạc hay vàng vòng của người chết mang theo. Có những con dê và con bò đứng chung quanh dàn thiêu, trông dạn dĩ lắm.

Người Ấn Độ đám cưới thì làm rình rang, ngày đêm ca hát. Nhưng đám ma thì hình như lạnh nhạt. Không biết tại tư gia họ có làm lễ gì không, chứ khi mang ra sông Hằng để thiêu thì im lìm không khí tẻ nhạt lắm.

Có nhiều đám cưới, họ mượn máy phóng thanh về để ca hát suốt ngày đêm, khiến hàng xóm chẳng ai ngủ được, nhưng chẳng ai trách cứ chi. Có lẽ người này làm được, người khác cũng vậy thôi.

Thật ra mỗi dân tộc có một quan niệm khác nhau về sự sống cũng như sự chết, do đó khó có thể kết luận được là ai đúng ai sai. Trong khi viết quyển sách này, tôi cũng đã đọc được cuốn Tây Tạng Huyền Bí. Nguyên tác của một vị

Lạt Ma Tây Tạng viết, tên là Lobsang. Nguyên Phong đã phóng tác ra Việt ngữ. Đọc rất cảm động và hồi hộp vô cùng. Đến đoạn chôn xác chết ở Tây Tạng thì tôi phải rùng mình. Lạt Ma Lobsang viết rằng, khi một người chết, thân nhân để 3 ngày 3 đêm tại nhà để làm lễ cầu siêu. Sau đó giao cho Ban Âm Công. Ban này sẽ mang xác chết lên một cái đồi, để thầy ma ngay ngắn trên một tảng đá. Đoạn mổ bụng, móc tim gan, tỳ, phổi, ruột ra khỏi thân xác. Tim sẽ được liêng cho chim kênh kênh đầu đàn và những bộ phận khác liêng cho cả đàn kênh kênh. Chân tay, bắp thịt đùi v.v... sẽ được lóc thật sạch và cuối cùng chỉ còn lại bộ xương. Xương cũng sẽ được nghiền nát, sau đó liêng cho chim kênh kênh ăn nốt. Người Tây Tạng lý luận rằng: nếu có chôn xuống đất thì thể xác này cũng bị kiến đục, bọ hung ăn. Vì thế cho chim ăn cũng là cách tốt nhất vậy. Một lý do đáng quan tâm hơn hết là xứ Tây Tạng ở trên núi cao, toàn là đá, không thể nào đào sâu xuống 5 tấc đất để chôn, và cũng vì xứ lạnh không có gỗ để thiêu như Ấn Độ, nên mới làm việc ấy.

Là người Việt Nam, chúng ta đọc những hồi ký trên chắc ta cũng đau lòng không ít; nhưng biết làm sao hơn, mỗi dân tộc, mỗi nước có một phong tục, một tập quán riêng.

Đứng cạnh chúng tôi quan sát những xác chết được thiêu trên bờ sông Hằng có mấy người Đức đến từ Flensburg họ cũng tò mò như chúng tôi, quan sát từng cử chỉ, động tác của những người âm công tại đây.

Có nhiều xác chết thiêu chưa xong, thịt và xương teo lại, bọn Âm Công lại lấy cây trở qua trở lại và đập xuống nhiều lần để cho mau cháy. Trông thật thảm não vô cùng.

Ở đây riết rồi họ quen đi, nếu ai đó là khách hành hương như chúng tôi thì phân vân đủ thứ.

Đứng được khoảng 1 tiếng đồng hồ thì có người đến nói khẽ nhỏ bên tai chúng tôi là: Xin mời quý ông đi. Vì đã xem lâu quá rồi. Nếu quý ông muốn xem đến cuối cuộc thiêu, phải tốn đến 3 tiếng đồng hồ kia. Nhưng phong tục chúng tôi không cho người ngoại quốc được phép nhìn lâu như thế. Trong khi thân nhân của họ đang đau khổ. Chúng tôi thông cảm và quay về. Trên đường về, có người hướng dẫn Ấn Độ theo giải thích đủ điều. Nào là có nhiều người giàu có, khi cảm thấy sắp đến ngày lâm chung, họ thuê nhà gần bờ sông để ở. Nếu mai này có chết, việc hỏa táng tiện lợi hơn, và anh ta cũng đã giải thích nhiều vấn đề liên quan đến thần bí học. Cuối cùng thì anh ta dẫn chúng tôi vào những cửa tiệm đã được môi giới trước, gạ bán đủ loại đồ. Chúng tôi viện cớ rằng không có thì giờ nên chẳng vào một tiệm nào cả. Nếu ai đó có lần sang Ấn Độ, lúc đi mua sắm nên để ý. Nhất là lúc đi mua vải. Khi vào tiệm vải, người bán vải sẽ xổ ra tất cả các loại vải bao bọc chung quanh mình. Mình không có lối thoát thân, cuối cùng phải mua một trong những loại đã xem thì mới có cơ hội ra khỏi nơi bán vải được. Vì thế, muốn mua loại gì, phải định tâm ở nhà trước, khi đến đó mua xong là lo chạy, đừng ở lại lâu mà bị gạ gẫm mua thêm nữa.

Lên xe kéo, chúng tôi nhét vào tay anh hướng dẫn 10 Rubis, bảo xe chạy nhanh, anh đoái nhìn chúng tôi hình như còn chề ít. Lương công nhân Ấn Độ mỗi ngày vài chục Rubis là chuyện thường, tương đương 2 Mark tại Tây Đức. Vì thế 10 Rubis là hậu lăm của khách hành hương cho một người dẫn đường mà chúng tôi không nhờ vả, chỉ do anh tình nguyện để kiếm tiền.

Kinh nghiệm của những người đi trước và ở lâu tại Ấn Độ cho chúng ta biết rằng. Nếu muốn cho ăn mỳ phải thật lạnh tay, cho người nào đáng cho và sau đó đi liền. Nếu tụ hợp chúng lại để cho, một là mình sẽ bị mất ví, hai là không có của đâu mà cho đủ. Dầu tấm lòng của ai quảng đại đến bao nhiêu đi chẳng nữa, cánh cửa từ bi cũng không thể nào mở rộng trong những trường hợp như trên vừa kể.

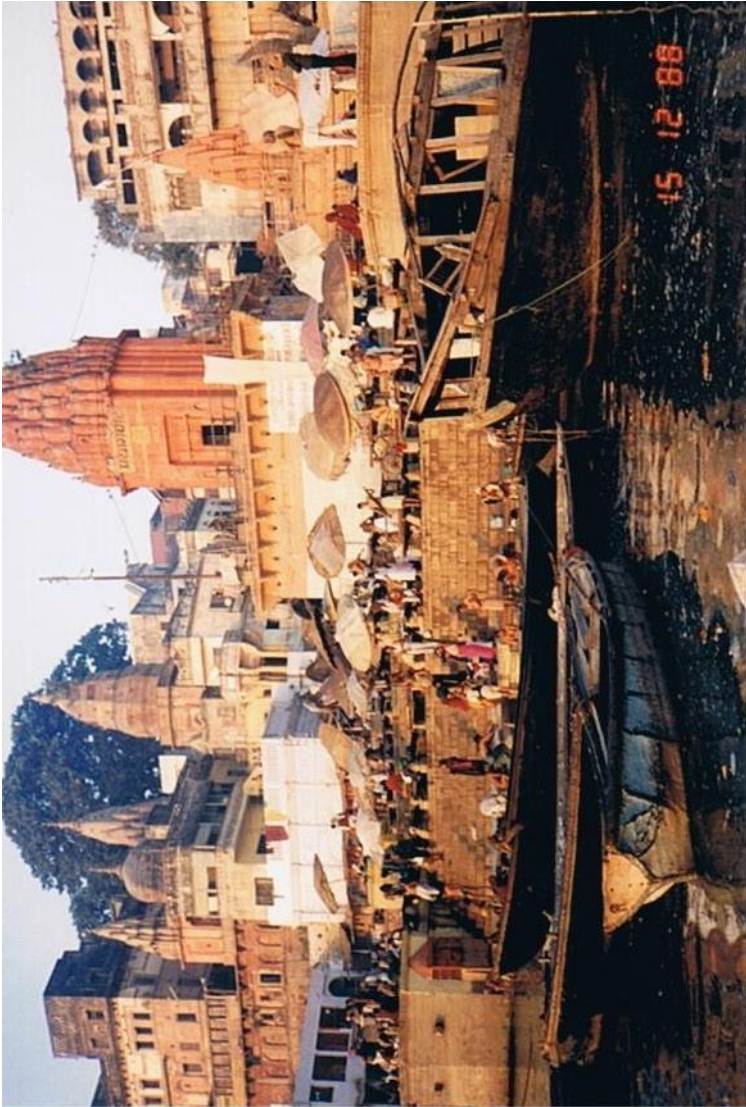
Tối hôm ấy chúng tôi ăn cơm Ấn Độ, nhưng được một cái là món mì xào và món cơm chiên đồ cay; nên nhiều người dùng được. Trong đoàn chúng tôi có tổng cộng 20 người, có 17 người ăn chay và hôm ấy có 3 người trở đũa. Sau khi ăn xong quý vị ăn mặn bảo rằng: Xương gà của Ấn Độ giống như xương bồ câu ở xứ mình. Quả thật xứ nghèo nên con người cũng nhỏ thó vì thiếu dinh dưỡng, con bò cũng ốm tong, ốm teo, con chó cũng mõi mòn, con gà có chút xiu. Vì thế thịt gà giống thịt bồ câu là phải... cả đoàn phá lên cười.

Cái khổ của chúng tôi khi ngồi vào bàn ăn là phải xem cái gì thật, cái gì không thật. Nếu kêu nước sôi, khi họ mang lên, phải xem chai nước sôi có còn đóng nắp hay đã mở ra trước và đổ nước lạnh vào. Khi xin một ly nước sôi, phải xem có thật sôi không, nếu hể hể thì đừng nên uống. Vì uống nước ấy vào không tốt cho cơ thể của kẻ lữ hành. Trên đường chẳng may bị tào tháo rượt thì nguy cho chính mình và làm phiền cả đoàn. Thức ăn Ấn Độ không hợp khẩu vị của chúng ta lắm; nhưng trái cây thì giống Việt Nam chúng ta rất nhiều. Mùa này là mùa đu đủ, ổi, chuối v.v... ai cũng muốn thử; nhưng không dám dùng nhiều, mặc dầu trước khi đi nhiều người đã chích ngừa về dịch tả cũng như sốt rét.

Hôm nay chúng tôi phải đi ngủ sớm để ngày mai còn phải dậy thật sớm, 3 giờ sáng là phải khởi hành đi rồi. Nhiều người trong đoàn há hốc bảo rằng, có lẽ từ từ sẽ có đêm không ngủ và đi luôn cho đến ngày về... ai cũng cười.



Sông Hằng một buổi sớm mai.



Sông Hăng - nơi hỏa táng những thi hài đã được thiêu.



Các Đạo Sĩ tu gần sông Hằng.



Bò là một sinh vật linh thiêng của Ấn Độ Giáo.

Ngày thứ mười – 17 tháng 12 năm 1988

Đúng 3 giờ sáng là xe bắt đầu nổ máy, muỗi trong xe cũng bắt đầu làm việc, vì nghe có hơi hám của loài người, có lẽ chúng mừng lắm. Có nhiều người xoa thuốc ngừa muỗi, nhưng muỗi vẫn chính sưng cả người. Quả thật muỗi Ấn Độ cũng đói, hay da thịt của khách hành hương mềm, không biết nữa.

Xe chạy một mạch cho đến 8 giờ sáng thì chúng tôi đến một thành phố lớn mang tên là Yotsuya. Thành phố này lâu đời và to lớn như thành Ba La Nại. Thành này có nhiều khi và nghe đâu Thầy Huyền Trang bị Ma Đăng Già bắt cóc tại thành phố này.

Xe chạy thêm 3 tiếng đồng hồ nữa, chúng tôi xuống xe, leo lên một đồi thật cao để xem phong cảnh chung quanh. Đây là nơi Đức Phật đã cải hóa ngoại đạo. Trong nhiều kinh sách có nói Đức Phật đã dùng thần thông biến hóa chính là nơi này „Trên không ra nước, dưới chân ra lửa, trên không ra lửa, dưới chân ra nước v.v...“. Từ trên đồi cao, nhìn chung quanh phong cảnh thật hữu tình thi vị. Chỉ còn độ 20 cây số nữa là chúng tôi sẽ đến Xá Vệ Quốc và Kỳ Viên Tịnh Xá.

Đây là một Thánh địa nằm hẻo lánh hơn các nơi khác; nhưng rất quan trọng. Vì trong 25 mùa kiết hạ của Đức Phật và hầu như các kinh điển lớn đều được nói tại đây. Trong đó có kinh A Di Đà, Vu Lan, Kim Cang v.v... Phạm

bất cứ kinh nào có mở đầu bằng câu “Nhất thời Phật tại Xá Vệ Quốc, Kỳ thọ Cấp Cô Độc Viên...” đều là những kinh được nói tại đây.

Sử có chép rằng ông Trưởng giả Cấp Cô Độc trên đường đến xứ Ma Kiệt Đà để thăm người chị lấy chồng nơi đó thì nghe có Đức Phật thuyết pháp tại thành này. Khi đến nơi, ông đành lễ Đức Thế Tôn và tỏ ra kính phục bậc Đạo Sư này, do đó ông đã phát nguyện là về xứ ông, ông sẽ tìm một nơi thật xứng đáng để thỉnh Phật và chư Tăng về đây cư ngụ.

Sau khi ông về nước Xá Vệ đi tìm khắp nơi chốn chẳng có nơi nào xứng đáng cả. Duy chỉ có vườn cây của Thái Tử Kỳ Đà là ông ưng ý. Do đó ông có ý định mua và lập Tịnh Thất cho Đức Phật ở. Thái Tử bảo rằng: Nếu ông muốn mua đất của tôi, ông hãy đem vàng lót đến đâu, tôi sẽ bán đến đó. Nghe được lời hứa ấy, ông vui mừng khôn tả, cho gia nhân chở vàng đến để lót. Khi lót gần xong vườn, Thái Tử đổi ý định là không bán. Ông Cấp Cô Độc mới bảo rằng Thái Tử trong tương lai là bậc chấn dân trị nước, lẽ nào lại có lời dối gạt ư! Cuối cùng Thái Tử Kỳ Đà đã ưng thuận. Những nơi nào lót vàng được thì thuộc về phần ông Cấp Cô Độc; những cây cối nơi không lót vàng được thuộc về Thái Tử. Vì vậy trong kinh mới có câu là vườn của ông Cấp Cô Độc và cây của Thái Tử Kỳ Đà là vậy đó.

Phái đoàn chúng tôi đến tạm trú tại chùa Tích Lan. Chùa này do chính phủ Tích Lan tài trợ và đã được Thủ Tướng Tích Lan đặt viên đá đầu tiên từ 10 năm trước và tháng 12 năm 1988 này sẽ có Phó Tổng Thống Ấn Độ đến khánh thành.

Tất cả chùa chiền ở Ấn Độ đều xây theo một kiểu như sau: Phía trước là điện Phật, 2 bên là Tăng phòng, phía sau là nhà trù. Chùa xây theo lối hình vuông. Ở giữa có một sân rộng. Mỗi lần thổi cơm là khói bay khắp các gian nhà để muối khói vào. Ở nhà quê người ta thổi cơm bằng than đá, hoặc phân bò; ở phố thị thì nấu bằng Gas hay điện.

Sau khi cơm nước xong, chúng tôi nghỉ ngơi một chút đỡ mệt, để sau đó đi vào Kỳ Viên Tịnh Xá trong vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc. Vườn thật đẹp, đúng là Ngự Uyển của nhà vua thời xưa. Có nhiều người đùa, hãy xem kỹ dưới chân mình có thừa vàng nào nữa không? Trong vườn thật yên tĩnh, cây cối xanh tươi, mặc dầu bây giờ là mùa Đông tại xứ Ấn.

Đầu tiên chúng tôi thăm tháp thờ ông Cấp Cô Độc. Bây giờ chỉ còn là một nền nhà, ngoài ra không có gì ghi lại dấu tích nữa. Tiếp theo, chúng tôi đến thăm cây Bồ Đề An Nan. Có lẽ cạnh bên ấy còn ngôi nhà hay ngôi tháp nữa. Vì suốt trong thời kỳ Đức Phật giảng kinh tại đây, Ngài A Nan đều có mặt. Vì thế chỗ ở của Ngài có lẽ phải được xây cất đài hoàng lẫm! Có nhiều người hành hương đã nhật lá bồ đề A Nan để nhớ đến một vị Đại Đệ Tử thuộc về Đa Văn đệ nhất của Đức Phật. Và đối với Ni giới, Ngài A Nan quả thật rất có công. Nếu không có Ngài A Nan thừa thỉnh 3 lần với Đức Tôn Sư, có lẽ Nữ giới cho đến ngày nay vẫn chưa được xuất gia, hành đạo như một số tôn giáo khác đã chủ trương.

Đi một đoạn xa trong vườn, đoàn hành hương đến nơi Đức Phật thường hay kinh hành và đối diện bên kia là một giếng nước. Chính từ giếng nước này Đức Phật đã lấy nước để tắm cho một Thầy Tỳ Kheo bị bệnh. Tất cả những hành

động của Đức Phật đều toát ra một mối từ tâm. Có lẽ cũng chính vì thế mà tôi lấy tựa đề của quyển sách này là “Lòng từ Đức Phật”.

Không từ bi sao được, khi còn là một Đông Cung Thái Tử, Ngài sống trong chốn lầu son gác tía, đầy đủ mọi thứ vui; nhưng sau khi thăm 4 cửa thành, thấy nhân sinh còn quá khổ đau tục lụy, Ngài đã động mỗi từ tâm. Vì thế mới quyết chí xuất gia tầm đạo, tìm đường giải thoát cho nhân sinh. Quả thật lòng từ vô lượng vậy.

Tất cả phái đoàn đã vào tận bên trong ngôi nhà, nơi Đức Phật thường trú và thường hay thuyết pháp tại đây để chuẩn bị hành lễ. Mùi trầm hương xông ngát, hòa lẫn với tiếng kinh cầu. Thượng Tọa Thích Minh Tâm đã bắt giọng và tất cả chí thành tụng xong một biến A Di Đà. Trong khi tụng kinh chúng tôi liên tưởng đến các vị Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi, A Di Đà v.v... cũng đều hiện diện đâu đây, để chứng minh cho lòng thành của đoàn người chúng tôi từ xa xôi đến.

Sau khi tụng kinh Thượng Tọa Thích Minh Tâm đã nói về nhân duyên tại sao Đức Phật nói kinh A Di Đà tại Kỳ Viên Tịnh Xá này và tôi đã nói thêm về lòng tín tâm của Phật tử đối với việc vãng sanh về Tịnh Độ.

Phía đối diện nơi Đức Phật thường hay thuyết pháp là cô gái giả bụng chứa vu oan Đức Phật. Lúc bấy giờ những vị Bồ Tát có thần thông, không còn hồ nghi gì cả về Đức Phật; nhưng những vị mới học còn có ý hồ nghi. Đức Phật ôn tồn bảo cô gái. Việc ấy chỉ có ta và người biết, người không cần phải vu oan. Tức thời Phạm Thiên hiện ra con chuột cắn đứt bụng chứa giả của cô con gái. Cô ta xấu hổ

chạy vội vã về hướng tây, phía sau cây Bồ Đề của Ngài A Nan ngã xuống giếng và chết tại đó.

Chính nơi Kỳ Viên Tịnh Xá này Đức Phật đã cảm hóa vua Ba Tư Nặc và sau này ông là một vị vua rất có công với Phật Giáo.

Chúng tôi đã đến thăm nơi nền tháp Đức Phật độ chàng Vô Nảo. Chàng vì theo tà phái ngoại đạo, nên chỉ tìm cách giết người. Giết xong, cắt ngón tay, khâu thành vòng. Nếu đủ 100 người, xem như thành công. Chàng đã giết 99 người, chàng nghĩ ngay là hãy về nhà giết mẹ để đủ số thứ 100. Đức Phật liền hiện ra và độ cho chàng quy y về nẻo chánh.

Thượng Tọa Thích Minh Tâm và tôi tìm đến xem các nhà khảo cổ đang khai quật của chính phủ Ấn Độ và Đại Học Kansai của Nhật Bản. Họ làm việc rất cẩn thận, đào sâu xuống lòng đất, dùng bàn chải thật mịn để bươi từng thớ gạch, sợ mất đi dấu tích của ngày xưa. Những đất và gạch đã được đào, họ mang lên để vào một nơi nhất định để cho các nhà khảo cổ giáo nghiệm lại.

Xe Bus rời Kỳ Viên tịnh xá và vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc để đi về thành Xa Vệ Quốc. Từ đây đến Xá Vệ Quốc không xa, đi bộ chừng 15 phút. Đi xe độ 3 phút. Trên xe Giáo sư Lâm Trung Quốc có khen là chuyến hành hương này rất trật tự và không bị mất nhiều thì giờ như những chuyến khác. Giáo sư cũng lo lắng là ngôi chùa Việt Nam Phật Quốc Tự cất xong mà không có ai trụ trì. Do đó yêu cầu quý Thầy thay phiên nhau mỗi năm một vài tháng đến đây để giúp Giáo sư. Tôi là người từ chối đầu tiên. Có lẽ nhiều người đã ngạc nhiên. Nhưng đó là sự thật, phải

thành thật mà nói, đất Phật tôi rất tha thiết được về; nhưng nhìn cảnh khổ của những người chung quanh lòng tôi không thể an nhiên tự tại được. Và lại ở Ấn Độ, chung quanh mình không được vệ sinh cho lắm, do đó tôi không dám nhận lời.

Chúng tôi leo lên thành Xá Vệ Quốc để đứng nhìn chung quanh những lâu đài cung điện cũ ngày xưa, giờ đây đâu còn nữa. Đã hòa lẫn với thời gian, đã trải qua không biết bao nhiêu phong sương cùng tuổi nguyệt.

Lúc xuống thành và lên xe Bus để trở về, tôi lại bị thương chân, máu ra vô kể. May mà trong chuyến hành hương này có được điểm phúc là có hai ông bà Bác Sĩ cùng đi. Do đó tôi được cấp cứu liền bằng những băng vết thương cá nhân. Nhưng vết đứt, cắt sâu vào da thịt quá do đó máu chảy không ngừng. Đúng là "máu nhuộm sân chùa" rồi. Tôi pha trò thế; nhưng trong lòng rất lo và sợ vết thương làm độc, không biết làm sao đây. Quả thật may phước là máu đã dừng và mọi người lại yên chí để tiếp tục cuộc hành trình.

Không biết ngày xưa tôi có mắc nợ chàng Vô Nảo phần máu nào tại đây chăng? mà đến nay máu tôi đã đổ để trả nợ xưa. Hoặc giả tôi có tâm niệm rằng sẽ không bao giờ đi Ấn Độ nữa, mặc dầu đất thiêng tôi vẫn muốn tới. Vì thế nên bị đứt chân chăng? Sau này Giáo sư Lâm Trung Quốc có nói rằng nếu tôi không thích đi thì cứ dẫn đoàn hành hương sang Bồ Đề Đạo Tràng rồi năm đó, Giáo sư hướng dẫn phái đoàn đi chiêm bái. Lúc xong, giao phái đoàn lại cho tôi để hướng dẫn về Âu Châu. Đây có thể cũng là một đề nghị hay; nhưng Ấn Độ đối với tôi xa lạ quá. Xa lạ với Âu và Á Châu rất nhiều. Nơi đây có cái gì huyền bí, khó

diễn tả được. Đường như không phải là nơi để nói chuyện phỉm mà là đất của các Tôn Giáo phải được phát xuất tại đây.

Trên đường về, phái đoàn có ghé thăm chùa Miến Điện và cúng dường, tôi vì bị thương nên vẫn ngồi trên xe Bus. Tôi đang lo lắng là ngày mai có thể tiếp tục cuộc hành trình không, lỡ ra bỏ chuyến đi đang dở thì nguy cho cả phái đoàn.

Lúc về lại chùa, ông bà Bác sĩ Minh săn sóc vết thương cho tôi rất cẩn thận và cho tôi thêm một ít thuốc chống nhiễm trùng.

Tối hôm đó chúng tôi ăn cơm với muối mè, rau cải luộc, thế mà ngon đáo để.

Trong giấc ngủ tôi cầu nguyện cho chân tôi được bình an, không còn ra máu nữa. Nằm thiếp đi tự lúc nào, khi nghe tiếng tụng kinh bằng tiếng Pali trên chánh điện của các chú tiểu, tôi mới choàng người ngồi dậy. Việc đầu tiên là xem lại vết thương. Đêm qua chỉ còn ra một ít máu. Tôi mừng thầm, thế là hôm nay có thể tiếp tục con đường thiền lý.

Nhìn những chú tiểu 13, 14, nhớ lại thời niên thiếu xa xưa, cũng vào thời giờ này phải dậy gióng chuông, kinh kệ và tôi cũng đã liên tưởng đến những chú tiểu Tây Tạng con nhà quyền quý muốn vào tu, phải chịu khổ cực hơn người bình dân rất nhiều. Vì họ quan niệm rằng người giàu có quyền thế dễ sinh tâm kiêu mạn. Do đó phải tôi luyện cho thật nhiều trước khi thành Lạt Ma thì sau này mới có được cái tâm bình đẳng vị tha để cứu vớt chúng sanh và đồng loại.



Cây Bồ Đề A Nan tại vườn của ông Cấp Cô Độc.



Một nền pháp xá cũ tại vườn Cấp Cô Độc -
nơi đây Đức Phật đã trú ngụ hơn 25 mùa hạ.



Kỳ Viên Tịnh Xá nơi vườn ông Cấp Cô Độc
và Thái Tử Kỳ Đà.

Ngày thứ mười một – 18 tháng 12 năm 1988

Hôm nay cả phái đoàn chuẩn bị lên đường đi Népal, một Thánh địa quan trọng trong 4 Thánh địa của Phật Giáo. Đó là vườn Lâm Tỳ Ni, nơi Thái tử Tất Đạt Đa đản sanh cách đây 2532 năm về trước. Có vài vấn đề cần phải giải quyết. Đó là giấy tờ xin nhập cảnh Népal. Vì có nhiều người trước khi đi, chiếu khán chỉ cho nhập nội Ấn Độ có một lần, do đó không biết có thể vào Népal và trở lại Ấn Độ được không? Nếu đi không được thì những người kia đành phải ở lại biên giới để chờ đoàn hành hương từ Népal trở lại đó đi tiếp. Đó là cách giải quyết hay và hợp lý nhất. Nhưng ai cũng mong đi cho được, Cuối cùng chỉ có cách là cầu Phật gia hộ cho qua khỏi mọi khó khăn mà thôi.

Xe chạy từ 5 giờ sáng, mãi đến 10 giờ sáng mới đến khách sạn nằm gần biên giới Népal. Tất cả hành lý được mang vào phòng, chỉ chạy xe không và chờ đoàn hành hương sang biên giới, sợ khi về Ấn Độ rắc rối, bị khám xét thì mệt cả đoàn.

Thủ tục nhập nội Népal tốn khoảng 1 tiếng đồng hồ là xong. Mọi người hú vía, tất cả đều được đi và Ấn Độ đã hứa cho trở về mà không có gì rắc rối cả. Người ngoại quốc có vẻ hơi phức tạp một chút, riêng người dân địa phương tại 2 nước này họ đi bộ qua lại dễ dàng, chẳng cần giấy tờ chi. Chỉ cần vận bộ xà-rông, đầu đội khăn và nước da ngăm ngăm là khỏi cần trình giấy. Có nhiều người ngồi trên xe

đùa rằng: Nếu đi không được, các cô các bà già người Ấn Độ, có thể qua lại dễ dàng. Ở đây cả đàn ông, lẫn đàn bà đều mặc đồ dài tha thướt, ngay cả đi làm ruộng cũng vậy. Xứ nghèo mà sống có vẻ phong lưu. Chưa chắc những người giàu tại Âu Mỹ có được một đời sống tự tại như thế.

Từ biên giới Népal chúng tôi đã thấy bảng quảng cáo đón chào du khách đến thăm nơi Đản Sanh của Đức Phật, cách đó chừng 25 cây số. Tại đây cũng có quảng cáo Coca Cola của Mỹ, còn bên Ấn Độ thì tuyệt nhiên không, chỉ có Coca của Ấn Độ mà thôi. Trông vậy chứ người Ấn Độ bảo thủ hơn những dân tộc khác tại Á Châu rất nhiều. Nga cũng không mà Mỹ cũng không. Ấn Độ là Ấn Độ. Cái gì cũng xài đồ nội hóa cả. Népal thì không. Đường như ảnh hưởng của Mỹ hơi nhiều.

Con đường từ biên giới Népal sang vườn Lâm Tỳ Ni được mang tên là đường Shidharta, để nhớ ơn một vị Thái Tử đã làm rạng danh cho 2 quốc gia này. Ngày xưa cung thành Ca Tỳ La Vệ của vua Tịnh Phạn nằm trong xứ Ấn Độ và bây giờ đang thuộc về xứ Népal. Từ đây, nếu trời tốt có thể trông thấy rõ núi Hy Mã Lạp Sơn, quanh năm tuyết phủ.

Rất tiếc không có nhiều thì giờ nên chúng tôi không đi thăm cung thành Ca Tỳ La Vệ được, mà tôi đoán chắc rằng không cách xa đây bao nhiêu cây số. Vì ngày xưa theo tục lệ Ấn Độ, khi người đàn bà sắp khai hoa mãn nguyệt, phải về lại nhà cha mẹ để hạ sanh và trên đường đi đó Hoàng Hậu Maya đã đản sanh Thái Tử tại vùng này.

Sau gần một tiếng đồng hồ xe chạy, chúng tôi đã đến chùa Népal, nơi có vị Sư già đã có lần đi Nhật Bản và sắp đi

Pháp để thăm viếng các Phật sự tại đó. Tôi có hỏi Người về nước Nhật ra sao. Ông trả lời: Ổn ào và đông người quá. Tôi không nghe ông khen cái văn minh của Nhật mà chỉ so sánh những cái gì tốt hoặc xấu hơn nước của ông mà thôi.

Cả đoàn hành hương sau khi rửa mặt xong, chúng tôi trải chiếu dưới bóng mát của cây xoài để dùng cơm trưa. Bữa cơm rất đơn giản, nhưng ngon sao lạ lùng. Thức ăn chỉ có đồ xào, muối mè, bông cải; nhưng ở thành thị, dầu cao lương mỹ vị đến đâu cũng không thể nào đổi được một bữa cơm ngoài trời hấp dẫn như thế.

Sau khi dùng cơm trưa xong, chúng tôi đi vào vườn Lâm Tỳ Ni để thăm nơi Đản Sanh của Thái Tử. Đầu tiên chúng tôi gặp một quần tháp xây chung lại 16 cái bên nhau của các vị A La Hán vào thế kỷ thứ 8, sau Tây lịch. Sau đó đến thăm hồ nước thiêng và tương truyền rằng khi Thái Tử sinh ra có con rồng thiêng phun nước. Chính Thái Tử đã được tắm gội nước thiêng ấy tại hồ này. Hồ vẫn còn đây, nước xanh trong vắt, không sâu lắm, từ bên trên có thể nhìn thấy tận đáy hồ. Bên cạnh hồ có cây bồ đề to lớn che rợp cả một khoảng trống rộng lớn. Bồ đề là một loại cây rất dễ sống tại xứ Ấn và Á Châu. Trái lại Âu và Mỹ Châu khó bề mà trồng được như thế. Có nơi dư thừa mà có chỗ lại thiếu thốn.

Khi vua A Dục được Ngài Ưu Ba Cúc Đa dẫn thăm thánh địa này, đã chỉ cho nhà vua biết rằng: Đây là nơi Thái Tử đã Đản Sanh. Nhà vua quỳ lại xuống chỗ đó và cho sắc phong xây trụ đá để kỷ niệm. Trên trụ đá có khắc hàng chữ: "chính nơi đây là nơi Đản Sanh của Đức Phật. Trẫm ra lệnh miễn thuế 1/8 cho dân chúng trong vùng này". Ngày nay trụ đá ấy vẫn còn và nhờ hồi ký của Ngài Huyền Trang

nên vào cuối thế kỷ thứ 19 – năm 1886 một nhà khảo cổ học người Đức tên là Alois Anton Führer đã khai quật được trụ đá này. Trụ cao khoảng 10 thước, đã tồn tại hơn 2000 năm lịch sử. Đây là một cuộc nghiên cứu có tính cách lịch sử và đã làm đảo lộn các giả thuyết của người Tây phương khi nói về Phật Giáo.

Chúng tôi quỳ xuống và hướng về trụ đá tụng bài Khánh Đản và miên man suy nghĩ công đức của vị Tôn Sư khả kính của nhân loại. Lời kinh vang dội khắp nơi, như đâu đây có sự đáp từ của chư Thiên hoặc Long Thần hộ pháp.

Sau khi tụng kinh, lễ bái, thỉnh đất thiêng xong, chúng tôi lên thăm đền thờ của Mẫu hậu Maya. Tại đây có thờ tượng Hoàng Hậu lúc hạ sanh bằng đá, bên cạnh là hình Thái Tử và bên kia là tượng một vị thần của Bà La Môn Giáo. Bất cứ nơi Thánh tích nào của Phật Giáo cũng đều có sự hiện diện của họ để cầu tài.

Chung quanh ngôi đền của Hoàng Hậu, chúng tôi thấy có một nhóm khảo cổ đang đào bới một vài nơi. Đây là nơi mà Liên Hiệp Quốc và các quốc gia Phật Giáo như Nhật Bản, Trung Hoa, Đại Hàn và ngay cả Việt Nam đã tài trợ cả trăm triệu đô la nhưng giờ đây chưa khai quật, hoặc xây dựng thành hình được một cái gì cả.

Giáo sư Lâm Trung Quốc đã dẫn chúng tôi đi thăm vườn xoài lịch sử do nhiều nhân vật nổi tiếng đã trồng như phu nhân Tổng Thống Tích Lan, Công chúa Thái Lan, Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc Kurt Walheim - hiện là Tổng Thống Áo Quốc v.v... đã trải qua 10 năm rồi mà vườn xoài chưa lên khỏi đầu người. Quả thật đây là một nơi để triển lãm những danh nhân của thế giới.

Có đi đến nơi rồi mới hiểu tất cả sự thật là gì. Còn đa số các nhà viết sử, tìm tòi tài liệu rồi cứ thể phóng đại ra, làm cho dân chúng chưa đi đến nơi dễ tin ngay. Nhưng ai đã đến nơi rồi, đều chứng hứng. Ôi hay! thế sự tại tâm.

Phái đoàn vào lễ Phật tại chùa Tây Tạng, sau đó sang chùa Népal cúng dường rồi ra về. Các vị Sư Tây Tạng hầu như chẳng ai nói được tiếng Anh nhiều. Họ ở bất cứ nơi đâu trên thế giới cũng vậy. Nhưng được cái phước là họ đã tu hành nhiều đời nhiều kiếp, nên những người Âu Mỹ tu theo họ, chịu khó học tiếng Tây Tạng để sau này, tự chính những người này thông dịch ra tiếng địa phương. Nhờ đó mà ngày nay tại các xứ Âu Mỹ, Phật Giáo Tây Tạng phát triển rất mạnh. Còn các Sư Ấn Độ và Népal nói tiếng Anh giọng địa phương thì người ta nghe cũng khó lòng mà hiểu cho hết nổi. Nhưng dầu sao, tiếng Anh vẫn là một ngôn ngữ ngoại giao mà thế giới ngày nay nơi nào cũng có thể hiểu được.

Phái đoàn lên xe, rời khỏi Lâm Tỳ Ni lúc 15 giờ chiều. Khoảng 16 giờ chiều phái đoàn về đến biên giới Ấn Độ. Xe dừng bên này Népal để cho mọi người mua sắm. Sau một hồi đi bộ mỏi chân, mọi người lên xe và bảo rằng chẳng có mua gì cả, ngoại trừ mấy chai nước ngọt.

Nếu dân các nước này có đầu óc kinh doanh như Nhật Bản, những nơi du khách đến nhiều như thế này, họ sẽ chẳng bỏ lỡ một cơ hội nào cả. Còn ở đây, bụi bặm, cầu thả, dơ nhớp, chẳng có gì hấp dẫn người du lịch. Chẳng qua vì nghĩ đến Đức Phật nên Phật Tử năm châu mới đến đây chiêm bái. Nếu không, những địa phương này đã vắng bóng những phái đoàn hành hương rồi.

Về lại khách sạn đúng 17 giờ chiều, mọi người chuẩn bị cho buổi cơm tối. Tại khách sạn này chắc một năm họ chỉ đón khách một vài lần nên bếp núc sơ sài, giường nệm đều cũ mốc. Hai người dùng chung một khăn tắm và nhà vệ sinh chẳng có giấy đi cầu. Đặc biệt khách sạn này không có nước nóng. Nhìn vẻ mặt thờ ơ lãnh đạm của người chủ Hotel, chúng tôi thấy họ chẳng cần khách. Có cũng được, không có cũng chẳng sao. Họ không niềm nở và khéo léo chút nào cả.

Quý cô quý bà trong đoàn phải tự xuống nhà bếp nấu cơm, luộc mì. Nếu để cho Ấn Độ nấu, chắc rằng sẽ không bao giờ ăn được. Những người bồi phòng, bồi bếp đứng nhìn quý bà Việt Nam nấu cơm. Người quản gia khách sạn ngồi canh chừng, trông có vẻ giai cấp Bà La Môn lắm. Những tấm liếng của phòng ngủ bẽ tan tác khắp nơi cũng chẳng có ai buồn dọn dẹp. Muối đây cả phòng, tường nhà thì loang lổ, trông như mới qua một cuộc chiến tranh dữ dội lắm tại xứ này.

Không biết họ nghĩ sao mà không chịu dọn dẹp. Có phải chẳng dân tộc tính của xứ này là làm cho có chuyện mà thôi?



Đại học Nhật Bản đang khai quật
các di tích lịch sử nơi Kỳ Viên Tịnh Xá.

Ngày thứ mười hai – 19 tháng 12 năm 1988

Rời khách sạn vào lúc 5 giờ sáng và phái đoàn chúng tôi hướng về Cầu Thi Na. Nơi Đức Phật Nhập Đại Niết Bàn dưới hai cây Sa La song thọ. Đoạn đường này là đoạn đường khó khăn nhất, chỉ dài độ 200 cây số mà mãi đến 11 giờ trưa mới tới.

Đọc đường chúng tôi thấy dân cư miền này khá hơn miền Trung Ấn Độ. Ở đây trâu bò cũng mập, nhà nào cũng chứa thóc đầy kho. Cây cỏ xanh tươi. Hai bên vệ đường những cây xoài to tướng vươn cành ra che rợp cả lối đi. Có nhiều ruộng mía và nhiều ruộng trồng đay. Nhìn chung quanh hoa màu khá hơn những vùng khác trên những chặng đường chúng tôi đã trải qua.

Thỉnh thoảng có nhiều người dừng lại nhìn khách hành hương chúng tôi khi xe chạy chậm qua trước mặt họ hay xe dừng trước cổng xe lửa để chờ xe lửa qua. Những người vùng quê nghèo lắm, không có tiền mua kem và bàn chải đánh răng, nên họ phải bẻ một nhánh cây sấu đông để đánh răng. Cây sấu đông ở đây lá hơi nhỏ hơn cây sấu đông ở xứ mình; nhưng nghe đâu có một công hiệu lạ thường. Nếu ai bệnh, nằm dưới cây sấu đông về đêm sẽ hết bệnh. Cũng vì có công hiệu chữa bệnh ấy nên khi chà vào răng, răng trở nên trắng và không bị sâu ăn. Có lẽ vì tính chất ấy nên có thuyết cho rằng các vị Tổ ngày xưa đã

dịch cây này là “Dương chi” trong bài “Dương chi tịnh thủy, biến sai tam thiên”.

Xe chúng tôi dừng trước cổng vào nơi Đức Phật nhập diệt. Mọi người chuẩn bị nhang đèn vào lễ Phật. Trên đường vào điện chính, chúng tôi gặp hình ảnh của những cây Sa La. Thân cây cao chót vót, ít cành ngang, lá bầu và tròn như lá bàng, thân cây nhỏ như cây dương ở miền nhiệt đới. Mọi người đứng nhìn thật lâu. Sau đó chúng tôi tiến gần đến trước một tôn tượng nằm trong tư thế nhập diệt, dài độ chừng 15 thước. Tượng sơn son thếp vàng, rất lâu đời. Nét mặt Ngài rất từ hòa, trong khi đó chúng tôi ai nấy đều cảm động và rưng rưng nước mắt. Chúng tôi khóc vì sinh bất phùng thời, không gặp được Phật để nghe những pháp âm vi diệu của Ngài. Chúng tôi buồn, vì khi đến đây Ngài đã nhập diệt cách đây trên 2.500 năm rồi. Chúng tôi đều quỳ xuống tụng kinh trong thành kính theo sự hướng dẫn của Thượng Tọa Thích Minh Tâm. Sau phần tụng kinh là phần đi nhiễu Phật 3 vòng trong khung cảnh trang nghiêm thanh tịnh. Xong phần nghi lễ tôi cũng đã nhắc lại những lời răn dạy cuối cùng của Đức Phật cho chúng đệ tử xuất gia cũng như tại gia. Thượng Tọa Thích Minh Tâm nhắc về Di Giáo kinh. Cả đoàn hành hương ai nấy đều cảm động.

Nhìn chung quanh cảnh vật rất yên tịnh, xa lánh thị thành. Chúng tôi có thể tự hỏi tại sao Ngài lại chọn nơi xa xôi này để nhập diệt? – Có lẽ Ngài không muốn cho các vua chúa và đệ tử của Ngài đến đây trong giờ phút cuối cùng của cuộc đời Ngài. Có người trong đoàn hỏi, tại sao không có người thưa thỉnh để Ngài ở đời lâu dài hơn nữa? Giáo sư Lâm Trung Quốc giải bày: “Sau khi Ngài thành đạo dưới cội Bồ Đề, ma vương đến quấy phá Ngài và đề nghị Ngài nên

chết đi. Ngài trả lời chưa được. Vì chưa đào luyện các đệ tử nổi truyền chánh pháp. Đến một ngày kia khi Ngài từ Vương Xá Thành về Tỳ Xá Ly ma vương lại nhắc thêm Ngài một lần nữa. Và để giữ lời hứa ấy, Ngài đã báo tin cho chúng đệ tử biết rằng còn 3 tháng nữa là ta sẽ nhập Niết Bàn”.

Đoàn người chúng tôi chụp hình trước những ngôi đền cũ chỉ còn tro bụi lại nền móng của thời cổ xưa, để kỷ niệm một cái gì đã qua và có lẽ không còn lặp lại được như cũ nữa.

Xe Bus chạy về nơi Đại Tháp làm lễ trà tỳ kim thân Đức Phật. Từ nơi nhập diệt đi bộ đến đây độ chừng 10 phút. Nền Đại Tháp vẫn còn nguyên, thân Đại tháp có hư hại ít nhiều. Nhiều người trong đoàn đã cùng quý Thầy leo lên trên đỉnh tháp để tụng kinh và đánh lễ Đức Thế Tôn lần cuối. Lấy một ít đất nơi chỗ động tâm thứ 4 này để về thờ. Sau thời kinh, mặt trời đã đứng bóng, đoàn người chúng tôi leo xuống tháp và nhập chung với số người còn lại ở dưới đất để đi nhiễu quanh tháp một vòng, rồi ra về trong trạng thái lâng lâng luyện tức.

Chúng tôi về lại chùa Miến Điện để dùng cơm trưa và sau đó thăm chùa Song Lâm của một Ni Sư người Tàu khai sơn từ năm 1948, pháp danh là Quả Liên. Nghe đầu Sư đã tịch, chùa không có ai trông coi và Hòa Thượng Thích Huyền Vi đã nhận đỡ đầu cho chùa này và đặt là Linh Sơn bên cạnh 2 chữ Song Lâm đã mở nhật theo nét thời gian.

Trước sân chùa Miến Điện có chừng 4 lớp học khác nhau được dạy ngoài trời. Giáo viên có một ghế dựa và 1 bảng đen nhỏ, không có bàn. Còn học trò không ngồi trên

bàn, ghế mà ngồi dưới đất. Mỗi trò có một bao bố lót dưới và một tấm bảng nhỏ, một ngòi bút bằng ống trầy dẻo nhỏ để chấm với vôi, viết lên bảng theo chỉ dẫn của giáo viên và xóa đi rồi viết lại. Quả cái nghèo của Ấn Độ nó đến cái tận cùng, không thể nào diễn tả hết được bằng bút mực.

Sau khi thăm các chùa, quan sát lớp học, chúng tôi về chùa Miến Điện nghỉ trưa một vài tiếng đồng hồ để sau đó xe Bus sẽ đưa ra nhà gare xe lửa Gorakhpur và chờ xe để về lại New Delhi.

Đây là một cuộc hành trình dài trong cuộc đời của tôi cũng như bao nhiêu người khác. Dĩ nhiên con đường còn tiếp tục nữa. Nhưng qua 12 ngày đêm, chúng tôi đã đi không biết bao nhiêu nơi, đến không biết bao nhiêu chỗ và đã chứng kiến không biết bao nhiêu là phong tục tập quán tại xứ này. Riêng tôi đã mãn nguyện và nhiều người trong đoàn cũng nghĩ như vậy.

Xe Bus đến nhà gare sớm hơn 4 tiếng đồng hồ. Chúng tôi có dư thì giờ để đi dạo phố và tìm xem có gì đáng mua không để làm quà kỷ niệm khi về lại Âu Châu. Đi một hồi lâu chẳng mua được gì cả ngoài những thức ăn vụn vặt, chúng tôi lại trở về xe Bus để chờ buổi cơm tối tại nhà gare trước khi lên xe lửa.

Trước nhà gare có xảy ra một cảnh rất đáng thương tâm nhưng chẳng ai đoái hoài đến giúp đỡ mà chỉ trở mắt nhìn người bệnh trào bọt mép nằm lăn bên cạnh đứa con thơ. Chúng tôi thấy một người trung niên bị xỉu tại đó, người Ấn Độ vây lại xem đông nghẹt. Không một hành động giúp đỡ nào cả. Cả đoàn chúng tôi mới bàn tán và Giáo sư Lâm Trung Quốc đã đi kêu Cảnh Sát, sau đó người

bệnh được chở đi nhà thương. Nếu không có chúng ta, chắc người kia đã chết; vì không kịp cứu chữa.

Vào quán cơm tại nhà gare thấy đề 2 bảng lớn. Một bên là Non-vegetarian và một bên là vegetarian. Bên ăn mặn lại ít người hơn ăn chay. Kể cũng lạ. Các xứ Âu Mỹ lại khác. Những người bồi toàn là những người lớn tuổi không còn lanh lẹ như trai nữa. Ăn mặc nhóp nhúa và hơi mất phép lịch sự với khách hàng. Khi dọn cơm lên họ không dọn muỗng nĩa gì cả. Có lẽ họ tưởng rằng chúng tôi cũng ăn bốc như Ấn Độ. Tôi kêu muỗng, người bồi bàn móc ra trong túi cùng với bụi bặm một cái muỗng, đoạn tỉnh bơ đem lau sơ qua bằng cái khăn chùi bàn, rồi trao lại cho tôi. Tôi chỉ biết cười trừ chứ biết nói sao hơn.

Bây giờ thì sắp đến giờ lên xe, phu khuân vác đã chờ sẵn tại xe Bus để khiêng đồ đạc chúng tôi lên bến tàu. Tại bến tàu này cũng giống như tại New Delhi hôm trước, cũng người nằm ngổn ngang, cũng bò tự hiên qua lại. Thỉnh thoảng có nhiều con dê đi tìm mẹ lạc loài kêu tiếng be be trông thật tội nghiệp. Mấy người thanh niên ăn trầu nói chuyện trông có vẻ duyên dáng lắm chứ. Bên cạnh đó là những bà rao hàng gạ bán những giỏ xách và bánh trái v.v...

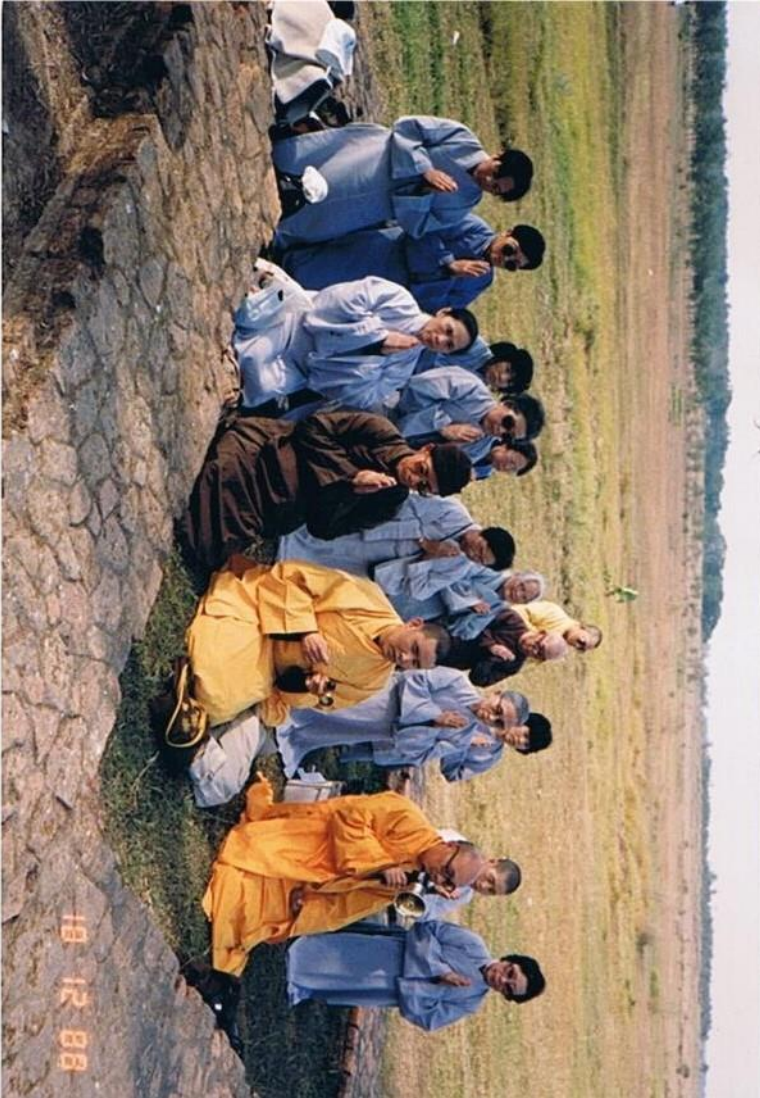
Phái đoàn chúng tôi thì mỗi người mỗi vẻ. Thượng Tọa Minh Tâm lúc nào cũng điềm nhiên, bình tĩnh ít có bình luận, ông bà Tư tại Pháp thì muốn sống yên lặng nên đã lên ngủ chung với các phòng của Ấn Độ và không đi chung với phái đoàn. Ông bà Bác sĩ Minh là người ân của tôi và của cả phái đoàn, cái gì của Ấn Độ ông cũng cố gắng thử cho biết; nhưng ông bà mạnh vô cùng chẳng có đau ốm, ho hen gì cả. Bà cụ Corehin người Việt lai Pháp lúc nào

cũng nói tiếng Tây với Ấn Độ, trông họ ngẩn ngơ chẳng biết cụ muốn nói gì. Rồi bà Nguyên lúc nào cũng nói sao mà khổ quá và dơ quá; nhìn lại mình là người có phước. Đó là phái đoàn của Pháp. Qua đến Thụy Sĩ có bà cụ tuổi đã ngoài 70 mà lúc nào cũng theo kịp đoàn và chỗ nào cũng đến được. Từ Bỉ thì có bà Giỏi cũng tháp tùng chung với phái đoàn Tây Đức. Đúng với cái tên của bà, trông bà lớn tuổi nhưng cũng giỏi lắm. Không bỏ một Thánh tích nào và đến đâu khi nghe các Thầy giảng về lịch sử, bà cũng đều ghi chép lại cả. Từ Tây Đức đi thì có tôi là người khó tánh nhất, lúc nào cũng chê dơ và chê đủ mọi thứ. Cô Diệu Nhút thì hay quên nhưng về đất Phật cũng bớt quên đi. Đạo Hữu Huỳnh Tường Quan thì lúc nào cũng dăm chiêu và ít nói. Cô Diệu Cam còn phát nguyện sang đất Phật để ở nữa. Cô Diệu Giác thì còn phân vân chưa biết tính sao.

Đến phần Canada cũng đặc biệt. Thầy Quảng Lượng dự định đi chung với phái đoàn chùa Hoa Nghiêm tại Toronto; nhưng cuối cùng chỉ còn có một mình Thầy. Quả thật đường sang Thiên Trúc có nhiều khó khăn. Chùa Quan Âm tại Montréal có 4 vị. Đó là Đạo Hữu Diệu Bích lúc nào cũng hỏi những câu hỏi khó trả lời, Đạo Hữu Từ Ngọc Duyên và bà chị thì lo lắng thức ăn, thức uống cho quý Thầy và phái đoàn rất chu đáo. Đạo Hữu Thị Pháp thì xốc vác trong mọi công việc. Có lẽ chuyến hành hương này có mình anh là trung niên nên gánh vác hết mọi việc cho quý Thầy và các vị lão niên bên trên chăng? Sau đó chú Minh Tánh từ Na Uy sang cũng đã tháp tùng cùng với phái đoàn chúng tôi đi được một số đoạn đường.

Phái đoàn chúng tôi gồm 19 vị và mỗi vị đều có một đặc tính riêng như thế. Nhưng tất cả đều hoàn hảo. Suốt cả một đoạn đường khó khăn thử thách như thế mà không có

một chuyện nhỏ to. Quả thật có Phật độ. Ngày xưa Thầy trò Đường Tam Tạng chỉ có 4 vị mà lúc nào Sa Tăng, Bát Giới và Tôn Hành Giả cũng đều có chuyện báo hại đến Thầy phải phân giải hoà mới yên. Ở đây thì ngược lại.



Cầu nguyện tại vườn Lâm Tỳ Ni - nơi Đức Phật Đản Sanh.



Trước đền thờ của Hoàng Hậu Maya.



Trụ đá của vua A Dục dựng hồi thế kỷ thứ 3 trước Thiên Chúa - nơi Đức Phật Đản Sanh.



Dưới cội Bồ Đề, trước hồ nước thiêng
nơi Đức Phật Đản Sanh.

Ngày thứ mười ba – 20 tháng 12 năm 1988

Xe lửa chạy từ lúc 22 giờ tối ngày 19 mà mãi đến 12 giờ trưa ngày 20 mới đến nơi. Đoạn đường này dài khoảng 1.000 cây số. Nếu đi xe hơi tốn khoảng 2 ngày mà chưa chắc gì ngủ yên được. Đi xe lửa chỉ có khổ một cái là lúc lên và xuống xe phải chen lấn. Vì hành lý quá nhiều. Khi đã có chỗ nằm rồi thì thoải mái lắm.

Người soát vé già cứ mỗi lần soát tên trên giấy và xem vé xe lại gở gọng kiếng và nhìn lên mặt chúng tôi một lần, như để dò hỏi có phải là người đến từ ngoại quốc không. Ông này đi, ông khác lại cũng thế.

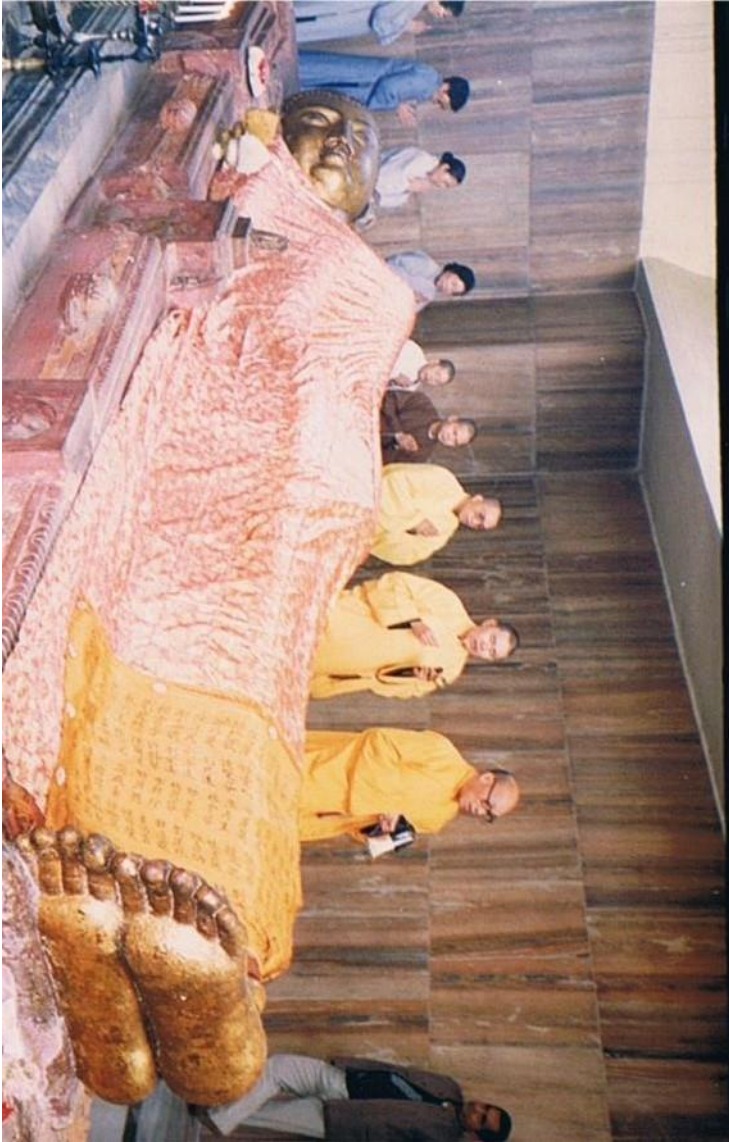
Cả đoàn mệt mỏi nên đã ngủ thiếp cho đến 7 giờ sáng hôm sau mới thức dậy. Sau đó điểm tâm bằng bánh mì, chuối, Hamburger chay và trà sữa. Trông cũng có vẻ Âu Châu. Sau khi điểm tâm là quý bà quý cô ngồi lại nói chuyện Đông Tây Nam Bắc, còn tôi đang hồi tưởng phải kể làm sao cho nó có đầu có đuôi về cuộc hành trình này cho người khác nghe đây. Nằm trên xe lửa để chờ cho xe đến. Sự chờ đợi bao giờ cũng lâu hơn là điều người ta mong muốn.

Xuống xe lửa, lên xe Bus để về lại khách sạn Yaca. Lần này cũng khách sạn này; nhưng tự nhiên tôi thấy sang trọng hơn lúc mới đến rất nhiều. Không phải vì khách sạn thay đổi, mà chính vì lòng chúng tôi đang thay đổi lớn. Khi

mới đến đây chúng tôi còn có cái so sánh của Âu Châu với xứ này; nên thấy thấp cao nhiều bậc. Bây giờ, sau khi đi hành hương về, chúng tôi như đoàn quân đã xông pha ngoài trận mạc, lặn lội với gió sương, dãi dầu với mưa nắng; nên đoàn người đã có nhiều kinh nghiệm và thay đổi sự suy nghĩ; vì thế mới dễ chấp nhận khách sạn này một cách thân thương hơn là lúc mới đến đây ban đầu.

Buổi chiều là buổi tự do tắm rửa, giặt giũ và đi shopping để mua quà. Đoàn người đã mệt lịm; nên chỉ chờ tắm rửa là ngủ li bì. Vì cả gần một tuần nay hầu như chưa tắm lần nào. Ai cũng chịu không nổi với bụi bặm và sự dơ nhớp, nên giải phóng được lúc nào hay lúc đó.

Tối hôm đó chúng tôi sang khách sạn „Ca Nị Sắc Ca” – tên một vị vua đứng chủ trương kỳ kết tập kinh điển lần thứ tư, để dùng cơm tối. Tại đây đủ loại chay mặn và tất cả đều self service, tự lấy đồ ăn theo sở thích. Đoàn người lạng lẽ đi từng bước một lấy đồ ăn, rồi trở lại vị trí của mình như hã hê với những gì đã gặt hái được trong thời gian 2 tuần lễ trước.



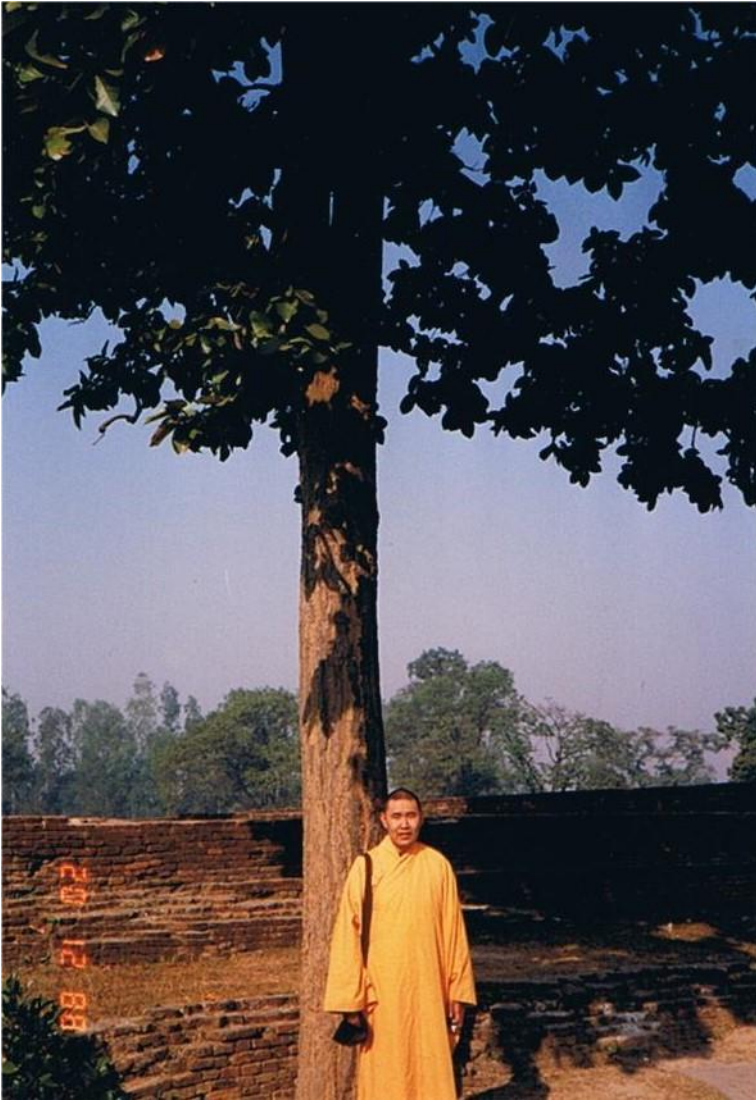
Kinh hành nhiều Phật -
nơi Phật Nhập Niết Bàn tại Kusinagara.



Chùa thờ kim thân Phật nhập Niết Bàn.



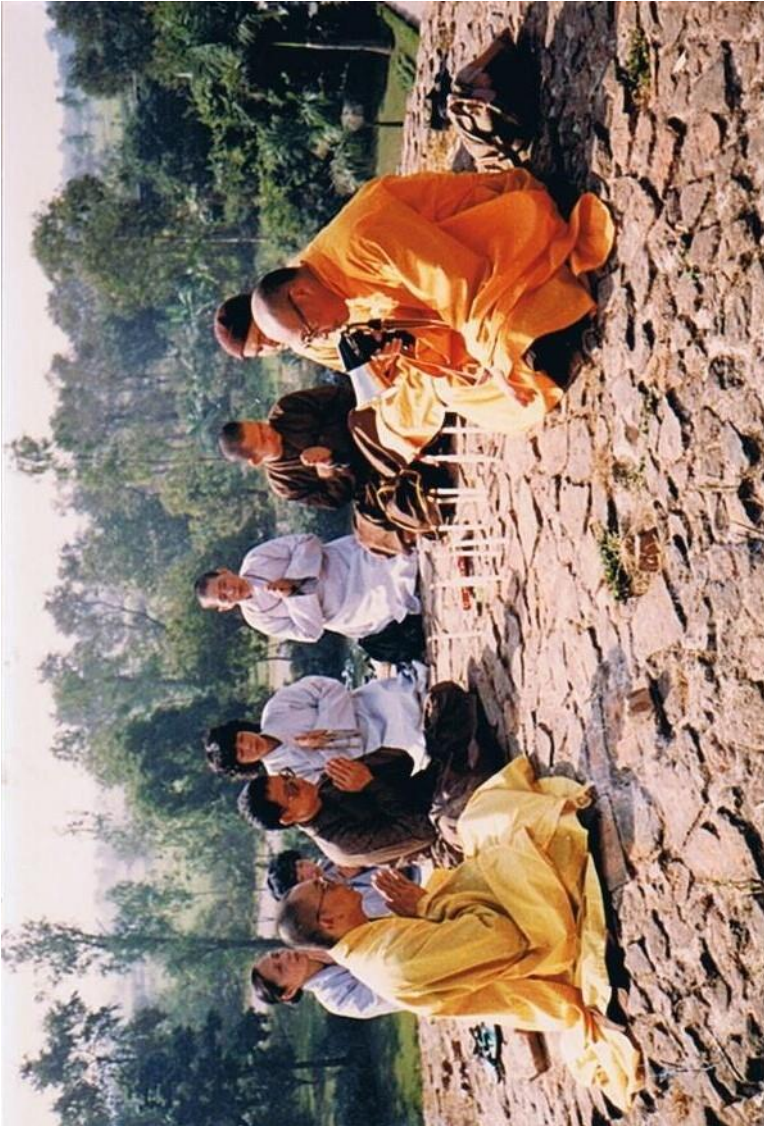
Phái đoàn nơi Phật nhập Niết Bàn.



Dưới cây Ta La tại Kusinagara.



Tại nơi Trà tỳ Đức Phật.



Trên đỉnh tháp trà tỳ kim thân Đức Phật.



Dưới chân tháp trà tỳ kim thân Đức Phật.

Ngày thứ mười bốn - 21 tháng 12 năm 1988

Đúng 12 giờ trưa ngày 20 chúng tôi đã lên xe Bus chuẩn bị lên phi trường New Delhi để về Âu Châu. Cả đoàn người chúng tôi đã giã từ thủ đô ánh sáng này, vẫy chào mấy ngôi sao điện tử trên nền trời chiếu xuống trần gian nơi chúa hài nhi đã sinh ra trước cổng của khách sạn Yaca, như để nói lên cảm ơn lần cuối với đất nước này.

Trong khi Âu Châu đang chuẩn bị đón mừng giáng sinh rộn rịp và chào đón Tết tây với pháo bông đủ loại thì Ấn Độ lại chìm ngập trong đêm tối của Thiên Thần. Không một dấu hiệu gì có cái vui chung với nhân thế và cũng không có một hình ảnh nào chứng tỏ sự rộng lượng của người Ấn Độ. Cả một thủ đô New Delhi mà không thấy bóng dáng một ngôi giáo đường, mặc dầu người Anh đã cai trị tại đây hơn cả 100 năm. Cả một thủ đô mà không thấy một ngôi nhà hàng người Tàu nào cả. Sao mà Ấn Độ bảo thủ hay như thế? Có lẽ vì vậy nước này dầu nghèo đói nhưng cộng sản không thể lợi dụng để chen chân vào mảnh đất đầy thần bí này.

Giáo sư Lâm Trung Quốc đã nói lời cuối giã từ trong nỗi ghen ngào luyến tiếc và mong gặp lại phái đoàn trong những năm tới. Thượng Tọa Minh Tâm đã đáp lời và sẽ cố gắng cổ động Phật Tử hỗ trợ cho công việc xây ngôi chùa Việt Nam tại Bồ Đề Đạo Tràng được kết quả mỹ mãn. Tất cả đều im lặng để lắng nghe và như thầm cảm ơn chư

Phật, chư Long Thần hộ pháp và nhất là Giáo sư Lâm Trung Quốc trong chuyến hành hương này.

Đúng 2 giờ sáng chúng tôi đã xong mọi thủ tục quan thuế rườm rà của xứ Ấn Độ. (Có lẽ trên thế giới chẳng có nước nào như thế). Ví dụ như tất cả hành lý đều phải được kiểm soát trước khi cân. Khi qua cổng quan thuế phải mở ví cho họ xem mọi tư trang, tiền bạc còn lại. Nếu tiền Ấn Độ còn, sẽ bị tịch thu ngay. Toàn thân người lữ khách bị lục soát không thiếu một chỗ nào v.v... và v.v...

Chúng tôi chia tay Giáo sư Lâm Trung Quốc và tiến sâu vào trong những dãy ghế đợi chờ để lên máy bay. Máy bay đúng ra là phải khởi hành vào lúc 4 giờ 25 sáng nay; nhưng máy bay từ Bombay đến trễ hơn một tiếng đồng hồ, sau đó lấy thêm hành khách tại đây và cất cánh vào lúc 5 giờ 30 sáng ngày 21 tháng 12 năm 1988 giờ địa phương.

Chẳng có xứ nào giống như xứ Ấn Độ. Máy bay đến thì 2, 3 giờ sáng. Máy bay đi thì 4, 5 giờ sáng. Quả thật đêm ấy chúng tôi có đêm không ngủ như có lần ai đó đã nói trong chuyến hành hương này.

Chúng tôi được điểm tâm sáng và cố gắng dỗ một giấc ngủ ngắn được mấy tiếng đồng hồ. Sau đó được đánh thức dậy để dùng sáng nữa theo giờ địa phương của Âu Châu và phái đoàn của chúng tôi đã đáp xuống phi trường Schipol – Amsterdam vào lúc 9 giờ sáng cùng ngày.

Trong máy bay chúng tôi lắng nghe toàn những tiếng ho, tiếng sổ mũi của những người trong phái đoàn và những người từ Ấn Độ về. Quả thật thời tiết, khí hậu và đời sống có sự thay đổi.

Phái đoàn Tây Đức và Bỉ có 6 người, chúng tôi chia tay tại Amsterdam; Canada và Pháp cũng như Thụy Sĩ sẽ về lại Charles De Gaulle sau hơn một tiếng đồng hồ bay nữa.

Trước khi đi ai cũng nôn nóng mong cho đến ngày đi. Bây giờ thì sự mong chờ ấy đã qua và thời gian sẽ không dừng lại để đợi chờ bất cứ một người nào cả.

Tôi và phái đoàn Tây Đức đã ra khỏi cổng quan thuế của phi trường trong số hành trang nhẹ nhõm mang từ đất Phật về gồm mớ đất thiêng; những chuỗi hạt bằng trầm và một số lá bồ đề để làm kỷ niệm.

Chiếc xe Bus của chùa Viên Giác đã đậu sẵn đó để đón chúng tôi và còn những 5 tiếng đồng hồ nữa chúng tôi mới đến chùa Viên Giác.

Về đến chùa trời đã sẩm tối, tôi lễ Phật và trở về phòng mình để sống lại không khí an lành như những tháng ngày qua.

Cuối một đoạn đường

Về đây đã mấy ngày nay nhưng hồn vía tôi vẫn chưa tỉnh; nhiều lúc nằm mơ thấy mình đang còn ở trên bến sông Hằng. Giật mình thức dậy thấy căn phòng đầy sách vở, mới yên chí rằng đang ở Tây Đức. Nhiều người khác trong phái đoàn cũng cảm nhận như thế. Không biết Ấn Độ có cái gì thần bí, hay vì những cảnh tượng tại Ấn Độ xảy ra ngoài dự tính của chúng tôi; nên những hình ảnh kia cứ ám ảnh chúng tôi hoài.

Ngày xưa Ngài Huyền Trang phải tốn đến 6 năm mới đi hết được đoạn đường từ Trường An đến Ấn Độ, trải qua không biết bao nhiêu gian truân thử thách. Bây giờ chúng tôi chỉ tốn có 8 tiếng đồng hồ là từ Âu Châu có thể đến Ấn Độ một cách an lành không có gì trục trặc xảy ra. Quả thật 1.000 năm sau xã hội con người có quá nhiều thay đổi.

Ngày xưa Đức Phật cũng đã đi bộ từ năm này qua tháng nọ, từ nước này qua nước khác, từ vùng này đến vùng kia mà có khi nào Ngài than mệt mỏi đâu, mà bất cứ nơi đâu Ngài cũng vui vẻ, hoan hỷ gọi mời những người con Phật hãy đến với đạo giác ngộ giải thoát. Còn chúng tôi chỉ trong vòng 2 tuần mà đã đi quanh được suốt các nơi và các xứ mà Ngài đã tốn gần 50 năm mới đi hết trong đời Ngài, thì còn hạnh phúc nào hơn nữa. Nhưng chúng ta vẫn còn than khổ, đường giồng, xe chạy không êm, dơ nhớp v.v... Có lẽ chúng ta nhiều nghiệp chướng nên mới như thế. Và lại, chúng ta sinh bất phùng thời với Đức Phật nên nguyện

lực rất ít mà nghiệp lực lại nhiều nên mãi chắt chùng lên vòng luân hồi sanh tử tử sanh của chúng ta chăng?

Đất Phật ai cũng muốn về: Nhưng nhìn cảnh tượng chung quanh, thấy những người nghèo đói ăn xin, lòng người lữ hành nào cũng ghen ngạo, khó tả. Biết cho ai và ai là kẻ được cho hay không được cho; nên rất ngại ngùng khi thi ân, bố thí. Không biết người ở đây gây nghiệp gì mà ra nông nổi ấy. Phải chăng vì ngày xưa không tin Phật, đập chùa, phá tượng, bắt bớ Tăng Ni, hủy hoại đạo pháp; nên ngày nay họ phải chịu quả báo mất tay, cụt chân, mất tai, mù mắt, câm, ngọng, điên, cùi, hủi v.v... tại sao và tại sao? Tất cả đều chỉ vì gây nên những nhân xấu nên phải hưởng những quả xấu mà thôi. Mặc dầu họ là những người được điểm phúc sanh ra trên đất Phật, gần Phật, gần ngay cả cõi Bồ Đề hằng ngày, nơi Ngài thành đạo mà không tin tưởng nơi chánh pháp và nhân quả luân hồi thì họ vẫn xa xăm với Phật pháp trong muôn vạn dặm. Còn những kẻ vô phước như chúng ta, mặc dầu không ở gần Phật, không sanh ra trên đất Phật nhưng nhờ vào lòng tin nơi nhân quả và nghiệp báo nên chúng ta đã cố gắng thực hiện những lời dạy bảo của Đức Tôn Sư, dầu xa, chúng ta vẫn được gần Ngài. Đúng là chúng ta những người vẫn có phước.

Xã hội Ấn Độ là một xã hội giai cấp và khá phức tạp, chỉ có những bậc Bồ Tát hoặc các vị Phật thị hiện ra đời mới mong độ thoát họ. Một Đức Thích Ca, một A Dục Vương Đại Đế, một Thánh Gandhi v.v... mà vẫn chưa chuyển xoay được cuộc đời tâm linh cũng như vật chất tại Ấn Độ - thử hỏi ai có tài gì để cải hóa muôn vật tại đây? Nói như thế nhưng sẽ không bao giờ tuyệt vọng. Vì chư Phật có huyền ký rằng trong tương lai chư Phật sẽ đàn sanh tại xứ này để cứu nhân độ thế.

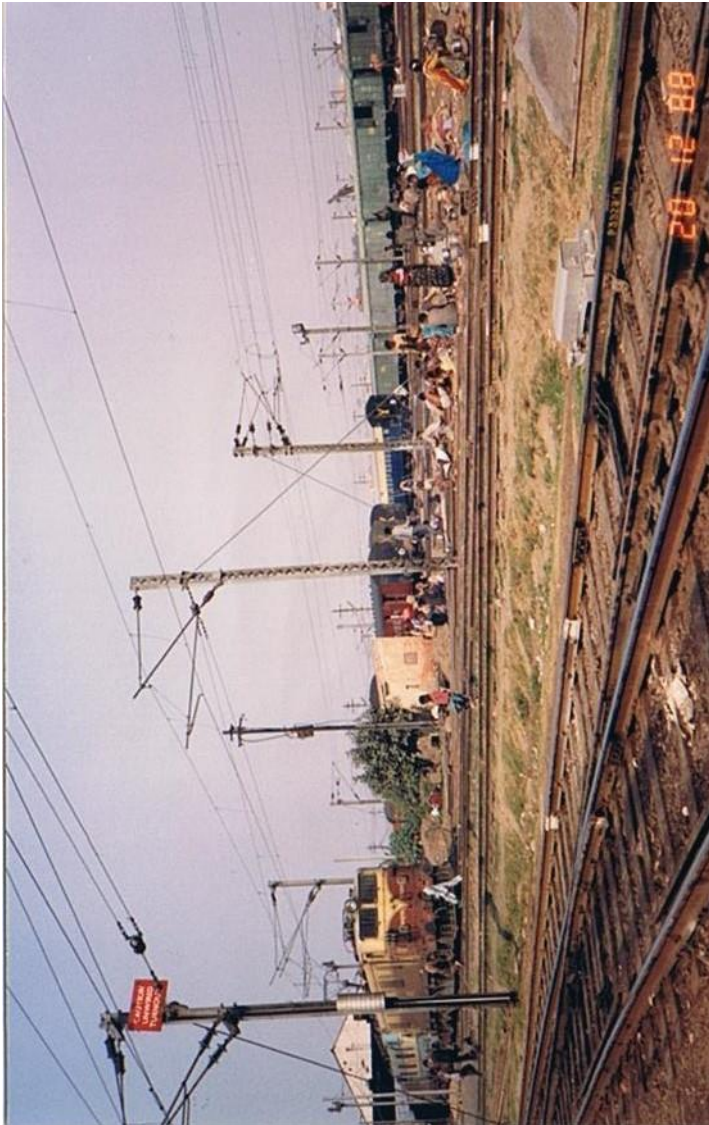
Xin chắp tay cầu nguyện cho điều ấy trở thành sự thật, cho người Ấn Độ không còn giai cấp nữa, cho thế giới được tắm mình trong ánh từ quang của chư Phật.

Tôi mong rằng ai đó là Phật Tử, trong đời mình ít nhất một lần về đất Phật để chiêm nghiệm về đời sống tâm linh tại xứ này.

Tôi hy vọng rằng tập sách nhỏ này sẽ giúp cho các độc giả xa gần có một cái nhìn khái quát về xứ Ấn Độ.

Nguyện cầu cho thế giới hòa bình nhân sinh an lạc.

*Viết xong ngày 31 tháng 12 năm 1988
Viên Giác Tự ngày mùng đông năm Mậu Thìn.*



Xe lửa Ấn Độ.



Trở lại New Delhi.

Cuốn "Lòng Từ Đức Phật" do Thượng Tọa Thích Như Điển biên soạn; Thượng Tọa Thích Minh Tâm viết lời giới thiệu. Sách do Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức xuất bản lần thứ nhất 1.000 cuốn vào tháng 9 năm 1989. Sách được gửi biếu đến các Chùa, quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Việc ủng hộ xin tùy tâm.

A Di Đà Phật